



HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN  
SÁCH XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

**HỎI - ĐÁP**

# **VỀ LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2014**

**ST**

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA



HỎI - ĐÁP  
VỀ LUẬT BẢO VỆ  
MÔI TRƯỜNG NĂM 2014

# **HỘI ĐỒNG CHỈ ĐẠO XUẤT BẢN**

**Chủ tịch Hội đồng**

PGS.TS. NGUYỄN THẾ KỶ

**Phó Chủ tịch Hội đồng**

TS. HOÀNG PHONG HÀ

**Thành viên**

TRẦN QUỐC DÂN

TS. NGUYỄN ĐỨC TÀI

TS. NGUYỄN AN TIÊM

NGUYỄN VŨ THANH HẢO

**HỎI - ĐÁP  
VỀ LUẬT BẢO VỆ  
MÔI TRƯỜNG NĂM 2014**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT  
HÀ NỘI - 2015**



## CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Luật bảo vệ môi trường năm 2014 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 23-6-2014, có hiệu lực từ ngày 01-01-2015. Luật này thay thế Luật bảo vệ môi trường năm 2005.

Để giúp cho đông đảo bạn đọc, nhất là bạn đọc tại địa bàn cơ sở xã, phường, thị trấn nắm được những nội dung cơ bản của Luật bảo vệ môi trường năm 2014, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản cuốn sách ***Hỏi - đáp về Luật bảo vệ môi trường năm 2014***. Nội dung cuốn sách gồm 152 câu hỏi và trả lời tìm hiểu về hoạt động bảo vệ môi trường; chính sách, biện pháp và nguồn lực để bảo vệ môi trường; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong bảo vệ môi trường, cụ thể, cuốn sách cung cấp khái niệm môi trường; tại sao cần phải bảo vệ môi trường; nội dung, nguyên tắc của Luật bảo vệ môi trường năm 2014, các vấn đề về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược; đánh giá tác động môi trường; kế hoạch bảo vệ môi trường; vấn đề bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên

thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo vệ môi trường biển và hải đảo; bảo vệ môi trường nước, đất và không khí; bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư; quản lý chất thải; vấn đề xử lý ô nhiễm, phục hồi và cải thiện môi trường; trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng dân cư trong bảo vệ môi trường; hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường; thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường, bồi thường thiệt hại về môi trường...

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

*Tháng 7 năm 2015*

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT**



## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

**Câu hỏi 1: Khái niệm môi trường được hiểu như thế nào? Thành phần môi trường bao gồm những yếu tố nào?**

***Trả lời:***

Môi trường có thể được hiểu là những yếu tố tự nhiên và xã hội bao quanh bên ngoài của một hệ thống nào đó. Xét theo từng khía cạnh, khái niệm môi trường được hiểu theo các nghĩa rộng, hẹp khác nhau. Theo quy định tại điểm 1 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, môi trường là hệ thống các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo có tác động đối với sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật. Cũng theo điểm 2 Điều này, thành phần môi trường là yếu tố vật chất tạo thành môi trường gồm đất, nước, không khí, âm thanh, ánh sáng, sinh vật và các hình thái vật chất khác.

Như vậy, theo cách xác định khái niệm môi trường tại Luật bảo vệ môi trường năm 2014 thì môi trường là tập hợp tất cả các yếu tố vật chất bao quanh con người, sinh vật, ảnh hưởng và tác

động đến các hoạt động sống của con người, sinh vật. Các yếu tố vật chất này bao gồm các nhân tố tự nhiên, không do con người tạo ra như đất, nước, không khí... và các nhân tố nhân tạo do con người tạo nên như các khu đô thị, công viên nhân tạo... Các nhân tố này không tồn tại một cách độc lập mà có sự đan xen lẫn nhau, thay thế cho nhau tạo nên môi trường sống đa dạng, phong phú của con người và sinh vật.

**Câu hỏi 2: Tại sao cần phải bảo vệ môi trường? Hoạt động bảo vệ môi trường bao gồm những hoạt động nào?**

***Trả lời:***

Điều 50 Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định: “Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, phát huy nội lực, hội nhập, hợp tác quốc tế, gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”. Như vậy, quy định trên tại Hiến pháp cho thấy Nhà nước ta đã và đang đánh giá cao tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường.

Việc bảo vệ môi trường là cần thiết vì môi trường có tầm quan trọng đối với đời sống của con người. Khái niệm môi trường được quy định

tại điểm 1 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2014: môi trường có tác động đối với sự tồn tại và phát triển của con người và sinh vật. Môi trường vừa là không gian sống của con người vừa là nguồn cung cấp tài nguyên thiên nhiên để con người khai thác, sử dụng, bên cạnh đó, môi trường còn bảo vệ con người và sinh vật khỏi những tác động từ bên ngoài (ví dụ như tầng ôdôn trong khí quyển có nhiệm vụ hấp thụ và phản xạ trở lại các tia cực tím từ năng lượng mặt trời)... Sự nâng cao chất lượng môi trường hay suy thoái chất lượng môi trường có ảnh hưởng sâu sắc tới đời sống con người.

Theo điểm 3 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, hoạt động bảo vệ môi trường là hoạt động giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường, ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành.

Hoạt động của con người cũng có tác động trở lại đối với môi trường. Việc khai thác tài nguyên thiên nhiên một cách lãng phí, không có kế hoạch, việc xả thải bừa bãi vào môi trường... của con người đã dẫn tới chất lượng môi trường đang bị giảm sút nghiêm trọng. Sự giảm sút này thể hiện ở việc suy thoái các nguồn tài nguyên thiên nhiên như: rừng xanh đang tiếp tục có xu hướng bị suy

thoái trong những năm gần đây; mất đa dạng sinh học đang diễn ra một cách nhanh chóng chưa từng có; tài nguyên nước đang dần bị cạn kiệt kéo theo tình trạng thiếu nước trên thế giới ngày càng lan rộng, nạn khô hạn kéo dài, gây nhiều hậu quả về kinh tế và xã hội cho nhiều vùng rộng lớn; trữ lượng chất đốt hóa thạch đang giảm sút đột ngột trong khi tiêu thụ năng lượng ngày một gia tăng, các nguồn tài nguyên đất, nước, khí hậu đang bị ô nhiễm trầm trọng... Con người đang phải gánh chịu những hậu quả từ việc suy thoái chất lượng môi trường như việc biến đổi khí hậu dẫn tới nạn hạn hán, lũ lụt, sóng thần... diễn ra ngày càng thường xuyên. Việc phải có những hành động, biện pháp cụ thể để bảo vệ môi trường là một việc vô cùng cấp thiết.

### **Câu hỏi 3: Môi trường và phát triển kinh tế - xã hội có quan hệ như thế nào?**

#### ***Trả lời:***

Phát triển kinh tế - xã hội là quá trình nâng cao điều kiện sống của con người thông qua việc sản xuất ra của cải vật chất, cải tiến quan hệ xã hội và nâng cao chất lượng văn hóa. Quá trình phát triển kinh tế - xã hội không thể tách rời môi trường tự nhiên và ngược lại, môi trường cũng chịu tác động từ quá trình phát triển của kinh tế - xã hội. Việc tác động qua lại giữa môi

trường và sự phát triển kinh tế - xã hội có thể kể đến thông qua việc luân chuyển các thành phần tự nhiên trở thành đầu vào cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội và ngược lại quá trình phát triển kinh tế - xã hội cũng bổ sung vào môi trường các nguồn nguyên liệu, năng lượng nhân tạo mới hoặc sản phẩm phế thải. Xét ở khía cạnh tích cực, phát triển kinh tế - xã hội giúp cải tạo môi trường tự nhiên hoặc tạo ra kinh phí cần thiết cho sự cải tạo đó. Tuy nhiên, nếu phát triển kinh tế ồ ạt, không có kế hoạch có thể gây ra những tác động xấu cho môi trường như sự suy thoái nguồn tài nguyên, ô nhiễm môi trường... Khi môi trường suy thoái không chỉ nguồn nguyên liệu đầu vào cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội bị suy thoái mà có thể còn gây ra thảm họa, thiên tai, đe dọa nghiêm trọng tới các hoạt động kinh tế - xã hội và chất lượng cuộc sống của con người.

Theo đó, sự phát triển kinh tế - xã hội phải bảo đảm nguyên tắc phát triển bền vững, sự phát triển luôn được xem xét, đánh giá trong sự tương tác với môi trường, bảo đảm phát triển trong mức độ duy trì chất lượng môi trường, giữ cân bằng giữa môi trường và phát triển, bảo đảm phát triển đáp ứng được nhu cầu của hiện tại mà không làm tổn hại đến khả năng đáp ứng nhu cầu đó của các thế hệ tương lai. Phát triển bền vững hiện nay trở

thành mục tiêu, định hướng của phần lớn các quốc gia trên thế giới.

**Câu hỏi 4: Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định về những nội dung gì và áp dụng cho các đối tượng nào?**

***Trả lời:***

Điều 1 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định về phạm vi điều chỉnh của Luật, theo đó, Luật này quy định về hoạt động bảo vệ môi trường; chính sách, biện pháp và nguồn lực để bảo vệ môi trường; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong bảo vệ môi trường.

Điều 2 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định: Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời.

**Câu hỏi 5: Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định như thế nào về các nguyên tắc bảo vệ môi trường?**

***Trả lời:***

Các nguyên tắc bảo vệ môi trường được quy định tại Điều 4 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, trong đó nguyên tắc bảo vệ môi trường là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi cơ quan, tổ chức, hộ

gia đình và cá nhân được đặt lên hàng đầu, qua đó nhằm nhấn mạnh hoạt động bảo vệ môi trường cần sự chung tay, góp sức của toàn xã hội và mỗi cá nhân phải có ý thức và trách nhiệm bảo vệ môi trường sống của mình. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng thành phần môi trường, được hưởng lợi từ môi trường có nghĩa vụ đóng góp tài chính cho bảo vệ môi trường. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm, sự cố và suy thoái môi trường phải khắc phục, bồi thường thiệt hại và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, Luật bảo vệ môi trường năm 2014 cũng quy định các nguyên tắc cần được bảo đảm thực hiện và duy trì khi xây dựng, triển khai các kế hoạch, chính sách bảo vệ môi trường, cụ thể:

- Bảo vệ môi trường gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế, an sinh xã hội, bảo đảm quyền trẻ em, thúc đẩy giới và phát triển, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu để bảo đảm quyền mọi người được sống trong môi trường trong lành.

- Bảo vệ môi trường phải dựa trên cơ sở sử dụng hợp lý tài nguyên, giảm thiểu chất thải.

- Bảo vệ môi trường quốc gia gắn liền với bảo vệ môi trường khu vực và toàn cầu; bảo vệ môi trường bảo đảm không phương hại chủ quyền, an ninh quốc gia.

- Bảo vệ môi trường phải phù hợp với quy luật,

đặc điểm tự nhiên, văn hóa, lịch sử, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

- Hoạt động bảo vệ môi trường phải được tiến hành thường xuyên và ưu tiên phòng ngừa ô nhiễm, sự cố, suy thoái môi trường.

### **Câu hỏi 6: Nhà nước có những chính sách như thế nào về bảo vệ môi trường?**

#### ***Trả lời:***

Đảng và Nhà nước ta luôn ý thức được tầm quan trọng của việc phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường, bảo đảm phát triển bền vững. Điều này thể hiện qua một loạt các chính sách của Nhà nước về bảo vệ môi trường, cụ thể, Điều 5 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường; kiểm tra, giám sát việc thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Tuyên truyền, giáo dục kết hợp với biện pháp hành chính, kinh tế và biện pháp khác để xây dựng kỷ cương và văn hóa bảo vệ môi trường.

- Bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo; đẩy mạnh tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu chất thải.

- Ưu tiên xử lý vấn đề môi trường bức xúc, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, ô nhiễm môi



trường nguồn nước; chú trọng bảo vệ môi trường khu dân cư; phát triển hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường.

- Đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường; bố trí khoản chi riêng cho bảo vệ môi trường trong ngân sách với tỷ lệ tăng dần theo tăng trưởng chung; các nguồn kinh phí bảo vệ môi trường được quản lý thống nhất và ưu tiên sử dụng cho các lĩnh vực trọng điểm trong bảo vệ môi trường.

- Ưu đãi, hỗ trợ về tài chính, đất đai cho hoạt động bảo vệ môi trường, cơ sở sản xuất, kinh doanh thân thiện với môi trường.

- Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực về bảo vệ môi trường.

- Phát triển khoa học, công nghệ môi trường; ưu tiên nghiên cứu, chuyển giao và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện với môi trường; áp dụng tiêu chuẩn môi trường đáp ứng yêu cầu tốt hơn về bảo vệ môi trường.

- Gắn kết các hoạt động bảo vệ môi trường, bảo vệ tài nguyên với ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo đảm an ninh môi trường.

- Nhà nước ghi nhận, tôn vinh cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có đóng góp tích cực trong hoạt động bảo vệ môi trường.

- Mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường; thực hiện đầy đủ cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường.

## **Câu hỏi 7: Vấn đề hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường được quy định như thế nào?**

### ***Trả lời:***

Hiện nay, các quốc gia nhận thấy vấn đề môi trường không thể chỉ giải quyết trong phạm vi quốc gia mà cần có sự hợp tác quốc tế. Vì vậy, vấn đề hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường là nội dung không thể thiếu trong các kế hoạch bảo vệ môi trường của mỗi quốc gia. Tại Việt Nam, vấn đề hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường được quy định trong Luật bảo vệ môi trường năm 2014, cụ thể như sau:

- Điều ước quốc tế có lợi cho việc bảo vệ môi trường toàn cầu, môi trường khu vực, môi trường trong nước và phù hợp với lợi ích, khả năng của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được ưu tiên xem xét để ký kết, gia nhập (Điều 156 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

- Nhà nước khuyến khích cơ quan, tổ chức và cá nhân chủ động đáp ứng yêu cầu về môi trường để nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa, dịch vụ trên thị trường khu vực và quốc tế. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hội nhập kinh tế quốc tế có trách nhiệm phòng ngừa và hạn chế tác động xấu đối với môi trường trong nước (Điều 157 Luật bảo vệ môi trường năm 2014). Điều 158 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định về mở rộng hợp tác quốc tế

về bảo vệ môi trường: Nhà nước cũng khuyến khích tổ chức, cá nhân hợp tác với tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài nhằm nâng cao năng lực và hiệu quả công tác bảo vệ môi trường trong nước; nâng cao vị trí, vai trò của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về bảo vệ môi trường trong khu vực và quốc tế; Nhà nước cũng tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đầu tư, hỗ trợ hoạt động đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, bảo tồn thiên nhiên và các hoạt động khác trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; phát triển và sử dụng hợp lý, có hiệu quả các nguồn lực hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường; Nhà nước đẩy mạnh hợp tác với các nước láng giềng và khu vực để giải quyết các vấn đề quản lý, khai thác tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường có liên quan.

**Câu hỏi 8: Những hoạt động nào là hoạt động bảo vệ môi trường và được khuyến khích thực hiện? Những hành vi nào có thể gây tổn hại đến môi trường và bị nghiêm cấm thực hiện?**

***Trả lời:***

Điểm 3 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định về hoạt động bảo vệ môi trường,

theo đó hoạt động bảo vệ môi trường là hoạt động giữ gìn, phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường, ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện, phục hồi môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên nhằm giữ môi trường trong lành.

Các hoạt động bảo vệ môi trường xuất phát từ nhận thức của con người trước vai trò và tầm quan trọng của môi trường. Việc phát triển và nhân rộng các hoạt động bảo vệ môi trường cũng chính là nâng cao ý thức của con người đối với môi trường sống. Do đó, Nhà nước luôn khuyến khích các hoạt động bảo vệ môi trường. Điều 6 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 đã cụ thể hóa những hoạt động bảo vệ môi trường được khuyến khích bao gồm:

- Truyền thông, giáo dục và vận động mọi người tham gia bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Bảo vệ, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

- Giảm thiểu, thu gom, tái sử dụng và tái chế chất thải.

- Hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu; phát triển, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái

tạo; giảm thiểu phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính, phá hủy tầng ôdôn.

- Đăng ký cơ sở, sản phẩm thân thiện với môi trường; sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng sản phẩm thân thiện với môi trường.

- Nghiên cứu khoa học, chuyển giao, ứng dụng công nghệ xử lý, tái chế chất thải, công nghệ thân thiện với môi trường.

- Đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất thiết bị, dụng cụ bảo vệ môi trường; cung cấp dịch vụ bảo vệ môi trường; thực hiện kiểm toán môi trường; tín dụng xanh; đầu tư xanh.

- Bảo tồn và phát triển nguồn gen bản địa; lai tạo, nhập nội các nguồn gen có giá trị kinh tế và có lợi cho môi trường.

- Xây dựng thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, khu dân cư thân thiện với môi trường.

- Phát triển các hình thức tự quản và tổ chức hoạt động dịch vụ giữ gìn vệ sinh môi trường của cộng đồng dân cư.

- Hình thành nếp sống, thói quen giữ gìn vệ sinh môi trường, xóa bỏ hủ tục gây hại đến môi trường.

- Đóng góp kiến thức, công sức, tài chính cho hoạt động bảo vệ môi trường; thực hiện hợp tác công tư về bảo vệ môi trường.

Song song với việc khuyến khích những hoạt

động bảo vệ môi trường, để bảo vệ môi trường cần phải ngăn chặn những hành vi có thể gây tổn hại nghiêm trọng tới môi trường. Điều 7 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định những hành vi bị nghiêm cấm bao gồm:

- Phá hoại, khai thác trái phép nguồn tài nguyên thiên nhiên.

- Khai thác nguồn tài nguyên sinh vật bằng phương tiện, công cụ, phương pháp hủy diệt, không đúng thời vụ và sản lượng theo quy định của pháp luật.

- Khai thác, kinh doanh, tiêu thụ các loài thực vật, động vật hoang dã thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

- Vận chuyển, chôn lấp chất độc, chất phóng xạ, chất thải và chất nguy hại khác không đúng quy trình kỹ thuật về bảo vệ môi trường.

- Thải chất thải chưa được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; các chất độc, chất phóng xạ và chất nguy hại khác vào đất, nguồn nước và không khí.

- Đưa vào nguồn nước hóa chất độc hại, chất thải, vi sinh vật chưa được kiểm định và tác nhân độc hại khác đối với con người và sinh vật.

- Thải khói, bụi, khí có chất hoặc mùi độc hại vào không khí; phát tán bức xạ, phóng xạ,

các chất ion hóa vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Gây tiếng ồn, độ rung vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Nhập khẩu, quá cảnh chất thải từ nước ngoài dưới mọi hình thức.

- Nhập khẩu, quá cảnh động vật, thực vật chưa qua kiểm dịch; vi sinh vật ngoài danh mục cho phép.

- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm gây nguy hại cho con người, sinh vật và hệ sinh thái; sản xuất, sử dụng nguyên liệu, vật liệu xây dựng chứa yếu tố độc hại vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Phá hoại, xâm chiếm trái phép di sản thiên nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên.

- Xâm hại công trình, thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động bảo vệ môi trường.

- Hoạt động trái phép, sinh sống ở khu vực được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định là khu vực cấm do mức độ đặc biệt nguy hiểm về môi trường đối với con người.

- Che giấu hành vi hủy hoại môi trường, cản trở hoạt động bảo vệ môi trường, làm sai lệch thông tin dẫn đến gây hậu quả xấu đối với môi trường.

- Lợi dụng chức vụ, quyền hạn, vượt quá quyền hạn hoặc thiếu trách nhiệm của người có thẩm quyền để làm trái quy định về quản lý môi trường.

## II. CÁC VẤN ĐỀ VỀ QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

**Câu hỏi 9: Quy hoạch bảo vệ môi trường là gì? Nguyên tắc, cấp độ, kỳ quy hoạch bảo vệ môi trường được quy định như thế nào? Quy hoạch bảo vệ môi trường có được thực hiện hằng năm hay không?**

### ***Trả lời:***

Để tránh sự chồng chéo, trùng lặp giữa quy hoạch bảo vệ môi trường và các hoạt động quy hoạch khác, điểm 21 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 đã đưa ra khái niệm về quy hoạch bảo vệ môi trường. Theo đó, quy hoạch bảo vệ môi trường là việc phân vùng môi trường để bảo tồn, phát triển và thiết lập hệ thống hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường gắn với hệ thống giải pháp bảo vệ môi trường trong sự liên quan chặt chẽ với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội nhằm bảo đảm phát triển bền vững.

Theo khoản 1 Điều 8 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, việc quy hoạch bảo vệ môi trường phải bảo đảm các nguyên tắc:

- Phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã



hội; chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh; chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia bảo đảm phát triển bền vững;

- Bảo đảm thống nhất với quy hoạch sử dụng đất; thống nhất giữa các nội dung cơ bản của quy hoạch bảo vệ môi trường;

- Bảo đảm các nguyên tắc bảo vệ môi trường quy định tại Điều 4 Luật bảo vệ môi trường năm 2014.

Khoản 2 Điều 8 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, quy hoạch bảo vệ môi trường gồm 02 cấp độ là quy hoạch bảo vệ môi trường cấp quốc gia và quy hoạch bảo vệ môi trường cấp tỉnh.

Khoản 3 Điều 8 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, kỳ quy hoạch bảo vệ môi trường là 10 năm, tầm nhìn đến 20 năm. Như vậy, quy hoạch môi trường không tiến hành hằng năm. Tuy nhiên, theo Điều 12 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy hoạch bảo vệ môi trường phải được định kỳ xem xét, rà soát, đánh giá quá trình thực hiện để kịp thời điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn. Thời hạn rà soát định kỳ đối với quy hoạch bảo vệ môi trường là 05 năm kể từ ngày quy hoạch bảo vệ môi trường được phê duyệt. Việc điều chỉnh quy hoạch bảo vệ môi trường được thực hiện khi có sự điều chỉnh chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của quốc gia, của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và được thực

hiện theo quy định tại các điều 8, 9, 10 và 11 của Luật bảo vệ môi trường năm 2014 và pháp luật có liên quan.

**Câu hỏi 10: Quy hoạch bảo vệ môi trường bao gồm những nội dung cơ bản nào?**

***Trả lời:***

Theo khoản 2 Điều 8 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, quy hoạch bảo vệ môi trường có 02 cấp độ là quy hoạch bảo vệ môi trường cấp quốc gia và quy hoạch bảo vệ môi trường cấp tỉnh. Theo các cấp độ khác nhau, yêu cầu về những nội dung cơ bản trong quy hoạch bảo vệ môi trường cũng được đặt ra khác nhau phù hợp với mục tiêu của từng cấp. Cụ thể, Điều 9 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định:

- Quy hoạch bảo vệ môi trường cấp quốc gia gồm các nội dung cơ bản sau:

+ Đánh giá hiện trạng môi trường, quản lý môi trường, dự báo xu thế diễn biến môi trường và biến đổi khí hậu;

+ Phân vùng môi trường;

+ Bảo tồn đa dạng sinh học và môi trường rừng;

+ Quản lý môi trường biển, hải đảo và lưu vực sông;

+ Quản lý chất thải;

+ Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; hệ thống quan trắc môi trường;

+ Các bản đồ quy hoạch thể hiện nội dung về bảo tồn đa dạng sinh học và môi trường rừng; phân vùng môi trường; quản lý môi trường biển, hải đảo và lưu vực sông; quản lý chất thải; hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường; hệ thống quan trắc môi trường;

+ Nguồn lực thực hiện quy hoạch;

+ Tổ chức thực hiện quy hoạch.

- Nội dung quy hoạch bảo vệ môi trường cấp tỉnh được thực hiện phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương bằng một quy hoạch riêng hoặc lồng ghép vào quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu hỏi 11: Cơ quan nào có trách nhiệm lập, phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường? Trong quá trình lập quy hoạch bảo vệ môi trường, cơ quan lập quy hoạch có phải thực hiện việc tham vấn các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan không?**

***Trả lời:***

- Trách nhiệm lập và phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường tùy thuộc theo cấp độ của quy hoạch, cụ thể;

*Theo quy định tại Điều 10 và khoản 2 Điều 11 Luật bảo vệ môi trường năm 2014*

- Đối với quy hoạch bảo vệ môi trường cấp quốc gia: Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách

nhiệm lập quy hoạch, tổ chức Hội đồng thẩm định liên ngành và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường.

- Đối với quy hoạch bảo vệ môi trường cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức xây dựng nội dung hoặc lập quy hoạch bảo vệ môi trường trên địa bàn, tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo quy hoạch bảo vệ môi trường cấp tỉnh sau khi lấy ý kiến Bộ Tài nguyên và Môi trường bằng văn bản.

- Trong quá trình lập quy hoạch bảo vệ môi trường, cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức tham vấn các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan về quy hoạch bảo vệ môi trường. Việc tham vấn bảo đảm tính thống nhất, khả thi, nâng cao chất lượng của quy hoạch, đồng thời, cũng bảo đảm tính dân chủ trong quá trình xây dựng quy hoạch bảo vệ môi trường. Theo đó khoản 1 Điều 11 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định về tham vấn trong quá trình lập quy hoạch bảo vệ môi trường như sau:

+ Bộ Tài nguyên và Môi trường lấy ý kiến các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bằng văn bản và tổ chức tham vấn cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình lập quy hoạch bảo vệ môi trường cấp quốc gia;

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lấy ý kiến các sở, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã,

thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) bằng văn bản và tổ chức tham vấn cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình xây dựng quy hoạch bảo vệ môi trường cấp tỉnh.

**Câu hỏi 12: Hoạt động đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường có sự khác nhau như thế nào?**

***Trả lời:***

<b>Tiêu chí</b>	<b>Đánh giá môi trường chiến lược</b>	<b>Đánh giá tác động môi trường</b>
Khái niệm	Là việc phân tích, dự báo tác động đến môi trường của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển để đưa ra giải pháp giảm thiểu tác động bất lợi đến môi trường, làm nền tảng và được tích hợp trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển nhằm bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững (điểm 22 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2014)	Là việc phân tích, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu tư cụ thể để đưa ra biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó (điểm 23 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2014)

Phạm vi thực hiện	Thường thực hiện trên diện rộng, mang tính bao quát chung	Chủ yếu trong phạm vi thực hiện dự án cần đánh giá tác động môi trường
Đối tượng phải thực hiện đánh giá	Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển bao gồm: chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm, hành lang kinh tế, vành đai kinh tế; quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; chiến lược, quy hoạch phát triển khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghiệp; chiến lược, quy hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên quy mô từ 02 tỉnh trở lên; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển	Dự án đầu tư cụ thể bao gồm: dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; dự án có sử dụng đất của khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, khu di tích lịch sử - văn hóa, khu di sản thế giới, khu dự trữ sinh quyển, khu danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng; dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường (khoản 1 Điều 18 Luật bảo vệ môi trường năm 2014)

	ngành, lĩnh vực quy mô quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh có tác động lớn đến môi trường và việc điều chỉnh các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch này (khoản 1 Điều 13 Luật bảo vệ môi trường năm 2014)	
Thời điểm thực hiện đánh giá	Thực hiện đồng thời với quá trình xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch (khoản 2 Điều 14 Luật bảo vệ môi trường năm 2014)	Thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị dự án (khoản 2 Điều 19 Luật bảo vệ môi trường năm 2014)
Cơ quan, tổ chức thực hiện đánh giá	Cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phải thực hiện đánh giá có trách nhiệm lập hoặc thuê tổ chức tư vấn lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược (khoản 1 Điều 14 Luật bảo vệ môi trường năm 2014)	Chủ dự án đầu tư thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường tự mình hoặc thuê tổ chức tư vấn thực hiện đánh giá tác động môi trường và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện đánh giá tác động môi trường (khoản 1 Điều 19 Luật bảo vệ môi trường năm 2014)

<p>Nội dung chính của báo cáo đánh giá</p>	<p>Nội dung chính của báo cáo gồm: sự cần thiết, cơ sở pháp lý của nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; phương pháp thực hiện đánh giá môi trường chiến lược; tóm tắt nội dung chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội của vùng chịu sự tác động bởi chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; đánh giá sự phù hợp của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch với quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường; đánh giá, dự báo xu hướng tích cực và tiêu cực của các vấn đề môi trường trong trường hợp thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; đánh giá, dự báo xu hướng tác động của biến đổi</p>	<p>Nội dung chính của báo cáo gồm: Xuất xứ của dự án, chủ dự án, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án; phương pháp đánh giá tác động môi trường; đánh giá việc lựa chọn công nghệ, hạng mục công trình và các hoạt động của dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường; đánh giá hiện trạng môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội nơi thực hiện dự án, vùng lân cận và thuyết minh sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án; đánh giá, dự báo các nguồn thải và tác động của dự án đến môi trường và sức khỏe cộng đồng; đánh giá, dự báo, xác định biện pháp quản lý rủi ro của dự án đến môi</p>
--	---	---



	khí hậu trong việc thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá môi trường chiến lược; giải pháp duy trì xu hướng tích cực, phòng ngừa, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường trong quá trình thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong quá trình thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và kiến nghị hướng xử lý (Điều 15 Luật bảo vệ môi trường năm 2014)	trường và sức khỏe cộng đồng; biện pháp xử lý chất thải; các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng; kết quả tham vấn; chương trình quản lý và giám sát môi trường; dự toán kinh phí xây dựng công trình bảo vệ môi trường và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; phương án tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường (Điều 22 Luật bảo vệ môi trường năm 2014)
--	---	---

**Câu hỏi 13: Cơ quan nào có trách nhiệm thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược? Việc thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

1. Khoản 1 Điều 16 Luật bảo vệ môi trường

năm 2014 quy định, trách nhiệm tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược được giao cho các cơ quan sau thực hiện:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch do Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định;

- Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của mình;

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của mình và của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

2. Khoản 2, 3 Điều 16; Điều 17 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định: việc thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược được tiến hành thông qua hội đồng thẩm định do thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược thành lập. Cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược tổ chức điều tra, đánh giá thông tin trong báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; lấy ý kiến phản biện của cơ quan, tổ chức, chuyên gia có liên quan.

Cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng chiến

lược, quy hoạch, kế hoạch có trách nhiệm hoàn chỉnh báo cáo đánh giá môi trường chiến lược và dự thảo văn bản chiến lược, quy hoạch, kế hoạch trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của hội đồng thẩm định.

Cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược báo cáo bằng văn bản kết quả thẩm định cho cấp có thẩm quyền phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược là căn cứ để cấp có thẩm quyền phê duyệt chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.

**Câu hỏi 14: Khoản c Điều 18 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, những dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường phải thực hiện đánh giá tác động môi trường trước khi thực hiện dự án. Vậy, việc đánh giá tác động môi trường được thực hiện như thế nào? Cơ quan nào có thẩm quyền đánh giá và phê duyệt kết quả đánh giá tác động môi trường của chủ dự án?**

***Trả lời:***

Điểm 23 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định: đánh giá tác động môi trường là việc phân tích, dự báo tác động đến môi trường của dự án đầu tư cụ thể để đưa ra biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó.

1. Việc đánh giá tác động môi trường được quy định tại Điều 19 Luật bảo vệ môi trường năm 2014:

- Chủ dự án tự mình hoặc thuê tổ chức tư vấn thực hiện đánh giá tác động môi trường và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện đánh giá tác động môi trường. Trong quá trình đánh giá tác động môi trường, chủ dự án phải tổ chức tham vấn cơ quan, tổ chức, cộng đồng chịu tác động trực tiếp bởi dự án trừ trường hợp không phải thực hiện tham vấn.

- Việc đánh giá tác động môi trường phải thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị dự án.

- Kết quả thực hiện đánh giá tác động môi trường thể hiện dưới hình thức báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Chi phí lập, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc nguồn vốn đầu tư dự án do chủ dự án chịu trách nhiệm.

Điều 24, khoản 1 Điều 25 quy định về thẩm định báo cáo đánh giá và phê duyệt kết quả đánh giá tác động môi trường của chủ dự án:

- Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan được giao thẩm định tổ chức việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thông qua hội đồng thẩm định hoặc thông qua việc lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức có liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định. Thành viên hội đồng thẩm định và cơ quan, tổ

chức được lấy ý kiến chịu trách nhiệm trước pháp luật về ý kiến của mình. Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định tổ chức khảo sát thực tế, lấy ý kiến phản biện của cơ quan, tổ chức và chuyên gia để thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trong thời gian thẩm định, trường hợp có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, cơ quan thẩm định có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho chủ dự án để thực hiện.

- Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được chỉnh sửa theo yêu cầu của cơ quan thẩm định, thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan thẩm định có trách nhiệm phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; trường hợp không phê duyệt phải trả lời cho chủ dự án bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại Điều 23 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 bao gồm:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với: dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; dự án liên ngành, liên tỉnh có nguy cơ tác động xấu đến môi trường hoặc có sử dụng đất của khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc

gia, khu di tích lịch sử - văn hóa, khu di sản thế giới, khu dự trữ sinh quyển, khu danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, trừ dự án thuộc bí mật quốc phòng, an ninh; dự án do Chính phủ giao thẩm định.

- Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt đầu tư của mình, trừ các dự án liên ngành, liên tỉnh có nguy cơ tác động xấu đến môi trường hoặc có sử dụng đất của khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, khu di tích lịch sử - văn hóa, khu di sản thế giới, khu dự trữ sinh quyển, khu danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, trừ dự án thuộc bí mật quốc phòng, an ninh và dự án do Chính phủ giao thẩm định.

- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt đầu tư của mình và các dự án thuộc bí mật quốc phòng, an ninh.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư trên địa bàn không thuộc các đối tượng nêu trên.

**Câu hỏi 15: Dự án của công ty A đã thực hiện đánh giá tác động môi trường và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy**

**định. Tuy nhiên, do phát sinh một số vấn đề nên từ ngày báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt đến nay đã hơn hai năm công ty A mới chuẩn bị xong các điều kiện cần thiết để triển khai dự án. Do đó, cơ quan quản lý yêu cầu công ty A phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án. Vậy, pháp luật quy định như thế nào về việc chủ dự án phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường?**

***Trả lời:***

Việc đánh giá tác động môi trường căn cứ trên các số liệu tại thời điểm đánh giá. Do vậy, trường hợp dự án bị chậm trễ khi triển khai hoặc có sự thay đổi về địa điểm, quy mô, công suất... thì các số liệu đầu vào để thực hiện đánh giá tác động môi trường cũng có sự thay đổi, khi đó, những dự báo về tác động của dự án đối với môi trường cũng như biện pháp cụ thể để bảo vệ môi trường được đưa ra tại báo cáo trước đó không còn chính xác. Để bảo đảm tính khả thi của báo cáo đánh giá tác động môi trường, việc lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường là cần thiết.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, chủ dự án phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường trong các trường hợp sau:

- Không triển khai dự án trong thời gian 24 tháng kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Thay đổi địa điểm thực hiện dự án so với phương án trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt;

- Tăng quy mô, công suất, thay đổi công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

Theo quy định nêu trên, dự án của công ty A do chưa được triển khai thực hiện sau hơn hai năm tính từ thời điểm phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường nên cần phải thực hiện lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với tình hình mới.

**Câu hỏi 16: Thế nào là tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường? Đây có phải là hoạt động bắt buộc với các dự án hay không? Việc tham vấn được thực hiện với những đối tượng nào?**

***Trả lời:***

Điều 21 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định: tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường là việc chủ dự án tổ chức tham vấn cơ quan, tổ chức, cộng đồng chịu tác động trực tiếp bởi dự án. Tham vấn trong quá trình thực hiện



đánh giá tác động môi trường nhằm hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, hạn chế thấp nhất các tác động xấu đến môi trường và con người, bảo đảm sự phát triển bền vững của dự án. Tuy nhiên, pháp luật có quy định một số dự án không phải thực hiện tham vấn, bao gồm:

- Dự án phù hợp với quy hoạch của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho giai đoạn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng;

- Dự án thuộc danh mục bí mật nhà nước.

Đối tượng được thực hiện tham vấn bao gồm các cơ quan, tổ chức và cộng đồng chịu tác động trực tiếp bởi dự án (khoản 2 Điều 21 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

**Câu hỏi 17: Công ty B đang làm thủ tục để xin cấp giấy phép thực hiện dự án khai thác khoáng sản. Dự án của công ty B thuộc đối tượng phải đánh giá tác động môi trường. Tuy nhiên, trong hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản, công ty B có cần phải xuất trình báo cáo đánh giá tác động môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt hay không?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, quyết định phê duyệt

báo cáo đánh giá tác động môi trường là căn cứ để cấp có thẩm quyền thực hiện các việc sau:

- Quyết định chủ trương đầu tư dự án đối với các đối tượng quy định tại Điều 18 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 trong trường hợp pháp luật quy định dự án phải quyết định chủ trương đầu tư;

- Cấp, điều chỉnh giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác khoáng sản đối với dự án thăm dò, khai thác khoáng sản;

- Phê duyệt kế hoạch thăm dò, kế hoạch phát triển mỏ đối với dự án thăm dò, khai thác dầu khí;

- Cấp, điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với dự án có hạng mục xây dựng công trình thuộc đối tượng phải có giấy phép xây dựng;

- Cấp giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án không thuộc đối tượng quy định nêu trên.

Như vậy, theo quy định trên, báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt là điều kiện cần phải có để công ty B được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.

Mặt khác tại điểm d khoản 1 Điều 59 Luật khoáng sản năm 2010 và điểm b khoản 1 Điều 31 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09-3-2012 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản cũng quy định trong hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản bắt buộc phải có báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo quyết định phê duyệt.

**Câu hỏi 18: Trách nhiệm của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Điều 28 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường có trách nhiệm:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định và quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của chủ đầu tư dự án, cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường phải tổ chức kiểm tra và cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án. Trường hợp phải phân tích các chỉ tiêu môi trường phức tạp thì thời gian cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án có thể kéo dài nhưng không quá 30 ngày.

**Câu hỏi 19: Trách nhiệm của chủ đầu tư dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và trước khi đưa dự án vào vận hành được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Điều 26 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, sau khi báo cáo đánh giá tác động môi

trường được phê duyệt, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm:

- Thực hiện các yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Trường hợp thay đổi quy mô, công suất, công nghệ làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt nhưng chưa đến mức phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 20 của Luật bảo vệ môi trường năm 2014, chủ đầu tư dự án phải giải trình với cơ quan phê duyệt và chỉ được thực hiện sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Điều 27 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, trước khi đưa dự án vào vận hành, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện biện pháp bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Phải báo cáo cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường kết quả thực hiện các công trình bảo vệ môi trường phục vụ vận hành dự án đối với dự án lớn, có nguy cơ tác động xấu đến môi trường do Chính phủ quy định. Những dự án này chỉ được vận hành sau khi cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

trường kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

**Câu hỏi 20: Dự án của công ty C không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường. Vậy, công ty C có nghĩa vụ phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường khi triển khai thực hiện dự án hay không?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường thì phải thực hiện lập kế hoạch bảo vệ môi trường, trong đó bao gồm các nội dung: địa điểm thực hiện; loại hình, công nghệ và quy mô sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng; dự báo các loại chất thải phát sinh, tác động khác đến môi trường; biện pháp xử lý chất thải và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường (Điều 30 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

Như vậy, trong trường hợp dự án của công ty C không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, công ty C vẫn phải thực hiện đánh giá, dự báo các tác động tới môi trường của dự án thông qua việc lập kế hoạch bảo vệ môi trường.

**Câu hỏi 21: Đối tượng nào phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường? Thời điểm đăng ký, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Nếu như Luật bảo vệ môi trường năm 2005 quy định về cam kết bảo vệ môi trường thì đến Luật bảo vệ môi trường năm 2014, hình thức này đã được thay thế bằng kế hoạch bảo vệ môi trường. Theo quy định tại Điều 29 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, đối tượng phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường bao gồm:

- Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường.
- Phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc đối tượng phải lập dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Điều 31 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, chủ dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét, xác nhận trước khi triển khai dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

**Câu hỏi 22: Cơ quan nào có thẩm quyền xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của chủ dự án, phương án sản xuất kinh doanh? Thời hạn cơ quan có thẩm quyền xác nhận**

## **kế hoạch bảo vệ môi trường được quy định như thế nào?**

### ***Trả lời:***

Theo Điều 32 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, cơ quan có thẩm quyền xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường bao gồm cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã (trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ủy quyền), cụ thể:

- Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của những dự án: dự án nằm trên địa bàn 02 huyện trở lên; dự án trên vùng biển có chất thải đưa vào địa bàn tỉnh xử lý; dự án có quy mô lớn và có nguy cơ tác động xấu tới môi trường trên địa bàn tỉnh theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn, trừ dự án thuộc thẩm quyền xác nhận của cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường đối với dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình nằm trên địa bàn một xã.

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được kế hoạch bảo vệ môi trường, cơ quan có thẩm quyền phải xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường; trường hợp không xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, cơ quan có thẩm quyền phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Câu hỏi 23: Pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của chủ dự án, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sau khi kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận?**

***Trả lời:***

Điều 33 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, sau khi kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận, chủ dự án, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã được xác nhận. Ngoài ra, chủ dự án, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải thực hiện những công việc sau để bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai, thực hiện dự án:

- Trường hợp xảy ra sự cố môi trường phải dừng hoạt động, thực hiện biện pháp khắc phục và báo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi thực hiện dự án hoặc cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan có liên quan.



- Hợp tác và cung cấp mọi thông tin có liên quan cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra, thanh tra.

- Lập và đăng ký lại kế hoạch bảo vệ môi trường cho dự án đầu tư, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong các trường hợp sau: thay đổi địa điểm; không triển khai thực hiện trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận.

- Trường hợp dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có thay đổi tính chất hoặc quy mô đến mức thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường thì chủ đầu tư dự án, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và gửi cho cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

**Câu hỏi 24: Trách nhiệm của cơ quan xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Điều 34 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định trách nhiệm của cơ quan xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường bao gồm:

- Kiểm tra việc tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã được xác nhận.

- Tiếp nhận và xử lý kiến nghị về bảo vệ môi

trường của chủ dự án, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và tổ chức, cá nhân liên quan đến dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Phối hợp với chủ đầu tư dự án, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan xử lý sự cố môi trường xảy ra trong quá trình thực hiện dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

### III. VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

**Câu hỏi 25: Bảo vệ môi trường trong điều tra, đánh giá, lập quy hoạch sử dụng tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Để bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, cần thiết phải có quy hoạch sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học, bảo đảm việc khai thác, sử dụng đạt được mục đích kinh tế nhưng vẫn nằm trong giới hạn cho phép để bảo vệ môi trường.

Điều 35 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định việc bảo vệ môi trường trong điều tra, đánh giá, lập quy hoạch sử dụng tài nguyên

thiên nhiên và đa dạng sinh học như sau: các nguồn tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học phải được điều tra, đánh giá thực trạng, khả năng tái sinh, giá trị kinh tế để làm căn cứ lập quy hoạch sử dụng hợp lý; xác định giới hạn cho phép khai thác, mức thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, ký quỹ phục hồi môi trường, bồi hoàn đa dạng sinh học, bồi thường thiệt hại về môi trường, các biện pháp khác để bảo vệ tài nguyên và môi trường.

Việc điều tra, đánh giá và lập quy hoạch sử dụng tài nguyên thiên nhiên phải được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Câu hỏi 26: Tài nguyên rừng có vai trò như thế nào đối với cuộc sống? Việc bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Rừng có vai trò rất lớn đối với tự nhiên và cuộc sống của con người. Rừng là lá phổi xanh của trái đất. Cây xanh, trong quá trình quang hợp, hấp thụ khí cacboníc và nhả ra khí ôxy cần thiết cho sự sống. Rừng cũng có tác dụng làm trong sạch không khí. Bên cạnh đó, rừng là nơi sinh sống của nhiều loài động thực vật, trong đó có nhiều loài quý hiếm. Rừng bảo vệ và cải tạo đất. Rừng như chiếc ô khổng lồ che chắn giúp

đất không bị xói mòn bởi những cơn mưa lớn. Rừng cũng có tác dụng điều hòa dòng chảy của sông ngòi, ngăn chặn xói mòn, lũ lụt, v.v., ảnh hưởng tới đời sống con người.

Rừng đóng vai trò to lớn trong việc cung cấp một khối lượng lớn nguồn nguyên liệu phục vụ đời sống của con người. Rừng có giá trị lớn về du lịch vì rừng có nhiều phong cảnh đẹp với nhiều loài động thực vật hoang dã, quý hiếm, v.v..

Vì các nhu cầu ngày càng tăng của mình, con người không thể không khai thác rừng. Tuy nhiên, cần phải kết hợp hài hòa giữa việc khai thác và tái tạo, bảo vệ rừng, vừa vẫn thỏa mãn nhu cầu của mình, vừa không làm tổn hại đến rừng. Mặt khác, rừng là sự kết hợp của nhiều thành phần tự nhiên như đất, nước, không khí ... bảo vệ rừng cũng đồng nghĩa với việc phải bảo vệ những thành phần tự nhiên liên quan đến rừng. Do đó, để bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng, Điều 36 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động khác tác động đến môi trường đất, nước, không khí và đa dạng sinh học liên quan đến rừng phải thực hiện theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2014 và phát luật về đa dạng sinh học, về bảo vệ và phát triển rừng và quy định của pháp luật có liên quan.

**Câu hỏi 27: Bảo vệ môi trường trong điều tra cơ bản, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Điều 37 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, để bảo vệ môi trường trong điều tra cơ bản, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Việc điều tra cơ bản, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên phải tuân thủ quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên phải có nội dung về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Trong quá trình điều tra cơ bản, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường; phải phục hồi môi trường theo quy định tại Luật bảo vệ môi trường năm 2014 và pháp luật có liên quan.

**Câu hỏi 28: Trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Điều 38 Luật bảo vệ môi trường năm 2014

quy định: tổ chức, cá nhân khi tiến hành thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải có biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ, cải tạo và phục hồi môi trường như sau: thu gom và xử lý nước thải theo quy định của pháp luật; thu gom, xử lý chất thải rắn theo quy định về quản lý chất thải rắn; có biện pháp ngăn ngừa, hạn chế việc phát tán bụi, khí thải độc hại và tác động xấu khác đến môi trường chung quanh; phải có kế hoạch cải tạo, phục hồi môi trường cho toàn bộ quá trình thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và tiến hành cải tạo, phục hồi môi trường trong quá trình thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định của pháp luật.

Khoáng sản có tính chất độc hại phải được lưu giữ, vận chuyển bằng thiết bị chuyên dụng, được che chắn tránh phát tán ra môi trường.

Việc sử dụng máy móc, thiết bị có tác động xấu đến môi trường, hóa chất độc hại trong thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản phải chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Việc thăm dò, khai thác, vận chuyển, chế biến dầu khí, khoáng sản khác có chứa nguyên tố phóng xạ, chất độc hại, chất nổ phải thực hiện quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2014

và pháp luật về an toàn hóa chất, an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân.

Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan chỉ đạo việc thống kê nguồn thải, đánh giá mức độ gây ô nhiễm môi trường của cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản; tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ sở này.

**Câu hỏi 29: Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản là gì? Khi nào phải thực hiện việc ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường và việc ký quỹ được thực hiện như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo khoản 3 Điều 30 Luật khoáng sản năm 2010, để bảo vệ môi trường trong hoạt động khoáng sản, trước khi tiến hành khai thác khoáng sản, tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường. Hoạt động ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường được quy định cụ thể tại Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg ngày 29-3-2013 của Chính phủ về cải tạo, phục hồi môi trường và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản (sau đây gọi tắt là Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg) như sau:

- Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản là việc tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản nộp một khoản tiền vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam hoặc Quỹ bảo vệ môi trường của địa phương nơi khai thác khoáng sản để đảm bảo công tác cải tạo, phục hồi môi trường (khoản 2 Điều 2 Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg).

- Việc ký quỹ được thực hiện trước khi tiến hành khai thác khoáng sản, cụ thể: tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản phải thực hiện ký quỹ lần đầu trước khi đưa mỏ vào khai thác 30 (ba mươi) ngày. Trường hợp ký quỹ nhiều lần, việc ký quỹ từ lần thứ hai trở đi phải thực hiện trước ngày 30 tháng 01 của năm ký quỹ (khoản 1 Điều 10 Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg).

- Tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải thực hiện ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường. Trong trường hợp địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản chưa có Quỹ bảo vệ môi trường thì tổ chức, cá nhân phải ký quỹ tại Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam (điểm a khoản 2 Điều 7 Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg).

Hồ sơ ký quỹ gồm: văn bản đề nghị ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân; quyết định phê duyệt Đề án hoặc Đề án bổ sung (khoản 2 Điều 10 Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg).



- Tổng số tiền ký quỹ bằng tổng kinh phí thực hiện các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg (khoản 1 Điều 8 Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg).

- Về phương thức ký quỹ, Điều 9 Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg quy định:

+ Trường hợp Giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn dưới 03 (ba) năm phải thực hiện ký quỹ một lần. Mức tiền ký quỹ bằng 100% (một trăm phần trăm) số tiền được phê duyệt.

+ Trường hợp Giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn từ 03 (ba) năm trở lên thì được phép ký quỹ nhiều lần và theo quy định như sau:

- Số tiền ký quỹ lần đầu: đối với Giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn dưới 10 (mười) năm thì mức ký quỹ lần đầu bằng 25% (hai mươi lăm phần trăm) tổng số tiền ký quỹ; đối với Giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn từ 10 (mười) năm đến dưới 20 (hai mươi) năm thì mức ký quỹ lần đầu bằng 20% (hai mươi phần trăm) tổng số tiền ký quỹ; đối với Giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn từ 20 (hai mươi) năm trở lên thì mức ký quỹ lần đầu bằng 15% (mười lăm phần trăm) tổng số tiền ký quỹ;

- Số tiền ký quỹ những lần sau được tính bằng tổng số tiền ký quỹ trừ đi số tiền ký quỹ lần đầu,

chia đều cho các năm theo dự án đầu tư được phê duyệt hoặc thời gian còn lại theo Giấy phép khai thác khoáng sản.

+ Tổ chức, cá nhân có thể lựa chọn việc ký quỹ một lần cho toàn bộ số tiền ký quỹ.

- Thời gian ký quỹ được quy định tại khoản 3 Điều 8 Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg như sau: đối với dự án đầu tư khai thác khoáng sản mới thì thời gian ký quỹ được xác định theo dự án đầu tư khai thác khoáng sản được phê duyệt; đối với các khu vực khai thác khoáng sản đã được cấp Giấy phép khai thác thì thời gian ký quỹ xác định theo thời hạn còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản; đối với trường hợp Giấy phép khai thác khoáng sản có thời hạn khai thác khác với thời gian đã tính trong Đề án hoặc Đề án bổ sung được phê duyệt thì tổ chức, cá nhân điều chỉnh nội dung và dự toán số tiền ký quỹ theo Giấy phép khai thác khoáng sản được cấp và gửi cơ quan có thẩm quyền phê duyệt để xem xét, điều chỉnh.

- Hoàn trả tiền ký quỹ được quy định tại khoản 3 Điều 10 Quyết định số 18/2013/QĐ-TTg như sau: tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản đã nộp tiền ký quỹ theo quy định được hoàn trả một phần hoặc toàn bộ tiền ký quỹ; việc hoàn trả tiền đã ký quỹ được xác định theo khối lượng đã

hoàn thành của từng hạng mục công trình theo từng giai đoạn của Đề án hoặc Đề án bổ sung đã được phê duyệt và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy xác nhận.

#### IV. VẤN ĐỀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

**Câu hỏi 30: Ứng phó với biến đổi khí hậu có được hiểu là việc con người tìm cách thích ứng với những biến đổi của khí hậu không?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại điểm 26 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, ứng phó với biến đổi khí hậu là các hoạt động của con người nhằm thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu. Như vậy, theo quy định này, ứng phó với biến đổi khí hậu không chỉ là việc con người tìm cách thích ứng trước sự biến đổi khí hậu mà còn bao gồm những hoạt động chủ động để giảm thiểu biến đổi khí hậu của con người. Điều 39 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định: mọi hoạt động bảo vệ môi trường phải gắn kết hài hòa với ứng phó biến đổi khí hậu; tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các cơ quan quản lý

nhà nước các cấp phải xây dựng, triển khai thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu trong phạm vi, nhiệm vụ được giao.

**Câu hỏi 31: Việc lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cần thiết phải lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu. Điều 40 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, việc lồng ghép được thực hiện như sau:

- Nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu phải được thể hiện trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

- Việc tích hợp nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực phải dựa trên cơ sở đánh giá tác động qua lại giữa các hoạt động của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch với môi trường, biến đổi khí hậu và xây dựng hệ thống giải pháp bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

**Câu hỏi 32: Khí nhà kính được hiểu như thế nào? Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định như thế nào về việc quản lý phát thải khí nhà kính?**

***Trả lời:***

Điểm 25 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, khí nhà kính là các khí trong khí quyển gây ra sự nóng lên toàn cầu và biến đổi khí hậu.

Bên cạnh một lượng khí nhà kính có sẵn trong tự nhiên, cùng với quá trình công nghiệp hóa và phát triển, các hoạt động của con người như đốt nhiên liệu hóa thạch, phá rừng... đã thải một lượng lớn khí nhà kính vào trong khí quyển. Sự gia tăng khí nhà kính đẩy mạnh hiệu ứng nhà kính và làm cho trái đất nóng lên và biến đổi khí hậu. Do đó, việc quản lý phát thải khí nhà kính là vô cùng cần thiết để ứng phó với biến đổi khí hậu.

Điều 41 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định về nội dung quản lý phát thải khí nhà kính bao gồm:

- Xây dựng hệ thống quốc gia về kiểm kê khí nhà kính;
- Thực hiện các hoạt động giảm nhẹ khí nhà kính phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội;
- Quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng các-bon rừng, bảo vệ và phát triển các hệ sinh thái;

- Kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ các quy định về kiểm kê và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính;

- Hình thành và phát triển thị trường tín chỉ các-bon trong nước và tham gia thị trường tín chỉ các-bon thế giới;

- Hợp tác quốc tế về giảm nhẹ khí nhà kính.

Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với bộ, ngành có liên quan tổ chức kiểm kê khí nhà kính, xây dựng báo cáo quốc gia về quản lý phát thải khí nhà kính phù hợp với điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

**Câu hỏi 33: Vấn đề quản lý các chất làm suy giảm tầng ôdôn được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Điều 42 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định về việc quản lý các chất làm suy giảm tầng ôdôn, cụ thể:

- Ưu tiên xây dựng, thực hiện chính sách, kế hoạch quản lý, giảm thiểu, loại bỏ các chất làm suy giảm tầng ôdôn.

- Cấm sản xuất, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất và tiêu thụ các chất làm suy giảm tầng ôdôn theo quy định của điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. (Tháng 01 năm 1994, Việt Nam tham gia Nghị định thư Montreal về các chất có khả năng làm suy giảm tầng ôdôn, theo đó, Việt Nam đã có những cam

kết cụ thể về loại bỏ dần việc sản xuất và sử dụng các chất làm suy giảm tầng ôdôn. Việt Nam đã đưa một số chất có khả năng làm suy giảm tầng ôdôn trong Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu theo Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23-01-2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài<sup>1</sup>. Ngày 30-12-2011, Bộ trưởng Bộ Công Thương và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ký ban hành Thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BCT-BTNMT quy định việc quản lý nhập khẩu, xuất khẩu và tạm nhập – tái xuất các chất làm suy giảm tầng ôdôn theo quy định của Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ôdôn).

**Câu hỏi 34: Vì sao phát triển năng lượng tái tạo là một trong những biện pháp để bảo vệ môi trường? Nhà nước có định hướng như thế nào trong việc phát triển nguồn năng lượng tái tạo?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật bảo

---

1. Nghị định này đã bị bãi bỏ một phần bởi Nghị định số 109/2010/NĐ-CP ngày 04-11-2010 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo.

vệ môi trường năm 2014, năng lượng tái tạo là năng lượng được khai thác từ nước, gió, ánh sáng mặt trời, địa nhiệt, sóng biển, nhiên liệu sinh học và các nguồn tài nguyên năng lượng có khả năng tái tạo khác.

Như vậy, các nguồn năng lượng tái tạo là nguồn năng lượng từ tự nhiên. Đây là nguồn năng lượng sạch, không gây ô nhiễm không khí, không góp phần vào sự nóng lên của khí hậu toàn cầu cũng như hiệu ứng nhà kính.

Bên cạnh đó, năng lượng tái tạo là năng lượng từ những nguồn liên tục và không bị cạn kiệt (mặt trời, gió, nước ...), có thể sử dụng lâu dài, bền vững và thân thiện với môi trường. Việc sử dụng năng lượng tái tạo sẽ giảm bớt áp lực cho các quốc gia trong vấn đề an ninh năng lượng, giảm thiểu biến đổi khí hậu do việc hạn chế sử dụng các nguồn năng lượng khác có tác động xấu đến môi trường. Vì vậy, phát triển năng lượng tái tạo có thể được xem như một biện pháp để bảo vệ môi trường.

Một trong những mục tiêu tổng quát của Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 (được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 1855/QĐ-TTg ngày 27-12-2007) là đẩy mạnh phát triển nguồn năng lượng mới và tái tạo, năng lượng sinh học, điện hạt nhân để đáp ứng



nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhất là vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững ngành năng lượng đi đôi với bảo vệ môi trường. Trong đó, định hướng phát triển năng lượng mới và tái tạo được quy định tại điểm d, khoản 3 Điều 1 Quyết định số 1855/QĐ-TTg như sau:

- Về điều tra quy hoạch: các dạng năng lượng mới và tái tạo chưa được đánh giá đầy đủ, bởi vậy cần có kế hoạch và đầu tư thích đáng cho điều tra bổ sung các số liệu, tiến tới quy hoạch, phân vùng các dạng năng lượng này để có kế hoạch đầu tư, khai thác hợp lý. Lập các tổ chức chuyên trách, thuộc nhiều thành phần kinh tế khác nhau để điều tra, xây dựng quy hoạch, kế hoạch. Thực hiện tuyên truyền, tổ chức nghiên cứu, chế thử và triển khai rộng khắp trên toàn lãnh thổ.

- Tăng cường tuyên truyền sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo để cấp cho các khu vực vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Xây dựng cơ chế quản lý để duy trì và phát triển các nguồn điện ở những khu vực này.

- Lồng ghép sử dụng năng lượng mới và tái tạo vào chương trình tiết kiệm năng lượng và các chương trình mục tiêu quốc gia khác như chương trình điện khí hóa nông thôn, trồng rừng, xóa đói giảm nghèo, nước sạch, VAC...

- Khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng

các cơ sở thích hợp để sản xuất, lắp ráp, sửa chữa các loại thiết bị năng lượng mới như đun nước nóng, thủy điện nhỏ, động cơ gió, hầm khí sinh vật... ở những nơi có điều kiện. Hợp tác mua công nghệ của các nước đã phát triển để lắp ráp các thiết bị công nghệ cao như pin mặt trời, điện gió... từng bước làm phù hợp và tiến tới lắp ráp, chế tạo trong nước.

- Hỗ trợ đầu tư cho các chương trình điều tra, nghiên cứu, chế tạo thử, xây dựng các điểm điển hình sử dụng năng lượng mới và tái tạo; ưu đãi thuế nhập thiết bị, công nghệ mới, thuế sản xuất, lưu thông các thiết bị; bảo hộ quyền tác giả cho các phát minh, cải tiến kỹ thuật có giá trị.

- Cho phép các cá nhân, tổ chức kinh tế trong và ngoài nước phối hợp đầu tư khai thác nguồn năng lượng mới và tái tạo trên cơ sở đôi bên cùng có lợi.

Khoản 2 Điều 43 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, Nhà nước khuyến khích sản xuất, nhập khẩu, sử dụng máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông dùng năng lượng tái tạo. Hiện nay, Nhà nước đã có chính sách ưu đãi dành cho các dự án đầu tư sản xuất theo công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện với môi trường, có kết quả giảm phát thải khí nhà kính được Ban Chấp hành quốc tế về CDM (là tổ chức được các nước tham gia Công ước Khí hậu thành lập và ủy quyền giám sát các dự án CDM)

chấp thuận đăng ký và cấp chứng chỉ giảm phát thải khí nhà kính. Theo đó, các dự án này được hưởng một số cơ chế, chính sách tài chính ưu đãi như các ưu đãi về thuế, trả tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, được trợ giá đối với các sản phẩm của dự án... (theo quy định tại Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg ngày 02-8-2007 của Chính phủ về một số cơ chế, chính sách tài chính đối với dự án đầu tư theo cơ chế phát triển sạch; Thông tư liên tịch số 58/2008/TTLT-BTC-BTN&MT ngày 04-7-2008 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 130/2007/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư liên tịch số 204/2010/TTLT-BTC-BTN&MT ngày 15-12-2010 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư liên tịch số 58/2008/TTLT-BTC-BTN&MT.

**Câu hỏi 35: Sản phẩm thân thiện với môi trường được pháp luật quy định như thế nào? Có thể căn cứ vào các tiêu chí nào để xác định một sản phẩm là thân thiện với môi trường?**

***Trả lời:***

Sản phẩm thân thiện với môi trường được hiểu là những sản phẩm mà quá trình sản xuất, tiêu thụ và thải bỏ không ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường (hoặc nếu có ảnh hưởng thì mức độ ảnh

hưởng là nhẹ hơn so với sản phẩm cùng loại). Xét trong chừng mực nào đó, các sản phẩm thân thiện với môi trường đôi khi còn có ảnh hưởng tích cực tới môi trường. Ví dụ, các nông sản hữu cơ tạo điều kiện khôi phục lại cân bằng sinh thái, hoặc khi phân hủy chúng giúp bảo đảm khả năng tái tạo độ mùn của đất, các sản phẩm và dịch vụ khắc phục sự cố môi trường, các công nghệ sạch. Hiện nay, chưa có sản phẩm thân thiện với môi trường một cách tuyệt đối, có nghĩa là sản phẩm đó đáp ứng được cả ba khâu sản xuất, tiêu thụ và thải bỏ hoàn toàn không có tác động tiêu cực đến môi trường. Việc xác định một sản phẩm thân thiện với môi trường mang tính tương đối và mỗi quốc gia, lãnh thổ có thể đưa ra những tiêu chuẩn đánh giá mức độ thân thiện của sản phẩm khác nhau. Theo một nghiên cứu gần đây, có thể đưa ra một số tiêu chí cơ bản để xác định một sản phẩm là thân thiện với môi trường như sau<sup>1</sup>:

(1) Sản phẩm được tạo ra từ các vật liệu thân thiện với môi trường. Nếu sản phẩm chứa các vật liệu tái chế thay vì sử dụng vật liệu mới, thô, nó có thể được xem là một sản phẩm xanh. Ví dụ,

---

1. Xem Vũ Thị Xen: “*Sản phẩm thân thiện với môi trường - xu thế tất yếu trong tiêu dùng hiện đại và hướng đi mới cho các doanh nghiệp Việt Nam*”, Khóa luận tốt nghiệp, Đại học Ngoại thương Hà Nội, 2009, tr. 15, 16.

một sản phẩm tái chế nhanh như tre hay bần (sử dụng để lót nồi) là những sản phẩm thân thiện với môi trường vì là sản phẩm được tạo ra từ vật liệu phế phẩm nông nghiệp như rơm hoặc đầu nông nghiệp.

(2) Sản phẩm đem đến những giải pháp an toàn đến môi trường và sức khỏe thay cho các sản phẩm độc hại truyền thống. Ví dụ, các vật liệu thay thế chất bảo quản gỗ như creosote, được biết là một hợp chất gây ung thư.

(3) Sản phẩm giảm tác động đến môi trường trong quá trình sử dụng (ít chất thải, sử dụng năng lượng tái sinh, ít chi phí bảo trì). Người tiêu dùng châu Âu nhiều năm qua đã quay lại sử dụng chai sữa thủy tinh và giảm tỉ lệ sử dụng loại sữa đựng trong chai nhựa sử dụng một lần rồi bỏ. Chai thủy tinh có thể sử dụng nhiều lần, dễ dàng tái chế.

(4) Sản phẩm tạo ra một môi trường thân thiện và an toàn đối với sức khỏe. Vật liệu xây dựng xanh là những sản phẩm tạo ra một môi trường an toàn trong nhà bằng cách không phóng thích những chất ô nhiễm quan trọng như sơn có dung môi hữu cơ bay hơi thấp, bám chắc, loại bỏ hoặc ngăn ngừa sự lan truyền chất ô nhiễm như sản phẩm từ sự thông gió hoặc bộ lọc không khí trong máy lạnh (bụi, nấm mốc, vi khuẩn) và cải thiện chất lượng chiếu sáng.

Pháp luật Việt Nam chưa đưa ra một tiêu chí chung cho sản phẩm thân thiện với môi trường nhưng cũng đã có quy định đối với một số sản phẩm cụ thể, ví dụ như tại Điều 8 Thông tư số 07/2012/TT-BTNMT ngày 04-7-2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chí, trình tự, thủ tục công nhận túi ni lông thân thiện với môi trường quy định, túi ni lông thân thiện với môi trường phải đáp ứng các tiêu chí sau đây:

- Túi ni lông có một trong hai đặc tính kỹ thuật sau:

- + Có độ dày một lớp màng lớn hơn 30  $\mu\text{m}$  (micrômét), kích thước nhỏ nhất lớn hơn 20 cm (xăngtimét) và tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu túi ni lông phải có kế hoạch thu hồi, tái chế;

- + Có khả năng phân hủy sinh học tối thiểu 60% trong thời gian không quá hai (02) năm.

- Túi ni lông có hàm lượng tối đa cho phép của các kim loại nặng quy định như sau: Asen (As): 12mg/kg; Cadimi (Cd): 2 mg/kg; Chì (Pb): 70 mg/kg; Đồng (Cu): 50 mg/kg; Kẽm (Zn): 200 mg/kg; Thủy ngân (Hg): 1 mg/kg; Niken (Ni): 30 mg/kg.

- Túi ni lông được sản xuất tại hộ gia đình, tại cơ sở sản xuất tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Tại Việt Nam hiện nay có quy định về việc gắn nhãn sinh thái – Nhãn Xanh Việt Nam cho các sản phẩm thân thiện đối với môi trường. Theo quy định

tại Điều 4 Thông tư số 41/2013/TT-BTNMT ngày 02-12-2013 quy định trình tự, thủ tục, chứng nhận nhãn sinh thái cho sản phẩm thân thiện với môi trường thì tiêu chí Nhãn Xanh Việt Nam bao gồm: tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường và lao động của tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh; tác động của toàn bộ vòng đời sản phẩm từ quá trình khai thác nguyên liệu, sản xuất, phân phối, sử dụng và sau khi thải bỏ gây hại ít hơn cho môi trường so với sản phẩm cùng loại.

Việc gắn nhãn xanh cho các sản phẩm thân thiện đối với môi trường có tác dụng khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thân thiện đối với môi trường để tạo lợi thế cạnh tranh so với sản phẩm cùng loại, khuyến khích người tiêu dùng ưu tiên lựa chọn sản phẩm được gắn nhãn xanh để bảo vệ môi trường.

**Câu hỏi 36: Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thân thiện với môi trường được quy định như thế nào tại Luật bảo vệ môi trường năm 2014?**

***Trả lời:***

Việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thân thiện với môi trường thay cho các sản phẩm có tác động tiêu cực đối với môi trường có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và nâng cao chất lượng môi trường.

Do đó, khoản 1 Điều 44 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm tham gia sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường.

Riêng đối với các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, khoản 2 Điều 44 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, người đứng đầu cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước có trách nhiệm ưu tiên sử dụng sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường được chứng nhận nhãn sinh thái theo quy định của pháp luật. Quy định này là phù hợp, là cơ sở để đẩy mạnh phát triển việc sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường thay thế cho các sản phẩm cùng loại khác có tác động tiêu cực đến môi trường.

Khoản 3 Điều 44 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan thông tin truyền thông giới thiệu, quảng bá về sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường.

**Câu hỏi 37: Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định như thế nào về vấn đề thu hồi năng lượng từ chất thải?**

***Trả lời:***

Thu hồi năng lượng từ chất thải là một hoạt động có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ môi trường. Bên cạnh việc ngăn chặn được những tác



động xấu tới môi trường thông qua việc xử lý nguồn chất thải, hoạt động này còn giúp khai thác, tái sử dụng được nguồn năng lượng từ những chất thải này. Do đó, Điều 45 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định:

- Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải và thu hồi năng lượng từ chất thải.

- Nhà nước có chính sách khuyến khích giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải và thu hồi năng lượng từ chất thải.

**Câu hỏi 38: Quyền và trách nhiệm của cộng đồng trong ứng phó với biến đổi khí hậu được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Việc tham gia ứng phó với biến đổi khí hậu nói riêng và bảo vệ môi trường nói chung vừa là quyền vừa là trách nhiệm của cả cộng đồng. Vì vậy, Điều 46 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định các quyền và trách nhiệm chung của cộng đồng trong ứng phó với biến đổi khí hậu, cụ thể:

- Cộng đồng có quyền được cung cấp và yêu cầu cung cấp thông tin về biến đổi khí hậu, trừ các thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước.

- Cộng đồng có trách nhiệm tham gia các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Cơ quan quản lý về biến đổi khí hậu có trách nhiệm cung cấp thông tin, tổ chức các hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng và tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng tham gia các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu.

**Câu hỏi 39: Phát triển khoa học, công nghệ có vai trò quan trọng trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Những hoạt động nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ về ứng phó với biến đổi khí hậu nào được ưu tiên đầu tư phát triển?**

***Trả lời:***

Điều 47 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, hoạt động nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ về ứng phó với biến đổi khí hậu được ưu tiên bao gồm:

- Phát triển ngành và liên ngành khoa học về quản lý, đánh giá, giám sát và dự báo tác động của biến đổi khí hậu đối với phát triển kinh tế - xã hội, môi trường, sức khỏe cộng đồng;

- Hoạt động điều tra, nghiên cứu khoa học cơ bản và ứng dụng, phát triển và chuyển giao công nghệ hiện đại trong giảm nhẹ khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường sức cạnh tranh của các ngành kinh tế, sản xuất trọng điểm, phát triển nền kinh tế các-bon thấp và tăng trưởng xanh.

Cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm thực hiện hoặc tham gia hoạt động nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng khoa học công nghệ nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu.

**Câu hỏi 40: Ứng phó với biến đổi khí hậu có phải là vấn đề riêng của từng quốc gia hay không? Vấn đề hợp tác quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu được pháp luật quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Hiện nay, vấn đề môi trường đang có tác động trực tiếp tới hoạt động của mỗi quốc gia. Từng quốc gia đều nhận thức sâu sắc về những tác động của biến đổi khí hậu tới đời sống xã hội và tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường. Vì vậy, các quốc gia đã đặt ra những chính sách riêng để bảo vệ môi trường và dành một phần ngân sách cho hoạt động này. Tuy nhiên, nếu chỉ một hoặc một số quốc gia thực hiện tốt chính sách môi trường thì vẫn không bảo đảm được việc ngăn chặn biến đổi khí hậu và sự nóng lên toàn cầu, bởi môi trường không có biên giới, không có lãnh thổ. Do đó, để ứng phó với biến đổi khí hậu nói riêng và bảo vệ môi trường nói chung, rất cần sự hợp tác, đồng thuận của tất cả các quốc gia mà không chỉ là nhiệm vụ riêng của từng quốc gia riêng lẻ. Đối

với các quốc gia đang phát triển, hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường còn là cơ hội để tiếp nhận đầu tư và chuyển giao công nghệ từ các nước phát triển để phát triển kinh tế, xã hội và nâng cao chất lượng môi trường tại quốc gia mình.

Như vậy, việc hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường nói chung và ứng phó với biến đổi khí hậu nói riêng vừa là cơ hội, vừa là trách nhiệm chung của mỗi quốc gia. Vấn đề này được quy định tại Điều 48 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 như sau:

- Nhà nước có chính sách hợp tác quốc tế thu hút đầu tư, hỗ trợ tài chính, phát triển và chuyển giao công nghệ, tăng cường năng lực nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu hướng tới nền kinh tế xanh.

- Chính phủ quy định lộ trình, phương thức tham gia hoạt động giảm nhẹ khí nhà kính toàn cầu phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và cam kết tại điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Hiện nay, Việt Nam đã tham gia nhiều Công ước quốc tế về môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu như: Công ước của Liên hợp quốc về sự biến đổi môi trường, 1977 (tham gia ngày 26-8-1980); Công ước Viên về bảo vệ tầng ôdôn, 1985 (tham gia ngày 26-4-1994); Nghị định thư Montreal về các chất làm suy giảm tầng ôdôn, 1987 (tham gia

ngày 26-01-1984); Công ước Basel về kiểm soát việc vận chuyển qua biên giới chất thải xuyên biên giới và việc tiêu hủy chúng, năm 1989 (tham gia ngày 13-3-1995)...

**Câu hỏi 41: Ô nhiễm môi trường được hiểu như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo khoản 1(4) Điều 1 Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển 1982, ô nhiễm môi trường biển là việc con người trực tiếp hoặc gián tiếp đưa các chất liệu hoặc năng lượng vào môi trường biển, bao gồm cả các cửa sông, khi việc đó gây ra hoặc có thể gây ra những tác hại như gây tổn hại đến nguồn lợi sinh vật, đến hệ động vật và hệ thực vật biển, gây nguy hiểm cho sức khỏe con người, gây trở ngại cho các hoạt động ở biển, kể cả việc đánh bắt hải sản và các việc sử dụng biển một cách hợp pháp khác, làm biến đổi chất lượng nước biển về phương diện sử dụng nó và làm giảm sút các giá trị mỹ cảm của biển.

Theo điểm 8 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, ô nhiễm môi trường là sự biến đổi của các thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật môi trường và tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến con người và sinh vật. Cũng theo điểm 2 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, thành phần môi trường là yếu tố

vật chất tạo thành môi trường gồm đất, nước, không khí, âm thanh, ánh sáng, sinh vật và các hình thái vật chất khác. Theo đó, ô nhiễm môi trường có thể là ô nhiễm môi trường đất, ô nhiễm môi trường không khí, ô nhiễm môi trường nước ... Tuy nhiên, do các thành phần môi trường có sự liên kết và tương tác với nhau, do đó, ô nhiễm của một thành phần môi trường này có thể dẫn tới sự ô nhiễm của nhiều thành phần môi trường khác (ví dụ: ô nhiễm nguồn nước đồng thời dẫn tới ô nhiễm không khí, ô nhiễm đất ... chung quanh khu vực ô nhiễm nguồn nước). Vì vậy, để phòng ngừa ô nhiễm môi trường cần phải tiến hành các biện pháp bảo vệ đồng bộ đối với tất cả các thành phần môi trường.

## V. VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO

**Câu hỏi 42: Để bảo vệ môi trường biển và hải đảo cần phải bảo đảm những yêu cầu chung nào?**

***Trả lời:***

Điều 49 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, để bảo vệ môi trường biển và hải đảo cần phải bảo đảm những yêu cầu chung sau đây:

- Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh liên quan

đến biển và hải đảo phải có nội dung về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Nguồn phát thải từ đất liền, hải đảo và các hoạt động trên biển phải được kiểm soát, ngăn ngừa, giảm thiểu và xử lý theo quy định của pháp luật.

- Việc phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trên biển và hải đảo phải có sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức cứu hộ, cứu nạn và tổ chức, cá nhân có liên quan khác.

- Tổ chức, cá nhân hoạt động trên biển và hải đảo phải chủ động ứng phó sự cố môi trường và có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan khác trong ứng phó sự cố môi trường trên biển và hải đảo.

- Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch khai thác nguồn lợi từ biển, hải đảo, khu bảo tồn thiên nhiên, rừng ngập mặn, khu di sản tự nhiên và hải đảo phải phù hợp với chiến lược, quy hoạch bảo vệ môi trường.

**Câu hỏi 43: Các nguồn gây ra ô nhiễm môi trường biển bao gồm những nguồn nào? Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định như thế nào về việc kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường biển và hải đảo?**

***Trả lời:***

Biển là nơi tiếp nhận phần lớn các chất thải từ

lục địa theo các dòng chảy sông suối, các chất thải từ các hoạt động của con người trên biển như khai thác khoáng sản, giao thông vận tải biển. Theo Mục 5 phần XII Công ước của Liên hợp quốc về Luật biển 1982, việc ô nhiễm biển xuất phát từ một số nguồn chính sau: ô nhiễm bắt nguồn từ đất, ô nhiễm do các hoạt động liên quan đến đáy biển thuộc quyền tài phán quốc gia gây ra, do các hoạt động thăm dò và khai thác các tài nguyên của Vùng, ô nhiễm do sự nhấn chìm, ô nhiễm do tàu thuyền gây ra và ô nhiễm có nguồn gốc từ bầu khí quyển hay qua bầu khí quyển.

Các ô nhiễm bắt nguồn từ đất, kể cả các ô nhiễm xuất phát từ các dòng sông, ngòi, cửa sông, ống dẫn và các thiết bị đổ thải, đặc biệt trên các lưu vực sông như quá trình đô thị hóa, phát triển các khu công nghiệp, nông nghiệp, nuôi trồng và khai thác thủy sản nước lợ, các khu dân cư, khai khoáng,... Các chất thải không qua xử lý đổ ra sông suối và cuối cùng “trăm sông đều đổ về biển cả”. Một số chất thải loại này sẽ lắng tại vùng biển ven bờ. Một số chất khác bị phân huỷ và lan truyền trong toàn khối nước biển, gây ô nhiễm biển.

Các hoạt động thăm dò và khai thác tài nguyên trong Vùng (đáy biển và lòng đất dưới đáy biển nằm bên ngoài giới hạn quyền tài phán quốc tế) nếu không được kiểm soát tốt sẽ gây ô nhiễm



ng nghiêm trọng. Có thể kể đến việc khai thác dầu khí trên biển có tác động mạnh mẽ nhất đến môi trường biển. Hiện tượng rò rỉ dầu từ giàn khoan, các phương tiện vận chuyển và sự cố tràn dầu, có xu hướng gia tăng cùng với sản lượng khai thác dầu khí trên biển đe dọa nghiêm trọng tới môi trường biển. Bên cạnh đó, việc đặt các thiết bị, máy móc trong lòng biển cũng có thể là nguồn gây ô nhiễm môi trường biển nếu các quốc gia không có sự kiểm soát chặt chẽ.

Ô nhiễm do tàu thuyền là một trong các nguyên nhân quan trọng gây ô nhiễm biển. Rò rỉ dầu, sự cố tràn dầu của các tàu thuyền trên biển, các tai nạn đắm tàu thuyền đưa vào biển nhiều hàng hoá, phương tiện và hoá chất độc hại. Các khu vực biển gần với đường giao thông trên biển hoặc các cảng là nơi nước biển có nguy cơ dễ bị ô nhiễm.

Ô nhiễm có nguồn gốc từ bầu khí quyển hay qua bầu khí quyển có tác động mạnh mẽ tới ô nhiễm biển. Nhiều chất độc hại và bụi kim loại nặng được không khí mang ra biển. Sự gia tăng nhiệt độ của khí quyển trái đất do hiệu ứng nhà kính sẽ kéo theo sự dâng cao mực nước biển và thay đổi môi trường sinh thái biển.

Nhiều nước ven biển thực hiện chôn cất trong biển các vật liệu và các chất, chẳng hạn như bùn cát từ công trình nạo vét đáy, cặn lỗ khoan, chất

thải công nghiệp, rác xây dựng, chất thải rắn, chất nổ và hóa chất, chất thải phóng xạ và những chất khác. Trong những năm qua, một lượng lớn các chất thải phóng xạ của các quốc gia trên thế giới được đổ chôn xuống biển. Căn cứ để chôn thải trong biển là khả năng của môi trường biển có thể tái chế được một lượng lớn các chất hữu cơ và vô cơ mà không có hại gì đặc biệt đối với chất lượng nước. Tuy nhiên, khả năng này không phải vô hạn và nếu không được tính toán chặt chẽ, nguồn thải này có thể gây ô nhiễm môi trường biển, ảnh hưởng tới đời sống các sinh vật sống trong môi trường biển.

Bên cạnh các nguồn ô nhiễm nhân tạo trên, biển còn có thể bị ô nhiễm bởi các quá trình tự nhiên như núi lửa phun, tai biến bão lụt, sự cố rò rỉ dầu tự nhiên v.v..

Trên cơ sở xác định các nguồn gây ra ô nhiễm môi trường biển, Điều 50 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 đưa ra các quy định kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường biển và hải đảo như sau:

- Chất thải từ đất liền ra biển, phát sinh trên biển và hải đảo phải được thống kê, phân loại, đánh giá và có giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Dầu, mỡ, dung dịch khoan, nước dằn tàu, hóa chất và các chất độc hại khác được sử dụng trong các hoạt động trên biển và hải đảo sau khi

sử dụng phải được thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý theo quy định về quản lý chất thải.

- Việc nhận chìm, đổ thải ở biển và hải đảo phải căn cứ vào đặc điểm, tính chất của loại chất thải và phải được phép của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường biển và hải đảo phải tuân thủ các điều ước quốc tế về biển và hải đảo mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

**Câu hỏi 44: Việc phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trên biển và hải đảo được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trên biển và hải đảo là những biện pháp nhằm ngăn chặn hoặc giảm bớt tác động không mong muốn đến môi trường biển và hải đảo từ những sự cố môi trường. Vì vậy, Điều 51 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 đã quy định rõ trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trên biển và hải đảo, cụ thể:

- Tổ chức, cá nhân hoạt động trên biển và hải đảo có nguy cơ gây sự cố môi trường phải có kế hoạch, nguồn lực phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm cảnh báo, thông báo kịp thời về sự cố môi trường trên biển và tổ chức ứng phó, khắc phục hậu quả.

## VI. VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NƯỚC, ĐẤT VÀ KHÔNG KHÍ

**Câu hỏi 45: Những yêu cầu chung nào cần được thực hiện để bảo vệ môi trường nước sông?**

### ***Trả lời:***

Điều 52 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 đã đưa ra một số quy định chung về bảo vệ môi trường nước sông, theo đó những yêu cầu được đặt ra để bảo vệ môi trường nước sông bao gồm:

- Bảo vệ môi trường nước sông là một trong những nội dung cơ bản của quy hoạch, kế hoạch khai thác, sử dụng nước sông.

- Nguồn thải vào lưu vực sông phải được quản lý phù hợp với sức chịu tải của sông.

- Chất lượng nước sông, trầm tích phải được theo dõi, đánh giá.

- Bảo vệ môi trường lưu vực sông phải gắn liền với bảo tồn đa dạng sinh học, khai thác và sử dụng nguồn nước sông.

- Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có trách nhiệm giảm thiểu và xử lý chất thải trước khi xả thải vào lưu vực sông theo quy định của pháp luật.

**Câu hỏi 46: Hoạt động kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường nước lưu vực sông bao gồm những nội dung gì?**

***Trả lời:***

Nội dung kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường nước lưu vực sông được quy định tại Điều 53 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 như sau:

- Thống kê, đánh giá, giảm thiểu và xử lý chất thải đổ vào lưu vực sông.

- Định kỳ quan trắc và đánh giá chất lượng nước sông và trầm tích.

- Điều tra, đánh giá sức chịu tải của sông; công bố các đoạn sông, dòng sông không còn khả năng tiếp nhận chất thải; xác định hạn ngạch xả nước thải vào sông.

- Xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường dòng sông, đoạn sông bị ô nhiễm.

- Quan trắc và đánh giá chất lượng môi trường nước, trầm tích sông xuyên biên giới và chia sẻ thông tin trên cơ sở luật pháp và thông lệ quốc tế.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông.

- Công khai thông tin về môi trường nước và

trầm tích của lưu vực sông cho các tổ chức quản lý, khai thác và sử dụng nước sông.

**Câu hỏi 47: Một số đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước đây là những đề án nào? Định hướng chung của từng đề án là gì?**

***Trả lời:***

Một số đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt bao gồm:

1. Đề án bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai đến năm 2020 được phê duyệt theo Quyết định số 187/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 03-12-2007. Theo đề án, bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai có tầm quan trọng đặc biệt trong phát triển kinh tế - xã hội bền vững đối với 12 tỉnh, thành phố trên lưu vực; là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài, thường xuyên, đòi hỏi phải tập trung các nguồn lực đầu tư với những quyết tâm cao của chính quyền và nhân dân địa phương trên lưu vực, có sự hỗ trợ của ngân sách Trung ương. Đề án đặt ra định hướng chung đến năm 2020 là:

- Triển khai, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai theo Quyết định số 256/2003/QĐ-TTg ngày

02-12-2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; từng bước xử lý ô nhiễm môi trường, cải thiện và nâng cao chất lượng nước của dòng sông; thực hiện cân bằng nguồn nước nhằm phục vụ an toàn cho việc cấp nước sinh hoạt, tưới tiêu nông nghiệp, các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội bền vững khác và gìn giữ cảnh quan thiên nhiên đặc trưng của lưu vực sông;

- Xây dựng mô hình quản lý môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, bảo đảm công bằng cho mọi đối tượng, mọi tiểu vùng trong lưu vực; gắn quyền lợi của người khai thác, sử dụng tài nguyên trên lưu vực với nghĩa vụ bảo vệ môi trường phục vụ phát triển bền vững dòng sông;

- Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả hệ thống cơ chế, chính sách, các giải pháp khoa học công nghệ tiên tiến và khả thi nhằm ngăn chặn mức độ gia tăng ô nhiễm; phục hồi, tái tạo, bảo vệ, cải thiện chất lượng môi trường và phát triển tài nguyên lưu vực sông.

2. Đề án tổng thể bảo vệ môi trường lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2020 được phê duyệt tại Quyết định số 57/2008/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 29-4-2008. Theo đề án giải quyết vấn đề ô nhiễm và bảo vệ môi trường lưu

vực sông Nhuệ - sông Đáy là vấn đề lớn, liên vùng, liên ngành; là nhiệm vụ của cả 6 tỉnh, thành phố trên lưu vực, đòi hỏi có sự chỉ đạo chặt chẽ và hỗ trợ đầu tư của Chính phủ, các Bộ, ngành cũng như sự quyết tâm cao của Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân toàn lưu vực. Đề án đặt ra định hướng chung đến năm 2020 là:

- Hạn chế, giảm thiểu ô nhiễm và suy thoái môi trường lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy; từng bước xử lý ô nhiễm, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường và chất lượng nước các dòng sông, tạo hệ thống dòng chảy ổn định, bảo vệ các công trình thủy lợi an toàn, bền vững;

- Xây dựng và hoàn chỉnh hệ thống cơ chế, chính sách đồng bộ nhằm khai thác hợp lý, sử dụng tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước, môi trường lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy; thiết lập mô hình quản lý môi trường lưu vực phù hợp để khai thác, sử dụng bền vững, duy trì cân bằng nguồn nước, bảo vệ môi trường và cảnh quan sinh thái, phục vụ có hiệu quả nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên toàn lưu vực.

3. Đề án tổng thể bảo vệ và phát triển bền vững môi trường sinh thái, cảnh quan lưu vực sông Cầu được phê duyệt theo Quyết định số 174/2006/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 28-7-2006. Đề án chỉ ra việc bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan lưu vực sông Cầu là nhiệm



vụ lâu dài, thường xuyên, cần có quyết tâm cao, đòi hỏi tập trung các nguồn lực đầu tư của chính quyền và nhân dân địa phương trên lưu vực, có sự hỗ trợ của ngân sách trung ương. Theo đó, đề án đặt ra định hướng chung đến năm 2020 bao gồm:

- Triển khai trên lưu vực sông Cầu theo Quyết định số 256/2003/QĐ-TTg ngày 02-12-2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020, từng bước xử lý ô nhiễm, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường dòng sông để đến năm 2020 đưa sông Cầu trở lại trong sạch, bảo đảm cân bằng nước phục vụ hiệu quả nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở lưu vực, hệ thống dòng chảy ổn định, các công trình thủy lợi an toàn, bền vững, cảnh quan thiên nhiên tươi đẹp.

- Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện có hiệu quả hệ thống cơ chế, chính sách với các giải pháp khả thi nhằm ngăn chặn mức độ gia tăng ô nhiễm, phục hồi, bảo vệ, tái tạo và phát triển tài nguyên môi trường lưu vực sông Cầu; thiết lập mô hình quản lý môi trường lưu vực phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, bảo đảm công bằng cho mọi đối tượng, mọi tiểu vùng trong lưu vực, gắn quyền lợi với nghĩa vụ của người khai thác đối với việc bảo vệ môi trường sinh thái lâu dài lưu vực sông theo hướng phát triển bền vững.

**Câu hỏi 48: Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với bảo vệ môi trường nước lưu vực sông nội tỉnh được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Điều 54 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với bảo vệ môi trường nước sông nội tỉnh như sau:

- Công khai thông tin các nguồn thải vào lưu vực sông.

- Chỉ đạo, tổ chức các hoạt động phòng ngừa và kiểm soát các nguồn thải vào lưu vực sông.

- Tổ chức đánh giá sức chịu tải của sông; ban hành hạn ngạch xả nước thải vào sông; công bố thông tin về những đoạn sông không còn khả năng tiếp nhận chất thải.

- Tổ chức đánh giá thiệt hại do ô nhiễm và xử lý ô nhiễm môi trường lưu vực sông.

- Chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông.

**Câu hỏi 49: Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với bảo vệ môi trường nước lưu vực sông nội tỉnh được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Điều 55 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm

thực hiện các hoạt động sau để bảo vệ môi trường nước lưu vực sông:

- Đánh giá chất lượng môi trường nước, trầm tích các lưu vực sông liên tỉnh và xuyên biên giới.

- Điều tra, đánh giá sức chịu tải, xác định hạn ngạch xả nước thải phù hợp với mục tiêu sử dụng nước và công bố thông tin.

- Ban hành, hướng dẫn thực hiện quy chuẩn kỹ thuật môi trường nước và trầm tích lưu vực sông.

- Ban hành, hướng dẫn việc đánh giá sức chịu tải của lưu vực sông, hạn ngạch xả nước thải vào sông liên tỉnh, khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường các dòng sông, đoạn sông bị ô nhiễm.

- Tổ chức và chỉ đạo hoạt động bảo vệ môi trường lưu vực sông liên tỉnh.

- Tổ chức đánh giá các nguồn thải gây ô nhiễm, mức độ thiệt hại và tổ chức xử lý ô nhiễm lưu vực sông liên tỉnh.

- Tổng hợp thông tin về chất lượng môi trường nước, trầm tích các lưu vực sông, hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

- Xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông liên tỉnh.

**Câu hỏi 50: Để bảo vệ môi trường nguồn nước hồ, ao, kênh, mương, rạch cần phải bảo đảm những yêu cầu chung nào?**

***Trả lời:***

Để bảo vệ môi trường nguồn nước hồ, ao, kênh,

mương, rạch, theo Điều 56 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, cần phải bảo đảm thực hiện và tuân thủ các yêu cầu sau:

- Nguồn nước hồ, ao, kênh, mương, rạch phải được điều tra, đánh giá trữ lượng, chất lượng và bảo vệ để điều hòa nguồn nước.

- Hồ, ao, kênh, mương, rạch trong đô thị, khu dân cư phải được quy hoạch để cải tạo, bảo vệ.

- Tổ chức, cá nhân không được lấn chiếm, xây dựng trái phép công trình, nhà ở trên mặt nước hoặc trên bờ tiếp giáp mặt nước hồ, ao, kênh, mương, rạch; hạn chế tối đa việc san lấp hồ, ao trong đô thị, khu dân cư.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức điều tra, đánh giá trữ lượng, chất lượng và lập kế hoạch bảo vệ, điều hòa chế độ nước của hồ, ao, kênh, mương, rạch; lập và thực hiện kế hoạch cải tạo hoặc di dời các khu, cụm nhà ở, công trình trên hồ, ao, kênh, mương, rạch gây ô nhiễm môi trường, tắc nghẽn dòng chảy, suy thoái hệ sinh thái đất ngập nước và làm mất mỹ quan đô thị.

**Câu hỏi 51: Quan trắc môi trường nước của hồ chứa nước phục vụ mục đích thủy lợi, thủy điện có được thực hiện định kỳ tối thiểu 03 tháng một lần hay không? Cơ quan nào có trách nhiệm thực hiện quan trắc môi trường nước hồ?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 3 Điều 57 Luật bảo

vệ môi trường năm 2014, quan trắc môi trường nước hồ chứa nước phục vụ mục đích thủy lợi, thủy điện phải được thực hiện định kỳ tối thiểu 03 tháng một lần và trách nhiệm thực hiện quan trắc thuộc về cơ quan quản lý hồ chứa nước.

**Câu hỏi 52: Nước dưới đất là gì? Để bảo vệ môi trường nước dưới đất cần phải bảo đảm những yêu cầu nào?**

***Trả lời:***

Điểm 4 Điều 2 Luật tài nguyên nước năm 2012 quy định, nước dưới đất là nước tồn tại trong các tầng chứa nước dưới đất.

Không chỉ môi trường nước mặt lục địa mà nguồn nước dưới đất cũng có khả năng bị ô nhiễm nghiêm trọng do việc chôn các chất thải độc hại gần nguồn nước ngầm, rò rỉ các chất phóng xạ, các hoạt động khai thác bừa bãi, không có kế hoạch nguồn nước dưới đất ... Do đó, việc bảo vệ môi trường nước dưới đất là rất cần thiết. Để bảo vệ môi trường nước dưới đất, Điều 58 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định:

- Chỉ được sử dụng các loại hóa chất trong danh mục cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong thăm dò, khai thác nước dưới đất.

- Có biện pháp ngăn ngừa ô nhiễm nguồn nước dưới đất qua giếng khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất. Cơ sở khai thác nước dưới đất có trách

nhiệm phục hồi môi trường khu vực thăm dò, khai thác. Các lỗ khoan thăm dò, lỗ khoan khai thác không còn sử dụng phải được trám lấp theo đúng quy trình kỹ thuật.

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có sử dụng hóa chất độc hại, chất phóng xạ phải có biện pháp bảo đảm không để rò rỉ, phát tán hóa chất độc hại và chất thải phóng xạ vào nguồn nước dưới đất.

- Kho chứa hóa chất, cơ sở xử lý, khu chôn lấp chất thải nguy hại phải được xây dựng bảo đảm an toàn kỹ thuật, có biện pháp ngăn cách hóa chất độc hại ngấm vào nguồn nước dưới đất theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm nước dưới đất phải có trách nhiệm xử lý ô nhiễm nước dưới đất.

**Câu hỏi 53:** Do có nhu cầu kinh doanh, dịch vụ rửa xe, ông A muốn khoan giếng để lấy nước sinh hoạt và rửa xe. Vậy, gia đình ông A có phải xin cấp giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không?

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật tài nguyên nước năm 2012, tổ chức, cá nhân khai thác nước dưới đất phải có giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 44 của Luật tài

nguyên nước năm 2012: khai thác, sử dụng nước cho sinh hoạt của hộ gia đình; khai thác, sử dụng nước với quy mô nhỏ cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; khai thác, sử dụng nước biển để sản xuất muối; khai thác, sử dụng nước phục vụ các hoạt động văn hóa, tôn giáo, nghiên cứu khoa học; khai thác, sử dụng nước cho phòng cháy, chữa cháy, ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm, dịch bệnh và các trường hợp khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27-11-2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước thì, các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước với quy mô nhỏ cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ bao gồm: khai thác nước dưới đất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá  $10 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ .

Như vậy, hộ gia đình ông A đào giếng khoan vừa với mục đích sinh hoạt, vừa với mục đích kinh doanh, dịch vụ rửa xe, do đó: Trường hợp khai thác với quy mô không vượt quá  $10 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ , hộ gia đình ông A không phải làm thủ tục xin cấp giấy phép tài nguyên nước. Tuy nhiên, nếu khu vực khoan giếng của gia đình ông A thuộc khu vực có mực nước dưới đất bị suy giảm liên tục và có nguy cơ bị hạ thấp quá mức; khu vực có nguy

cơ sụt, lún đất, xâm nhập mặn, gia tăng ô nhiễm do khai thác nước dưới đất hoặc khu vực có nguồn nước dưới đất bị ô nhiễm hoặc có dấu hiệu ô nhiễm nhưng chưa có giải pháp công nghệ xử lý bảo đảm chất lượng; khu đô thị, khu dân cư tập trung ở nông thôn, khu, cụm công nghiệp tập trung, làng nghề đã có hệ thống cấp nước tập trung và dịch vụ cấp nước bảo đảm đáp ứng yêu cầu chất lượng, số lượng thì phải thực hiện việc đăng ký khai thác nước dưới đất. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức khoanh định, công bố vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất; quy định cụ thể thẩm quyền tổ chức việc đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn (xem khoản 1, 2 Điều 17 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27-11-2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước).

**Câu hỏi 54: Các yêu cầu chung về bảo vệ môi trường đất được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo Điều 59 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, để bảo vệ môi trường đất trước hết cần bảo đảm thực hiện các yêu cầu chung sau:

- Bảo vệ môi trường đất là một trong những nội dung cơ bản của quản lý tài nguyên đất.
- Quy hoạch, kế hoạch, dự án và các hoạt động có sử dụng đất phải xem xét tác động đến



môi trường đất và có giải pháp bảo vệ môi trường đất. Theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 35 Luật đất đai năm 2013, một trong những nguyên tắc cơ bản trong lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất là phải bảo đảm khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả.

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được giao quyền sử dụng đất có trách nhiệm bảo vệ môi trường đất. Khoản 4, 5 Điều 170 Luật đất đai năm 2013 quy định một trong những nghĩa vụ chung của người sử dụng đất là phải thực hiện các biện pháp bảo vệ đất, tuân theo các quy định về bảo vệ môi trường...

- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm môi trường đất có trách nhiệm xử lý, cải tạo và phục hồi môi trường đất.

### **Câu hỏi 55: Quản lý chất lượng môi trường đất bao gồm những nội dung nào?**

#### ***Trả lời:***

Điều 60 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, quản lý chất lượng môi trường đất bao gồm các nội dung sau:

- Chất lượng môi trường đất phải được điều tra, đánh giá, phân loại, quản lý và công khai thông tin đối với tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Việc phát thải chất thải vào môi trường đất không được vượt quá khả năng tiếp nhận của môi trường đất.

- Vùng đất có nguy cơ suy thoái phải được khoanh vùng, theo dõi và giám sát.

- Vùng đất bị suy thoái phải được cải tạo, phục hồi.

- Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có trách nhiệm tổ chức điều tra, đánh giá và công khai thông tin về chất lượng môi trường đất.

**Câu hỏi 56: Điều tra, đánh giá đất đai bao gồm những hoạt động và nội dung nào? Cơ quan nào có trách nhiệm tổ chức điều tra, đánh giá đất đai?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật đất đai năm 2013, điều tra, đánh giá đất đai bao gồm các hoạt động sau: điều tra, đánh giá về chất lượng đất, tiềm năng đất đai; điều tra, đánh giá thoái hóa đất, ô nhiễm đất; điều tra, phân hạng đất nông nghiệp; thống kê, kiểm kê đất đai; điều tra, thống kê giá đất; theo dõi biến động giá đất; xây dựng và duy trì hệ thống quan trắc giám sát tài nguyên đất.

Theo khoản 2 Điều 32 Luật đất đai năm 2013 điều tra, đánh giá đất đai bao gồm các nội dung

sau: lấy mẫu, phân tích, thống kê số liệu quan trắc đất đai; xây dựng bản đồ về chất lượng đất, tiềm năng đất đai, thoái hóa đất, ô nhiễm đất, phân hạng đất nông nghiệp, giá đất; xây dựng báo cáo đánh giá về chất lượng đất, tiềm năng đất đai, thoái hóa đất, ô nhiễm đất, phân hạng đất nông nghiệp, giá đất; xây dựng báo cáo thống kê, kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, báo cáo về giá đất và biến động giá đất.

Điều 33 Luật đất đai năm 2013 quy định, việc tổ chức thực hiện điều tra, đánh giá đất đai thuộc trách nhiệm của các cơ quan sau đây:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thực hiện và công bố kết quả điều tra, đánh giá đất đai của cả nước, các vùng theo định kỳ 05 năm một lần và theo chuyên đề; chỉ đạo việc thực hiện điều tra, đánh giá đất đai của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; tổng hợp, công bố kết quả điều tra, đánh giá đất đai của cả nước.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện và công bố kết quả điều tra, đánh giá đất đai của địa phương; gửi kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp.

- Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc điều tra, đánh giá đất đai và điều kiện về năng lực của đơn vị thực hiện điều tra, đánh giá đất đai.

**Câu hỏi 57: Thế nào là ô nhiễm môi trường đất? Việc kiểm soát ô nhiễm môi trường đất được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo điểm 8 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, ô nhiễm môi trường là sự biến đổi của các thành phần môi trường không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật môi trường và tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến con người và sinh vật.

Môi trường đất bị xem là ô nhiễm khi nồng độ các chất độc trong đất tăng lên quá mức an toàn theo các quy chuẩn chung, vượt lên khả năng tự làm sạch của môi trường đất.

Các nguồn gây ô nhiễm môi trường đất có thể xuất phát từ tự nhiên, tuy nhiên, hiện nay, phần lớn các nguồn gây ô nhiễm môi trường đất xuất phát từ hoạt động sản xuất của con người như việc xả chất thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, các chất phóng xạ vào trong đất, sử dụng quá nhiều phân bón hóa học và phân hữu cơ, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ trong hoạt động sản xuất nông nghiệp là những chất có thể gây ô nhiễm môi trường đất...

Theo quy định tại điểm 18 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, kiểm soát ô nhiễm là quá trình phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý ô

nhiễm. Để bảo vệ môi trường đất, Điều 61 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 đã đưa ra một số yêu cầu để thực hiện kiểm soát ô nhiễm môi trường đất, cụ thể:

- Các yếu tố có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đất phải được xác định, thống kê, đánh giá và kiểm soát.

- Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có trách nhiệm tổ chức kiểm soát ô nhiễm môi trường đất.

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm thực hiện biện pháp kiểm soát ô nhiễm môi trường đất tại cơ sở.

- Vùng đất, bùn bị ô nhiễm dioxin có nguồn gốc từ chất diệt cỏ dùng trong chiến tranh, thuốc bảo vệ thực vật tồn lưu và chất độc hại khác phải được điều tra, đánh giá, khoanh vùng và xử lý bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường.

**Câu hỏi 58: Để bảo vệ môi trường không khí có cần phải đánh giá, kiểm soát các nguồn phát thải khí vào môi trường hay không ? Vì sao?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 1 Điều 62 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, để bảo vệ môi trường không khí, các nguồn phát thải khí vào môi trường phải được đánh giá và kiểm soát.

Ô nhiễm không khí là sự biến đổi của các thành phần trong không khí không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật môi trường và tiêu chuẩn môi trường gây ảnh hưởng xấu đến con người và sinh vật. Tác nhân chủ yếu gây ra sự biến đổi các thành phần trong không khí chính là sự phát thải khí vào môi trường làm gia tăng hoặc biến đổi các thành phần trong môi trường không khí. Vì vậy, các nguồn phát thải khí vào môi trường phải được đánh giá, kiểm soát để bảo đảm lượng khí phát thải vào môi trường trong phạm vi cho phép và không ảnh hưởng xấu tới môi trường, có biện pháp kịp thời để ngăn chặn hoặc quản lý lượng khí phát thải từ các nguồn phát thải khí có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường không khí.

**Câu hỏi 59: Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát thải khí tác động xấu tới môi trường được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo khoản 2 Điều 62 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ phát thải khí tác động xấu đến môi trường có trách nhiệm giảm thiểu và xử lý bảo đảm chất lượng môi trường không khí theo quy định của pháp luật. Như

vậy, việc giảm thiểu và xử lý nguồn khí thải trước khi thải ra môi trường là trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ phát thải khí tác động xấu đến môi trường, nếu không tuân theo, tổ chức, cá nhân sẽ bị áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật.

**Câu hỏi 60: Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong quản lý chất lượng môi trường không khí chung quanh được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Điều 63 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có trách nhiệm theo dõi, đánh giá chất lượng môi trường không khí chung quanh và công bố công khai thông tin; trường hợp môi trường không khí chung quanh bị ô nhiễm thì phải cảnh báo, xử lý kịp thời.

**Câu hỏi 61: Để kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí phải bảo đảm những yêu cầu nào?**

***Trả lời:***

Theo Điều 64 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, để kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí cần bảo đảm những yêu cầu sau:

- Nguồn phát thải khí phải được xác định về lưu lượng, tính chất và đặc điểm của khí thải.

- Việc xem xét, phê duyệt dự án và hoạt động có phát thải khí phải căn cứ vào sức chịu tải của môi trường không khí, bảo đảm không có tác động xấu đến con người và môi trường.

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguồn phát thải khí công nghiệp lớn phải đăng ký nguồn gây ô nhiễm, đo đạc, thống kê, kiểm kê và xây dựng cơ sở dữ liệu về lưu lượng, tính chất, đặc điểm khí thải.

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguồn phát thải khí công nghiệp lưu lượng lớn phải lắp đặt thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục và được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép xả thải.

## VII. VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ

**Câu hỏi 62: Việc bảo vệ môi trường khu kinh tế được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Điều 65 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định về bảo vệ môi trường khu kinh tế, theo đó:

- Khu kinh tế phải có công trình hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Khu



kinh tế là khu vực có không gian kinh tế riêng biệt với môi trường đầu tư và kinh doanh đặc biệt thuận lợi cho các nhà đầu tư, có ranh giới địa lý xác định, do đó, việc xây dựng công trình hạ tầng bảo vệ môi trường ngay trong phạm vi khu kinh tế là điều cần thiết, bảo đảm xử lý kịp thời các vấn đề môi trường phát sinh trong khu kinh tế (như vấn đề chất thải rắn, vấn đề nước thải công nghiệp ...).

- Ban quản lý khu kinh tế phải có bộ phận chuyên trách về bảo vệ môi trường.

- Ban quản lý khu kinh tế phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tổ chức thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường; báo cáo về công tác bảo vệ môi trường trong khu kinh tế theo quy định của pháp luật.

**Câu hỏi 63: Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường được hiểu như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại điểm 24 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường bao gồm hệ thống thu gom, lưu giữ, vận chuyển, tái chế, tái sử dụng, xử lý chất thải (như nhà máy xử lý nước thải, địa điểm tạm lưu giữ và trung chuyển chất thải rắn ...) và quan trắc môi trường.

**Câu hỏi 64: Trong khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp, diện tích được phủ cây xanh tối thiểu có phải đạt 15% tổng diện tích của khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp hay không?**

***Trả lời:***

Tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 08/2009/TT-BTNMT ngày 15-7-2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quản lý và bảo vệ môi trường khu kinh tế, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp có quy định tỷ lệ diện tích đất được phủ cây xanh tối thiểu phải đạt 15% tổng diện tích khu kinh tế khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp. Tuy nhiên, Thông tư số 48/2011/TT-BTNMT ngày 28-12-2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2009/TT-BTNMT đã điều chỉnh tỷ lệ và quy định lại cụ thể, nội dung này cho phù hợp hơn, cụ thể, điểm b khoản 2 Điều 1 Thông tư số 48/2011/TT-BTNMT quy định tỷ lệ diện tích đất được trồng cây, vườn hoa, sân cỏ trong hàng rào khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp tối thiểu phải bằng 10% tổng diện tích của toàn bộ khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp.

**Câu hỏi 65: Vấn đề bảo vệ môi trường khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao là những khu vực phát triển theo các chức năng chuyên biệt, hỗn hợp, có ranh giới, địa lý xác định. Đây cũng là khu vực tập trung các hoạt động sản xuất cao, lượng chất thải công nghiệp thải ra môi trường là rất lớn, do đó, cần có những quy định về bảo vệ môi trường riêng cho các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, tránh nguy cơ gây ô nhiễm môi trường tại các khu vực này. Điều 66 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 đã quy định về việc bảo vệ môi trường khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, trong đó tập trung quy định trách nhiệm của ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụ thể:

- Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tổ chức kiểm tra hoạt động về bảo vệ môi trường; báo cáo về hoạt động bảo vệ môi trường tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật.

- Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao phải có bộ phận chuyên trách về bảo vệ môi trường.

- Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao phải bảo đảm các yêu cầu sau: quy hoạch các khu chức năng, các loại hình hoạt động phải phù hợp với các hoạt động bảo vệ môi trường; đầu tư hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường và có hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục; có thiết bị đo lưu lượng nước thải; bố trí bộ phận chuyên môn phù hợp để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

**Câu hỏi 66: Trách nhiệm của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp, Ban quản lý khu kinh doanh, dịch vụ tập trung và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Điều 67 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp phải thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường sau: xây dựng phương án bảo vệ môi trường; đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải

đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; tổ chức quan trắc môi trường theo quy định của pháp luật; bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường.

Ban quản lý khu kinh doanh, dịch vụ tập trung phải thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường sau: xây dựng phương án bảo vệ môi trường; đầu tư hệ thống thu gom nước thải, chất thải rắn đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; bố trí nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường.

Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm: kiểm tra, thanh tra việc xây dựng và triển khai phương án bảo vệ môi trường tại cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung; báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về công tác bảo vệ môi trường tại cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung.

**Câu hỏi 67: Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải đáp ứng những yêu cầu nào về bảo vệ môi trường?**

***Trả lời:***

Điều 68 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải đáp ứng các yêu cầu sau về bảo vệ môi trường:

- Thu gom, xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường;
- Thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý, thải bỏ chất thải rắn theo quy định của pháp luật;

- Giảm thiểu, thu gom, xử lý bụi, khí thải theo quy định của pháp luật; bảo đảm không để rò rỉ, phát tán khí độc hại ra môi trường; hạn chế tiếng ồn, độ rung, phát sáng, phát nhiệt gây ảnh hưởng xấu đối với môi trường xung quanh và người lao động;

- Bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường;

- Xây dựng và thực hiện phương án bảo vệ môi trường.

Khoản 3 Điều 68 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh lượng chất thải lớn, nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường phải có bộ phận chuyên môn hoặc nhân sự phụ trách về bảo vệ môi trường; phải được xác nhận hệ thống quản lý môi trường theo quy định của Chính phủ.

**Câu hỏi 68: Cơ sở sản xuất, kho tàng thuộc trường hợp nào phải có khoảng cách bảo đảm không có tác động xấu đối với khu dân cư?**

***Trả lời:***

Khoản 2 Điều 68 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định: cơ sở sản xuất hoặc kho tàng thuộc các trường hợp sau phải có khoảng cách bảo đảm không có tác động xấu đối với khu dân cư: có chất

dễ cháy, dễ nổ; có chất phóng xạ hoặc bức xạ mạnh; có chất độc hại đối với người và sinh vật; phát tán bụi, mùi, tiếng ồn ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người; gây ô nhiễm nguồn nước. Tùy theo mức độ và tính chất, khả năng gây ra ô nhiễm môi trường mà các cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp cấm đặt trong khu dân cư hoặc biện pháp buộc phải có khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư.

Về khoảng cách an toàn về môi trường đối với các cơ sở sản xuất trong khu dân cư hiện nay đang được quy định tại Mục II Phụ lục 21 tiêu chuẩn, 5 nguyên tắc và 7 thông số vệ sinh lao động được ban hành kèm theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10-10-2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

**Câu hỏi 69: Khu chăn nuôi tập trung phải đáp ứng những yêu cầu nào về bảo vệ môi trường?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 3 Điều 69 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 thì, khu chăn nuôi tập trung phải có phương án bảo vệ môi trường và đáp ứng yêu cầu sau:

- Bảo đảm vệ sinh môi trường đối với khu dân cư;

- Thu gom, xử lý nước thải, chất thải rắn theo quy định về quản lý chất thải;

- Chuồng, trại phải được vệ sinh định kỳ; bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh;

- Xác vật nuôi bị chết do dịch bệnh phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và vệ sinh phòng bệnh.

**Câu hỏi 70: Thế nào là làng nghề? Làng nghề phải đáp ứng những điều kiện như thế nào về bảo vệ môi trường?**

***Trả lời:***

Làng nghề là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc hoặc các điểm dân cư tương tự trên địa bàn một xã, phường, thị trấn có các hoạt động ngành nghề nông thôn, sản xuất tiểu thủ công nghiệp sản xuất ra một hoặc nhiều loại sản phẩm khác nhau (khoản 1 Điều 3 Thông tư số 46/2011/TT-BTNMT ngày 26-12-2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ môi trường làng nghề).

Các làng nghề ở nước ta thường mang tính tự phát, quy mô nhỏ, thiết bị sản xuất thủ công, lạc hậu, mặt bằng sản xuất nhỏ hẹp, ý thức bảo vệ môi trường của các chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa cao, dẫn tới môi trường ở nhiều làng nghề đang có nguy cơ bị ô nhiễm nghiêm trọng gây ảnh hưởng tới sức khỏe của người dân trong



làng và môi trường xung quanh. Do đó, bên cạnh việc hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước khi được công nhận là làng nghề, khoản 1 Điều 70 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định các làng nghề cần phải đáp ứng các điều kiện về bảo vệ môi trường bao gồm: có phương án bảo vệ môi trường làng nghề; có kết cấu hạ tầng bảo đảm thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý, thải bỏ chất thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường.

**Câu hỏi 71: Cơ sở sản xuất trong làng nghề có cần phải đáp ứng những yêu cầu về bảo vệ môi trường không?**

***Trả lời:***

Các cơ sở sản xuất tại làng nghề cũng cần phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể:

- Đối với các cơ sở sản xuất thuộc ngành nghề được khuyến khích phát triển tại làng nghề do Chính phủ quy định phải đáp ứng các yêu cầu sau: xây dựng và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bụi, nhiệt, khí thải, nước thải và xử lý ô nhiễm tại chỗ; thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý chất thải rắn theo quy định của pháp luật (khoản 2 Điều 70 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

- Các cơ sở sản xuất không thuộc đối tượng nêu trên phải đáp ứng các yêu cầu sau: tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 68 của Luật bảo vệ môi trường năm 2014; tuân thủ kế hoạch di dời, chuyển đổi ngành nghề sản xuất theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (khoản 3 Điều 70 Luật bảo vệ môi trường năm 2014); thu gom, xử lý nước thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường; thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý, thải bỏ chất thải rắn theo quy định của pháp luật; giảm thiểu, thu gom, xử lý bụi, khí thải theo quy định của pháp luật; bảo đảm không để rò rỉ, phát tán khí độc hại ra môi trường; hạn chế tiếng ồn, độ rung, phát sáng, phát nhiệt gây ảnh hưởng xấu đối với môi trường xung quanh và người lao động; bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; xây dựng và thực hiện phương án bảo vệ môi trường. (Khoản 1 Điều 68 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

**Câu hỏi 72: Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong bảo vệ môi trường làng nghề được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã có làng nghề trong bảo vệ môi trường làng nghề bao gồm: lập, triển khai thực hiện phương án bảo vệ

môi trường cho làng nghề trên địa bàn; hướng dẫn hoạt động của tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường làng nghề; hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác bảo vệ môi trường làng nghề (khoản 4 Điều 70 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện có làng nghề trong bảo vệ môi trường làng nghề bao gồm: chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường làng nghề trên địa bàn; hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác bảo vệ môi trường làng nghề (khoản 5 Điều 70 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có làng nghề trong bảo vệ môi trường làng nghề bao gồm: quy hoạch, xây dựng, cải tạo và phát triển làng nghề gắn với bảo vệ môi trường; bố trí ngân sách cho các hoạt động bảo vệ môi trường làng nghề; chỉ đạo, tổ chức đánh giá mức độ ô nhiễm và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề trên địa bàn; chỉ đạo xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải; khu tập kết, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho làng nghề; quy hoạch khu công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề; có kế hoạch di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ra khỏi khu dân cư (khoản 6 Điều 70 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

**Câu hỏi 73: Trong nuôi trồng thủy sản cần tuân thủ và đáp ứng những yêu cầu nào để bảo vệ môi trường?**

***Trả lời:***

Để bảo vệ môi trường trong nuôi trồng thủy sản, Điều 71 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, tổ chức, cá nhân phải tuân thủ và đáp ứng những yêu cầu sau:

- Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh thuốc thú y thủy sản, hóa chất trong nuôi trồng thủy sản phải thực hiện quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định của pháp luật có liên quan.

- Không được sử dụng thuốc thú y thủy sản, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép trong nuôi trồng thủy sản.

- Thuốc thú y thủy sản, hóa chất dùng trong nuôi trồng thủy sản đã hết hạn sử dụng; bao bì đựng thuốc thú y thủy sản, hóa chất dùng trong nuôi trồng thủy sản sau khi sử dụng; bùn đất và thức ăn lắng đọng khi làm vệ sinh trong ao nuôi thủy sản phải được thu gom, xử lý theo quy định về quản lý chất thải.

- Khu nuôi trồng thủy sản tập trung phải phù hợp với quy hoạch và đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường sau: chất thải phải được thu gom, xử lý theo quy định của pháp luật; phục hồi môi trường sau khi ngừng hoạt động nuôi trồng thủy sản; bảo

đảm điều kiện vệ sinh môi trường, phòng ngừa dịch bệnh thủy sản; không được sử dụng hóa chất độc hại hoặc tích tụ độc hại.

- Không xây dựng khu nuôi trồng thủy sản tập trung trên bãi bồi đang hình thành vùng cửa sông ven biển.

- Không phá rừng ngập mặn để nuôi trồng thủy sản.

**Câu hỏi 74: Người đứng đầu cơ sở bệnh viện, cơ sở y tế, chủ đầu tư bệnh viện, cơ sở y tế có trách nhiệm thực hiện những yêu cầu gì để bảo vệ môi trường đối với bệnh viện và cơ sở y tế?**

***Trả lời:***

Điều 72 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, người đứng đầu cơ sở bệnh viện, cơ sở y tế có trách nhiệm bảo đảm bệnh viện và cơ sở y tế nơi mình quản lý thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường bao gồm: thu gom, xử lý nước thải y tế đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; phân loại chất thải rắn y tế tại nguồn; thực hiện thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải rắn y tế bảo đảm đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có kế hoạch, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế gây ra; chất thải y tế phải được xử lý sơ bộ loại bỏ mầm bệnh có nguy cơ lây nhiễm trước khi chuyển về nơi lưu giữ, xử lý,

tiêu hủy tập trung; xử lý khí thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

Đối với cơ sở chiếu xạ, dụng cụ thiết bị y tế có sử dụng chất phóng xạ phải đáp ứng yêu cầu của pháp luật về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân.

Chủ đầu tư bệnh viện, cơ sở y tế có trách nhiệm bố trí đủ kinh phí để xây dựng công trình vệ sinh, hệ thống thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

**Câu hỏi 75: Việc thi công công trình xây dựng phải bảo đảm các yêu cầu nào để bảo vệ môi trường?**

***Trả lời:***

Khoản 3 Điều 73 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, việc thi công công trình xây dựng phải bảo đảm các yêu cầu sau để bảo vệ môi trường:

- Công trình xây dựng trong khu dân cư phải có biện pháp bảo đảm không phát tán bụi, nhiệt, tiếng ồn, độ rung, ánh sáng vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường (ví dụ phải có biện pháp che chắn trong quá trình thi công để không phát tán bụi, nhiệt ...);

- Việc vận chuyển vật liệu xây dựng phải được thực hiện bằng phương tiện bảo đảm yêu cầu kỹ thuật, không làm rò rỉ, rơi vãi, gây ô nhiễm môi trường;

- Nước thải, chất thải rắn và các loại chất thải khác phải được thu gom, xử lý bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

**Câu hỏi 76: Cần bảo đảm những yêu cầu bảo vệ môi trường nào khi vận chuyển hàng hóa, vật liệu có nguy cơ gây sự cố môi trường?**

***Trả lời:***

Để ngăn ngừa những sự cố môi trường có thể xảy ra gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường chung quanh, theo khoản 5 Điều 74 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, việc vận chuyển hàng hóa, vật liệu có nguy cơ gây sự cố môi trường phải bảo đảm các yêu cầu sau: sử dụng thiết bị, phương tiện chuyên dụng, bảo đảm không rò rỉ, phát tán ra môi trường; có giấy phép vận chuyển của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; khi vận chuyển phải theo đúng tuyến đường và thời gian quy định trong giấy phép.

Một số hàng hóa khi vận chuyển có nguy cơ gây sự cố môi trường như: các chất và vật liệu nổ công nghiệp; khí ga; các chất ôxy hóa, các chất phóng xạ, các chất lây nhiễm... (theo danh mục hàng nguy hiểm - là hàng hóa có chứa các chất nguy hiểm khi vận chuyển có khả năng gây nguy hại tới tính mạng, sức khỏe con người, môi trường, an toàn và an ninh quốc gia quy định tại Điều 4 Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09-11-2009 quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ).

**Câu hỏi 77: Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với các phương tiện tham gia giao thông được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Hiện nay, các phương tiện tham gia giao thông đang là một trong những nguồn có khả năng gây ô nhiễm môi trường cao nếu không được kiểm soát chặt chẽ. Khoản 2, 3 Điều 74 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định một số yêu cầu đối với các phương tiện tham gia giao thông để bảo vệ môi trường như sau:

- Phương tiện giao thông cơ giới phải được cơ quan đăng kiểm xác nhận đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường mới được đưa vào sử dụng.

- Phương tiện vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, chất thải phải được che chắn, không để rơi vãi gây ô nhiễm môi trường trong khi tham gia giao thông.

**Câu hỏi 78: Máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất nào bị cấm nhập khẩu để bảo vệ môi trường?**

***Trả lời:***

Để bảo vệ môi trường và sức khỏe con người, những loại máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất, hàng hóa có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người sẽ bị cấm nhập khẩu, cụ thể, khoản 2 Điều 75 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định:



- Máy móc, thiết bị, phương tiện không đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường;

- Máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải đã qua sử dụng để phá dỡ, trừ trường hợp nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng, tuy nhiên việc nhập khẩu tàu biển đã qua sử dụng phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường;

- Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất, hàng hóa thuộc danh mục cấm nhập khẩu;

- Máy móc, thiết bị, phương tiện bị nhiễm chất phóng xạ, vi trùng gây bệnh, chất độc khác chưa được tẩy rửa hoặc không có khả năng làm sạch;

- Thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến, dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng thực phẩm đã hết hạn sử dụng hoặc không bảo đảm quy định về an toàn thực phẩm;

- Thuốc, nguyên liệu làm thuốc sử dụng cho người, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật hết hạn sử dụng hoặc không đạt tiêu chuẩn chất lượng.

**Câu hỏi 79: Phế liệu là gì? Việc nhập khẩu phế liệu vào Việt Nam phải đáp ứng những yêu cầu gì để bảo vệ môi trường?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BCT-BTNMT ngày 15-11-2012 của Bộ Công thương - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về điều kiện nhập khẩu phế

liệu làm nguyên liệu sản xuất, phế liệu là sản phẩm, vật liệu bị loại ra từ quá trình sản xuất hoặc tiêu dùng được thu hồi để dùng làm nguyên liệu sản xuất.

Do phế liệu là sản phẩm, vật liệu bị loại ra từ quá trình sản xuất hoặc tiêu dùng cho nên nhiều loại phế liệu có chứa các chất ảnh hưởng tới môi trường và sức khỏe con người. Vì vậy, việc nhập khẩu phế liệu theo Điều 76 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 cần phải bảo đảm các điều kiện, yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể:

- Phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài vào Việt Nam phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường và thuộc danh mục phế liệu được phép nhập khẩu do Thủ tướng Chính phủ quy định.

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu phải đáp ứng các yêu cầu: có kho, bãi dành riêng cho việc tập kết phế liệu bảo đảm điều kiện về bảo vệ môi trường; có công nghệ, thiết bị tái chế, tái sử dụng phế liệu, xử lý tạp chất đi kèm phế liệu đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Tổ chức, cá nhân nhập khẩu phế liệu có trách nhiệm: chỉ được nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất; phải xử lý tạp chất đi kèm phế liệu đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; không được cho, bán tạp chất đi kèm phế liệu; phải tái xuất phế liệu không đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường; trường hợp không tái xuất

được thì phải xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải; thực hiện ký quỹ bảo đảm phế liệu nhập khẩu theo quy định của Chính phủ.

Ngoài ra để được nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, thương nhân nhập khẩu phế liệu phải thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu phế liệu do cơ quan có thẩm quyền cấp (Điều 4 Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BCT-BTNMT ngày 15-11-2012 của Bộ Công Thương và Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn về điều kiện nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất).

**Câu hỏi 80: Để bảo vệ môi trường tại khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú và lễ hội cần phải bảo đảm những yêu cầu gì?**

***Trả lời:***

Các khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú và lễ hội là những địa điểm thu hút lượng lớn người đến tham quan, tham gia, nếu không có sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước và nếu khách du lịch, người tham quan không có ý thức bảo vệ môi trường thì nguy cơ ô nhiễm môi trường tại những địa điểm này là rất lớn. Do đó, Điều 77 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 đã quy định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác khu di tích, điểm di tích, khu du lịch,

điểm du lịch, cơ sở lưu trú và cá nhân đến khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú và lễ hội trong việc bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Tổ chức, cá nhân quản lý, khai thác khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường sau: niêm yết quy định về bảo vệ môi trường tại khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch và hướng dẫn thực hiện; lắp đặt, bố trí đủ và hợp lý công trình vệ sinh, thiết bị thu gom chất thải; bố trí nhân lực làm vệ sinh môi trường.

- Cá nhân đến khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú và lễ hội thực hiện các quy định sau: tuân thủ nội quy, hướng dẫn về bảo vệ môi trường của khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú; bỏ chất thải đúng nơi quy định; giữ gìn vệ sinh công cộng; không xâm hại cảnh quan di tích, các loài sinh vật tại khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú.

**Câu hỏi 81: Cơ sở nghiên cứu, phòng thử nghiệm phải thực hiện các yêu cầu như thế nào để bảo vệ môi trường?**

***Trả lời:***

Điều 79 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy

định, thủ trưởng cơ sở nghiên cứu, phòng thử nghiệm có trách nhiệm bảo đảm cơ sở nghiên cứu, phòng thử nghiệm do mình quản lý phải thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường sau:

- Thu gom, xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;

- Phân loại chất thải rắn tại nguồn; thu gom và xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn;

- Xử lý, tiêu hủy mẫu, vật phẩm phân tích thí nghiệm, hóa chất bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường;

- Có kế hoạch, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường;

- Cơ sở nghiên cứu, phòng thử nghiệm có sử dụng chất phóng xạ phải đáp ứng các yêu cầu về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân theo quy định của pháp luật.

## VIII. VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ, KHU DÂN CƯ

**Câu hỏi 82: Khu mai táng, hỏa táng phải bảo đảm những yêu cầu gì để bảo vệ môi trường?**

***Trả lời:***

Để bảo vệ môi trường Điều 84 Luật bảo vệ môi

trường năm 2014 quy định, khu mai táng, hỏa táng phải bảo đảm các yêu cầu sau:

- Phù hợp với quy hoạch;
- Có vị trí, khoảng cách đáp ứng yêu cầu về vệ sinh môi trường, cảnh quan khu dân cư;
- Không gây ô nhiễm nguồn nước và môi trường xung quanh.

**Câu hỏi 83: Chủ đầu tư dự án khu dân cư tập trung, chung cư phải thực hiện các yêu cầu nào để bảo vệ môi trường khu dân cư?**

***Trả lời:***

Theo khoản 2, 3 Điều 80 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, chủ đầu tư dự án khu dân cư tập trung, chung cư phải thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường sau tại dự án khu dân cư do mình thực hiện:

- Có kết cấu hạ tầng về bảo vệ môi trường đồng bộ, phù hợp với quy hoạch đô thị, khu dân cư tập trung đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Có thiết bị, phương tiện, địa điểm để phân loại tại nguồn, thu gom, tập trung chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, chủng loại chất thải và đủ khả năng tiếp nhận chất thải đã được phân loại tại nguồn từ các hộ gia đình trong khu dân cư.

**Câu hỏi 84: Cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm như thế nào trong bảo vệ môi trường nơi công cộng? Cá nhân có hành vi vứt, thải, bỏ rác thải sinh hoạt không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng thì bị xử lý như thế nào?**

***Trả lời:***

Để bảo vệ môi trường nơi công cộng theo Điều 81 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường và giữ gìn vệ sinh nơi công cộng; phân loại, chuyển rác thải vào thùng chứa rác công cộng hoặc đúng nơi quy định tập trung rác thải; không để vật nuôi gây mất vệ sinh nơi công cộng.

Tổ chức, cá nhân quản lý công viên, khu vui chơi, giải trí, khu du lịch, chợ, nhà ga, bến xe, bến tàu, bến cảng, bến phà và khu vực công cộng khác có trách nhiệm bố trí nhân lực thu gom chất thải, làm vệ sinh môi trường trong phạm vi quản lý; bố trí công trình vệ sinh công cộng; phương tiện, thiết bị thu gom chất thải đáp ứng nhu cầu giữ gìn vệ sinh môi trường; niêm yết quy định về giữ gìn vệ sinh nơi công cộng.

Theo quy định tại điểm b, d khoản 1, điểm c khoản 8 Điều 20 Nghị định số 179/2013/NĐ-CP

ngày 14-11-2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường thì cá nhân có hành vi vứt, thải, bỏ rác thải sinh hoạt không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng thì bị phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng. Trường hợp có hành vi vứt, thải rác thải sinh hoạt trên vỉa hè, đường phố hoặc vào hệ thống thoát nước thải đô thị hoặc hệ thống thoát nước mặt trong khu vực đô thị thì bị phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng. Ngoài ra, cá nhân vi phạm còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính do hành vi vi phạm gây ra.

**Câu hỏi 85: Hộ gia đình cần bảo đảm thực hiện những yêu cầu nào để bảo vệ môi trường?**

***Trả lời:***

Công tác bảo vệ môi trường không phải là trách nhiệm riêng của một cơ quan, tổ chức nào mà là trách nhiệm chung của toàn xã hội. Việc bảo vệ môi trường chỉ thật sự có hiệu quả khi mỗi cá nhân, hộ gia đình đều có ý thức tự giác bảo vệ môi trường. Vì vậy, Điều 82 Luật bảo vệ môi trường



năm 2014 đã quy định các yêu cầu chung về bảo vệ môi trường đối với hộ gia đình bao gồm:

- Giảm thiểu, phân loại tại nguồn, thu gom và chuyển rác thải sinh hoạt đến đúng nơi quy định.

- Giảm thiểu, xử lý và xả nước thải sinh hoạt đúng nơi quy định.

- Không được phát tán khí thải, gây tiếng ồn, độ rung và tác động khác vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến cộng đồng dân cư xung quanh.

- Nộp đủ và đúng thời hạn phí bảo vệ môi trường; chi trả cho dịch vụ thu gom, xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

- Tham gia hoạt động bảo vệ môi trường công cộng và tại khu dân cư.

- Có công trình vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm bảo đảm vệ sinh, an toàn.

**Câu hỏi 86: Tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường được thành lập và hoạt động theo nguyên tắc nào? Tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường có nhiệm vụ như thế nào trong công tác bảo vệ môi trường tại cộng đồng dân cư?**

***Trả lời:***

Điều 83 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường được thành lập và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, cộng đồng trách nhiệm, tuân theo quy định của

pháp luật. Nhà nước khuyến khích cộng đồng dân cư thành lập tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường nơi mình sinh sống nhằm phát huy được sức mạnh toàn dân trong công tác bảo vệ môi trường.

Tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Kiểm tra, đôn đốc hộ gia đình, cá nhân thực hiện quy định về giữ gìn vệ sinh và bảo vệ môi trường;

- Tổ chức thu gom, tập kết và xử lý chất thải;

- Giữ gìn vệ sinh môi trường tại khu dân cư và nơi công cộng;

- Xây dựng và tổ chức thực hiện hương ước về bảo vệ môi trường; tuyên truyền, vận động nhân dân xóa bỏ hủ tục, thói quen mất vệ sinh, có hại cho sức khỏe và môi trường;

- Tham gia giám sát việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn.

## IX. VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI

**Câu hỏi 87: Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong quản lý chất thải được quy định như thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 88 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy

định, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm sau:

- Lập, phê duyệt, tổ chức thực hiện quy hoạch hạ tầng kỹ thuật xử lý chất thải trên địa bàn.

- Đầu tư xây dựng, tổ chức vận hành công trình công cộng phục vụ quản lý chất thải trên địa bàn.

- Ban hành, thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho hoạt động quản lý chất thải theo quy định của pháp luật.

**Câu hỏi 88: Chủ đầu tư khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có trách nhiệm như thế nào trong quản lý chất thải?**

***Trả lời:***

Điều 89 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, chủ đầu tư khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có trách nhiệm bố trí mặt bằng tập kết chất thải trong phạm vi quản lý, xây dựng và tổ chức vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung.

**Câu hỏi 89: Quản lý chất thải bao gồm những hoạt động nào? Quản lý chất thải phải bảo đảm những yêu cầu nào?**

***Trả lời:***

Quản lý chất thải là quá trình phòng ngừa, giảm thiểu, giám sát, phân loại, thu gom, vận

chuyển, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải (điểm 15 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2014). Việc quản lý chất thải theo khoản 1, 2 Điều 85 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 thì cần bảo đảm các yêu cầu sau:

- Chất thải phải được quản lý trong toàn bộ quá trình phát sinh, giảm thiểu, phân loại, thu gom, vận chuyển, tái sử dụng, tái chế và tiêu hủy.

- Chất thải thông thường có lẫn chất thải nguy hại vượt ngưỡng quy định mà không thể phân loại được thì phải quản lý theo quy định của pháp luật về chất thải nguy hại.

**Câu hỏi 90: Chất thải nguy hại là gì? Chủ nguồn chất thải nguy hại phải lập hồ sơ về chất thải và đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hay không?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại điểm 13 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, chất thải nguy hại là chất thải chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây ngộ độc hoặc có đặc tính nguy hại khác.

Chất thải nguy hại có ảnh hưởng lớn tới môi trường và sức khỏe của con người, trong trường hợp chất thải nguy hại chưa qua xử lý bị phát tán ra môi trường bên ngoài sẽ gây tác hại cho môi trường và con người. Do đó, để bảo đảm công tác

quản lý các nguồn chất thải nguy hại, khoản 1 Điều 90 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định trách nhiệm chủ nguồn thải chất thải nguy hại phải lập hồ sơ về chất thải nguy hại và đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp tỉnh.

**Câu hỏi 91: Ông B dự định thành lập cơ sở xử lý chất thải nguy hại. Vậy, ông B cần phải đáp ứng các điều kiện gì và thực hiện những thủ tục nào để được hoạt động xử lý chất thải nguy hại?**

***Trả lời:***

Do chất thải nguy hại chứa các yếu tố độc hại, vì vậy, việc xử lý chất thải nguy hại khó khăn, phức tạp hơn rất nhiều việc xử lý các chất thải thông thường khác. Nếu tổ chức, cá nhân tiến hành xử lý không đủ năng lực có thể sẽ dẫn đến chất thải mặc dù đã qua xử lý nhưng vẫn còn chứa thành phần nguy hại đối với môi trường và con người, bản thân người xử lý cũng có thể gặp nguy hiểm từ quá trình xử lý chất thải không bảo đảm... Do đó, khoản 2 Điều 90 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện và có giấy phép mới được xử lý chất thải nguy hại. Điều 93 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 cũng quy định cụ thể các điều kiện đối với cơ sở xử lý chất thải nguy hại bao gồm:

- Địa điểm thuộc quy hoạch do cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Có khoảng cách bảo đảm để không ảnh hưởng xấu đối với môi trường và con người;
- Có công nghệ, phương tiện, thiết bị chuyên dụng cho việc lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường;
- Có công trình, biện pháp bảo vệ môi trường;
- Có nhân sự quản lý được cấp chứng chỉ và nhân sự kỹ thuật có trình độ chuyên môn phù hợp;
- Có quy trình vận hành an toàn công nghệ, phương tiện, thiết bị chuyên dụng;
- Có phương án bảo vệ môi trường;
- Có kế hoạch phục hồi môi trường sau khi chấm dứt hoạt động;
- Có báo cáo đánh giá tác động môi trường được Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định và phê duyệt.

Như vậy, nếu ông B muốn thành lập cơ sở xử lý chất thải nguy hại thì cơ sở của ông B phải bảo đảm đáp ứng các điều kiện nêu trên và phải làm thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy phép xử lý chất thải nguy hại.

**Câu hỏi 92: Việc phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển trước khi xử lý chất thải nguy hại được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Điều 91 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy

định về việc phân loại, thu gom, lưu giữ trước khi xử lý chất thải nguy hại, theo đó chất thải nguy hại phải được lưu giữ trong phương tiện, thiết bị chuyên dụng bảo đảm không tác động xấu đến con người và môi trường. Chủ nguồn thải nguy hại phải tổ chức phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; trường hợp chủ nguồn thải chất thải nguy hại không có khả năng xử lý chất thải nguy hại đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường phải chuyển giao cho cơ sở có giấy phép xử lý chất thải nguy hại.

Điều 92 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, chất thải nguy hại phải được vận chuyển bằng phương tiện, thiết bị chuyên dụng phù hợp và được ghi trong giấy phép xử lý chất thải nguy hại. Chất thải nguy hại được vận chuyển sang nước khác phải tuân thủ các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

**Câu hỏi 93: Trong quy hoạch bảo vệ môi trường, quản lý chất thải nguy hại bao gồm những nội dung gì?**

***Trả lời:***

Nội dung quản lý chất thải nguy hại trong quy hoạch bảo vệ môi trường được quy định tại Điều 94 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 bao gồm:

- Đánh giá, dự báo nguồn phát thải nguy hại và lượng phát thải.

- Khả năng thu gom, phân loại tại nguồn.
- Khả năng tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng.

- Vị trí, quy mô điểm thu gom, tái chế và xử lý.
- Công nghệ xử lý chất thải nguy hại.
- Nguồn lực thực hiện.
- Tiến độ thực hiện.
- Phân công trách nhiệm.

**Câu hỏi 94: Chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng là gì? Nguyên tắc quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại điểm 1, 2 Điều 2 Thông tư số 22/2014/TT-BKHCN ngày 25-8-2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 22/2014/TT-BKHCN) quy định về quản lý chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng:

- Chất thải phóng xạ là chất thải chứa các nhân phóng xạ hoặc vật thể bị nhiễm bản các nhân phóng xạ với mức hoạt độ lớn hơn mức thanh lý (theo quy định tại điểm 7 Điều 2 Thông tư số 22/2014/TT-BKHCN, mức thanh lý là giá trị nồng độ hoạt độ của các nhân phóng xạ mà khi chất thải chứa các nhân phóng xạ có nồng độ hoạt độ nhỏ hơn hoặc bằng giá trị đó sẽ được coi



là không gây nguy hại bức xạ đối với con người và môi trường và được quản lý như chất thải không phóng xạ) quy định tại Thông tư số 22/2014/TT-BKHCN và phải thải bỏ. Chất thải phóng xạ không bao gồm nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

- Nguồn phóng xạ đã qua sử dụng là nguồn phóng xạ kín mà tổ chức, cá nhân sở hữu không còn sử dụng trong công việc bức xạ được cấp giấy phép và không có ý định tiếp tục sử dụng vào bất kỳ một mục đích nào khác hoặc không được Cục An toàn bức xạ và hạt nhân cấp giấy phép cho phép sử dụng tiếp.

Như vậy, theo quy định này, chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ có ảnh hưởng rất lớn tới môi trường và sức khỏe con người. Vì vậy, cần phải được quản lý chặt chẽ để bảo đảm an toàn cho con người và môi trường.

Nguyên tắc quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng được quy định cụ thể tại Điều 3 Thông tư số 22/2014/TT-BKHCN) như sau:

- Chất thải phóng xạ phải được quản lý bảo đảm an toàn cho con người và môi trường kể từ khi phát sinh cho đến khi được phép thải bỏ như chất thải không nguy hại hoặc chôn cất hoặc tái chế đối với vật thể nhiễm bẩn phóng xạ là kim loại. Nguồn phóng xạ đã qua sử dụng phải được quản lý bảo đảm an toàn cho con người và môi trường cho đến

khi được chuyển trả cho nhà sản xuất, nhà cung cấp nước ngoài hoặc chôn cất.

- Chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng phải được quản lý chặt chẽ để bảo đảm không gây hại cho con người và môi trường cả ở hiện tại và tương lai, bảo đảm sao cho tổng liều bức xạ đối với nhân viên bức xạ và công chúng không vượt quá giá trị giới hạn liều quy định tại Thông tư số 19/2012/TT-BKHCN ngày 08-11-2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về kiểm soát và bảo đảm an toàn bức xạ trong chiếu xạ nghề nghiệp và chiếu xạ công chúng.

- Nguồn phóng xạ đã qua sử dụng phải được trả lại cho nhà sản xuất hoặc nhà cung cấp nước ngoài trong trường hợp nhà sản xuất, nhà cung cấp có chính sách nhận lại nguồn phóng xạ đã qua sử dụng.

- Việc quản lý chất thải phóng xạ trong thành phần còn chứa các chất nguy hại không phóng xạ, ngoài việc phải tuân thủ các quy định của Thông tư số 22/2014/TT-BKHCN, phải tuân thủ các quy định pháp luật khác liên quan đến quản lý chất thải nguy hại.

- Chất thải có chứa các nhân phóng xạ phát sinh trong một công việc bức xạ có thể được phép thải trực tiếp vào môi trường với điều kiện nồng độ hoạt độ phóng xạ trong chất thải không lớn hơn mức thanh lý hoặc tổng hoạt độ các nhân

phóng xạ trong thành phần chất thải dạng khí, dạng lỏng không vượt quá mức hoạt độ phóng xạ cho phép để được thải vào môi trường do cơ quan quản lý nhà nước quy định và phải được cho phép theo giấy phép tiến hành công việc bức xạ.

- Vật thể nhiễm bẩn phóng xạ là kim loại sắt, đồng, chì, nhôm (sau đây gọi là kim loại nhiễm bẩn phóng xạ) và sản phẩm nấu chảy trực tiếp từ các kim loại này có thể được sử dụng cho tái chế nếu nồng độ hoạt độ các nhân phóng xạ có trong kim loại và mức nhiễm bẩn phóng xạ bề mặt của kim loại nhỏ hơn hoặc bằng mức cho phép tái chế theo quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 22/2014/TT-BKHCN.

- Cấm bổ sung thêm các thành phần không chứa chất phóng xạ vào chất thải phóng xạ nhằm mục đích giảm nồng độ hoạt độ phóng xạ trong chất thải phóng xạ để đạt được tiêu chuẩn cho phép thải ra môi trường hoặc tiêu chuẩn cho phép tái chế.

**Câu hỏi 95: Chất thải rắn là gì? Chất thải rắn thông thường được phân loại như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại điểm 2, 3 Điều 3 Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09-4-2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn thì, chất thải rắn là

chất thải ở thể rắn, được thải ra từ quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc các hoạt động khác. Chất thải rắn phát thải trong sinh hoạt cá nhân, hộ gia đình, nơi công cộng được gọi chung là chất thải rắn sinh hoạt. Chất thải rắn phát thải từ hoạt động sản xuất công nghiệp, làng nghề, kinh doanh, dịch vụ hoặc các hoạt động khác được gọi chung là chất thải rắn công nghiệp. Chất thải rắn bao gồm chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại, trong đó chất thải rắn nguy hại là chất thải rắn chứa các chất hoặc hợp chất có một trong những đặc tính: phóng xạ, dễ cháy, dễ nổ, dễ ăn mòn, dễ lây nhiễm, gây ngộ độc hoặc các đặc tính nguy hại khác.

Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân phát sinh chất thải rắn thông thường có trách nhiệm phân loại chất thải rắn thông thường tại nguồn để thuận lợi cho việc tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý (Điều 95 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

Chất thải rắn thông thường phải được kiểm soát, phân loại ngay tại nguồn và phải được lưu giữ trong các túi hoặc thùng được phân biệt bằng màu sắc theo quy định. Các chất thải rắn nguy hại phải được phân loại tại nguồn và lưu giữ riêng theo quy định, không được để lẫn chất thải rắn thông thường (khoản 1, 2 Điều 19

Nghị định số 59/2007/NĐ-CP). Điều 20 Nghị định số 59/2007/NĐ-CP quy định việc phân loại chất thải rắn thông thường được tiến hành cụ thể như sau:

- Chất thải rắn thông thường từ tất cả các nguồn thải khác nhau được phân loại theo hai nhóm chính: Nhóm các chất có thể thu hồi để tái sử dụng, tái chế: phế liệu thải ra từ quá trình sản xuất; các thiết bị điện, điện tử dân dụng và công nghiệp; các phương tiện giao thông; các sản phẩm phục vụ sản xuất và tiêu dùng đã hết hạn sử dụng; bao bì bằng giấy, kim loại, thuỷ tinh, hoặc chất dẻo khác...; và nhóm các chất thải cần xử lý, chôn lấp: các chất thải hữu cơ (các loại cây, lá cây, rau, thực phẩm, xác động vật,...); các sản phẩm tiêu dùng chứa các hoá chất độc hại (pin, ắc quy, dầu mỡ bôi trơn,...); các loại chất thải rắn khác không thể tái sử dụng.

- Chất thải rắn xây dựng như bùn hữu cơ, đất đá, các vật liệu xây dựng thải ra trong quá trình tháo dỡ công trình phải được phân loại: đất, bùn hữu cơ từ công tác đào đất, nạo vét lớp đất mặt có thể sử dụng để bồi đắp cho đất trồng cây; đất đá, chất thải rắn từ vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa, bê tông, vật liệu kết dính quá hạn sử dụng) có thể tái chế hoặc tái sử dụng làm vật liệu san lấp cho các công trình xây dựng; các chất thải rắn ở dạng kính vỡ, sắt thép, gỗ, bao bì giấy, chất dẻo có thể tái chế, tái sử dụng.

**Câu hỏi 96: Việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Điều 96 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định:

Chất thải rắn thông thường phải được thu gom, lưu giữ và vận chuyển đến nơi quy định bằng phương tiện, thiết bị chuyên dụng.

Cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có trách nhiệm tổ chức thu gom, lưu giữ và vận chuyển chất thải rắn thông thường trên địa bàn quản lý.

**Câu hỏi 97: Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có phát sinh chất thải rắn thông thường phải có trách nhiệm tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý chất thải rắn thông thường hay không?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại Điều 97 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có phát sinh chất thải rắn thông thường có trách nhiệm tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý chất thải rắn thông thường. Trường hợp không có khả năng tái sử dụng, tái

chế, thu hồi năng lượng và xử lý chất thải rắn thông thường phải chuyển giao cho cơ sở có chức năng phù hợp để tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý.

**Câu hỏi 98: Nội dung quản lý chất thải rắn thông thường trong quy hoạch bảo vệ môi trường được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Nội dung quản lý chất thải rắn thông thường trong quy hoạch bảo vệ môi trường được quy định tại Điều 98 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 bao gồm:

- Đánh giá, dự báo nguồn phát thải rắn thông thường và lượng phát thải.
- Khả năng thu gom, phân loại tại nguồn.
- Khả năng tái sử dụng, tái chế và thu hồi năng lượng.
- Vị trí, quy mô điểm thu gom, tái chế và xử lý.
- Công nghệ xử lý chất thải rắn thông thường.
- Nguồn lực thực hiện.
- Tiến độ thực hiện.
- Phân công trách nhiệm.

**Câu hỏi 99: Việc thu gom, xử lý nước thải được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 1 Điều 99 Luật bảo

vệ môi trường năm 2014, nước thải phải được thu gom, xử lý bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường, cụ thể, việc thu gom, xử lý nước thải được quy định tại Điều 100 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 như sau:

- Đô thị, khu dân cư tập trung phải có hệ thống thu gom riêng nước mưa và nước thải.
- Nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường.
- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải rắn; bùn thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được quản lý theo quy định của pháp luật về chất thải nguy hại.

**Câu hỏi 100: Những đối tượng nào phải có hệ thống xử lý nước thải? Hệ thống xử lý nước thải phải bảo đảm các yêu cầu như thế nào? Chủ quản lý hệ thống xử lý nước thải có phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải trước và sau khi xử lý không?**

***Trả lời:***

Đối tượng phải có hệ thống xử lý nước thải bao gồm: khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung; khu, cụm công nghiệp làng nghề; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không liên thông với hệ thống xử lý nước thải tập trung. Đây là những cơ



sở có lượng nước thải lớn và nước thải từ những cơ sở này chủ yếu là nước thải công nghiệp, có chứa nhiều thành phần có khả năng gây ô nhiễm môi trường, do đó cần phải được xử lý sạch trước khi thải ra môi trường (khoản 1 Điều 101 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

Hệ thống xử lý nước thải phải bảo đảm các yêu cầu sau: có quy trình công nghệ phù hợp với loại hình nước thải cần xử lý; đủ công suất xử lý nước thải phù hợp với khối lượng nước thải phát sinh; xử lý nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; cửa xả nước thải vào hệ thống tiêu thoát phải đặt ở vị trí thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát; phải được vận hành thường xuyên (khoản 2 Điều 101 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

Chủ quản lý hệ thống xử lý nước thải phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải trước và sau khi xử lý. Số liệu quan trắc được lưu giữ làm căn cứ để kiểm tra hoạt động của hệ thống xử lý nước thải (khoản 3 Điều 101 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

**Câu hỏi 101: Tổ chức, cá nhân chỉ được xả nước thải vào nguồn nước trong những trường hợp nào?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 37

Luật tài nguyên nước năm 2012, tổ chức, cá nhân xả nước thải vào nguồn nước phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa hóa chất độc hại, chất phóng xạ không phải xin cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước. Các trường hợp cụ thể không phải xin phép xả nước thải vào nguồn nước được quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27-11-2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước bao gồm:

- Xả nước thải sinh hoạt của cá nhân, hộ gia đình;

- Xả nước thải của các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá 5 m<sup>3</sup>/ngày đêm và không chứa hóa chất độc hại, chất phóng xạ;

- Xả nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung mà hệ thống đó đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước và có thỏa thuận hoặc hợp đồng xử lý, tiêu thoát nước thải với tổ chức, cá nhân quản lý vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung đó;

- Xả nước thải nuôi trồng thủy sản với quy mô không vượt quá 10.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm hoặc nuôi trồng thủy sản trên biển, sông, suối, hồ chứa.

**Câu hỏi 102: Việc quản lý và kiểm soát bụi, khí thải được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Điều 102 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định về quản lý và kiểm soát bụi, khí thải, theo đó:

- Tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát tán bụi, khí thải phải kiểm soát và xử lý bụi, khí thải bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị, công trình xây dựng phát tán bụi, khí thải phải có bộ phận lọc, giảm thiểu khí thải, thiết bị che chắn hoặc biện pháp khác để giảm thiểu bụi bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Bụi, khí thải có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng quy định phải được quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý chất thải nguy hại.

**Câu hỏi 103: Việc quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Điều 103 Luật bảo vệ môi trường năm 2014

quy định về quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ, theo đó:

- Tổ chức, cá nhân gây tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ phải kiểm soát, xử lý bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu dân cư gây tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ phải thực hiện biện pháp giảm thiểu, không làm ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư.

- Tổ chức, cá nhân quản lý tuyến đường có mật độ phương tiện tham gia giao thông cao gây tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ phải có biện pháp giảm thiểu, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Cấm sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, kinh doanh và sử dụng pháo nổ. Việc sản xuất, nhập khẩu, vận chuyển, kinh doanh và sử dụng pháo hoa theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

## X. VỀ XỬ LÝ Ô NHIỄM, PHỤC HỒI VÀ CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG

**Câu hỏi 104: Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng là gì? Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng bị áp dụng các biện pháp xử lý như thế nào?**

***Trả lời:***

Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng là

cơ sở có hành vi thải nước thải, khí thải, bụi, chất thải rắn, tiếng ồn, độ rung và các chất gây ô nhiễm khác vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường ở mức độ nghiêm trọng (khoản 1 Điều 104 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật và đưa vào danh sách cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng kèm theo biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường (khoản 2 Điều 104 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

**Câu hỏi 105: Khắc phục ô nhiễm môi trường và cải tạo phục hồi môi trường là gì? Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Khoản 1 Điều 105 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, khắc phục ô nhiễm môi trường là hoạt động giảm thiểu tác động của ô nhiễm đến môi trường, con người và nâng cao chất lượng môi trường tại khu vực môi trường bị ô nhiễm.

Điểm 1 Điều 3 Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14-02-2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, cải tạo, phục hồi môi trường

là hoạt động đưa môi trường, hệ sinh thái tại khu vực môi trường bị tác động về gần với trạng thái môi trường ban đầu hoặc đạt được các tiêu chuẩn, quy chuẩn về an toàn, môi trường, phục vụ các mục đích có lợi cho con người.

Khoản 1 Điều 107 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định trách nhiệm của cá nhân, tổ chức trong khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường như sau:

- Có phương án cải tạo, phục hồi môi trường khi tiến hành các dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường;

- Tiến hành biện pháp khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường khi gây ô nhiễm môi trường;

- Trường hợp có nhiều tổ chức, cá nhân cùng gây ô nhiễm môi trường mà không tự thỏa thuận được về trách nhiệm thì cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan làm rõ trách nhiệm của từng đối tượng trong việc khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường.

**Câu hỏi 106: Khu vực môi trường bị ô nhiễm được phân loại theo các cấp độ như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 2 Điều 105 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, khu vực môi

trường bị ô nhiễm được phân loại theo 03 mức độ gồm ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và ô nhiễm môi trường đặc biệt nghiêm trọng. Tiêu chí phân loại khu vực ô nhiễm môi trường do Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định.

**Câu hỏi 107: Việc xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm là cơ sở để tiến hành các biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường. Vậy, việc xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm bao gồm những nội dung gì? Cơ quan nào có trách nhiệm thực hiện xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm?**

***Trả lời:***

Theo khoản 1 Điều 106 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, việc xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm gồm:

- Xác định phạm vi, giới hạn của khu vực môi trường bị ô nhiễm;
- Xác định mức độ ô nhiễm, đánh giá rủi ro;
- Xác định nguyên nhân, trách nhiệm của các bên liên quan;
- Các giải pháp xử lý ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường;
- Xác định các thiệt hại đối với môi trường làm căn cứ để yêu cầu các bên gây ô nhiễm phải bồi thường.

Khoản 2 Điều 107 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức điều tra, xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm trên địa bàn, hằng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Câu hỏi 108: Dự án khai thác mỏ, khoáng sản phải có phương án cải tạo, phục hồi môi trường trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước khi hoạt động. Vậy, nội dung chủ yếu của phương án cải tạo, phục hồi môi trường là gì?**

***Trả lời:***

Khoản 2 Điều 106 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, dự án khai thác mỏ, khoáng sản phải có phương án cải tạo, phục hồi môi trường trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước khi hoạt động và ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Xác định khả năng, phạm vi và mức độ gây ô nhiễm môi trường;
- Đánh giá rủi ro;
- Lựa chọn phương án khả thi cải tạo, phục hồi môi trường;
- Kế hoạch và kinh phí để cải tạo, phục hồi môi trường sau khi kết thúc dự án.



**Câu hỏi 109: Sự cố môi trường là gì? Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, phương tiện vận tải có nguy cơ gây ra sự cố môi trường có trách nhiệm thực hiện các biện pháp gì để phòng ngừa sự cố môi trường?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại điểm 10 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, sự cố môi trường là sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của con người hoặc biến đổi của tự nhiên, gây ô nhiễm, suy thoái hoặc biến đổi môi trường nghiêm trọng.

Trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của con người, nhiều hoạt động có nguy cơ gây ra sự cố môi trường cao, trong những trường hợp này, khoản 1 Điều 108 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, phương tiện vận tải có nguy cơ gây ra sự cố môi trường phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa sau:

- Lập kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường;
- Lắp đặt thiết bị, dụng cụ, phương tiện ứng phó sự cố môi trường;
- Đào tạo, huấn luyện, xây dựng lực lượng tại chỗ ứng phó sự cố môi trường;
- Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng biện pháp an toàn theo quy định của pháp luật;

- Có biện pháp loại trừ nguyên nhân gây ra sự cố môi trường khi phát hiện có dấu hiệu sự cố môi trường.

**Câu hỏi 110: Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phòng ngừa sự cố môi trường được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Khoản 2 Điều 108 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện các nội dung sau:

- Điều tra, thống kê, đánh giá nguy cơ các loại sự cố môi trường có thể xảy ra trong phạm vi cả nước, từng khu vực, địa phương;

- Xây dựng năng lực phòng ngừa, cảnh báo nguy cơ và ứng phó sự cố môi trường;

- Xây dựng kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường hằng năm và định kỳ 05 năm.

**Câu hỏi 111: Khi có sự cố môi trường xảy ra, trách nhiệm ứng phó với sự cố môi trường được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Trách nhiệm ứng phó với sự cố môi trường được quy định tại khoản 1 Điều 109 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 như sau:

- Tổ chức, cá nhân gây ra sự cố môi trường phải thực hiện các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm an toàn cho người và tài sản; tổ chức cứu người, tài sản và kịp thời thông báo cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường nơi xảy ra sự cố;

- Sự cố môi trường xảy ra ở cơ sở, địa phương nào thì người đứng đầu cơ sở, địa phương đó có trách nhiệm huy động khẩn cấp nhân lực, vật lực và phương tiện để kịp thời ứng phó sự cố;

- Sự cố môi trường xảy ra trong phạm vi nhiều cơ sở, địa phương thì người đứng đầu cơ sở, địa phương nơi có sự cố có trách nhiệm phối hợp ứng phó;

- Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó sự cố của cơ sở, địa phương thì người đứng đầu phải khẩn cấp báo cáo cơ quan cấp trên trực tiếp để kịp thời huy động các cơ sở, địa phương khác tham gia ứng phó sự cố môi trường; cơ sở, địa phương được yêu cầu huy động phải thực hiện biện pháp ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi khả năng của mình.

**Câu hỏi 112: Cơ quan nào có trách nhiệm điều tra, xác định phạm vi ô nhiễm, thiệt hại do sự cố môi trường gây ra? Việc điều tra, xác định thiệt hại do sự cố môi trường gây ra gồm những nội dung gì?**

***Trả lời:***

Trách nhiệm điều tra, xác định phạm vi ô

nhiễm, thiệt hại do sự cố môi trường gây ra được quy định tại khoản 2 Điều 111 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức điều tra, xác định phạm vi ô nhiễm, thiệt hại do sự cố môi trường gây ra trên địa bàn;

- Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh tổ chức, điều tra, xác định phạm vi ô nhiễm, thiệt hại do sự cố môi trường gây ra trên địa bàn liên tỉnh.

Nội dung điều tra, xác định thiệt hại do sự cố môi trường gồm: phạm vi, giới hạn khu vực bị ô nhiễm do sự cố môi trường; mức độ ô nhiễm; nguyên nhân, trách nhiệm của các bên liên quan; biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường; thiệt hại đối với môi trường làm căn cứ để yêu cầu bên gây ô nhiễm, sự cố phải bồi thường (khoản 1 Điều 111 Luật bảo vệ môi trường năm 2014). Kết quả điều tra về nguyên nhân, mức độ, phạm vi ô nhiễm và thiệt hại về môi trường phải được công khai (khoản 3 Điều 111 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

**Câu hỏi 113: Trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Điều 112 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường như sau:

Tổ chức, cá nhân gây sự cố môi trường có trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, cụ thể:

- Thực hiện yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình điều tra, xác định phạm vi, giới hạn, mức độ, nguyên nhân, biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường;

- Tiến hành ngay biện pháp ngăn chặn, hạn chế nguồn gây ô nhiễm môi trường và hạn chế sự lan rộng, ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống của nhân dân trong vùng;

- Thực hiện biện pháp khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường;

- Bồi thường thiệt hại theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2014 và quy định của pháp luật có liên quan;

- Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường.

Trường hợp có nhiều tổ chức, cá nhân cùng gây ra sự cố môi trường mà không tự thỏa thuận về trách nhiệm thì cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường có trách nhiệm phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ trách nhiệm của từng đối tượng trong việc khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường.

Trường hợp sự cố môi trường do thiên tai gây ra hoặc chưa xác định được nguyên nhân thì bộ,

ngành và Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm huy động các nguồn lực để tổ chức xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường.

Trường hợp sự cố môi trường xảy ra trên địa bàn liên tỉnh thì việc khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

## XI. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VỀ MÔI TRƯỜNG

**Câu hỏi 114: Thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường bao gồm những thiệt hại gì? Việc xác định thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường được quy định như thế nào?**

### *Trả lời:*

Điều 163 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường gồm: suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường; thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra.

Việc xác định thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường được quy định tại Điều 165 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 như sau:

- Sự suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gồm các mức độ: có suy giảm; suy giảm nghiêm trọng; suy giảm đặc biệt nghiêm trọng.

- Việc xác định phạm vi, giới hạn môi trường bị suy giảm chức năng, tính hữu ích gồm: xác định giới hạn, diện tích của khu vực, vùng lõi bị suy giảm nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng; xác định giới hạn, diện tích vùng đệm trực tiếp bị suy giảm; xác định giới hạn, diện tích các vùng khác bị ảnh hưởng từ vùng lõi và vùng đệm.

- Việc xác định các thành phần môi trường bị suy giảm gồm: xác định số lượng thành phần môi trường bị suy giảm, loại hình hệ sinh thái, giống loài bị thiệt hại; mức độ thiệt hại của từng thành phần môi trường, hệ sinh thái, giống loài.

- Việc tính chi phí thiệt hại về môi trường, tùy điều kiện cụ thể có thể áp dụng một trong những biện pháp sau đây để tính chi phí thiệt hại về môi trường, làm căn cứ để bồi thường và giải quyết bồi thường thiệt hại về môi trường: chi phí thiệt hại trước mắt và lâu dài do sự suy giảm chức năng, tính hữu ích của các thành phần môi trường; chi phí xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường; chi phí giảm thiểu hoặc triệt tiêu nguồn gây thiệt hại; thăm dò ý kiến các đối tượng liên quan.

- Việc xác định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường được tiến hành độc lập hoặc có sự phối hợp giữa bên gây thiệt hại

và bên bị thiệt hại. Trường hợp mỗi bên hoặc các bên có yêu cầu thì cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường có trách nhiệm tham gia hướng dẫn cách tính xác định thiệt hại hoặc chứng kiến việc xác định thiệt hại.

- Việc xác định thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do gây ô nhiễm, suy thoái môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

**Câu hỏi 115: Nguyên tắc xác định trách nhiệm cá nhân khi tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo khoản 3 Điều 164 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, khi tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường, trách nhiệm cá nhân được xác định như sau:

- Người đứng đầu trực tiếp của tổ chức phải chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan đến hoạt động của tổ chức mình;

- Tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm, suy thoái môi trường có trách nhiệm khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do hành vi của mình gây ra;

- Trường hợp cá nhân gây ô nhiễm, suy thoái môi trường do thực hiện nhiệm vụ được tổ chức



giao thì tổ chức phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

**Câu hỏi 116:** Giám định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường được thực hiện trong trường hợp nào? Căn cứ giám định thiệt hại gồm những gì? Việc lựa chọn tổ chức giám định thiệt hại có phải do cơ quan được giao trách nhiệm giải quyết bồi thường thiệt hại quyết định hay không?

***Trả lời:***

Giám định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường được thực hiện theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân bị thiệt hại hoặc cơ quan giải quyết việc bồi thường thiệt hại về môi trường (khoản 1 Điều 166 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

Căn cứ giám định thiệt hại gồm hồ sơ đòi bồi thường thiệt hại, thông tin, số liệu, chứng cứ và căn cứ khác liên quan đến bồi thường thiệt hại và đối tượng gây thiệt hại (khoản 2 Điều 166 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

Việc lựa chọn tổ chức giám định thiệt hại phải được sự đồng thuận của bên đòi bồi thường và bên phải bồi thường. Chỉ trong trường hợp các bên không thống nhất được thì việc chọn tổ chức giám định thiệt hại do cơ quan được giao trách

nhiệm giải quyết việc bồi thường thiệt hại quyết định (khoản 3 Điều 166 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

## XII. VỀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG, TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG

**Câu hỏi 117: Quy chuẩn kỹ thuật môi trường được hiểu như thế nào? Hệ thống quy chuẩn kỹ thuật môi trường bao gồm các nhóm quy chuẩn kỹ thuật nào?**

### *Trả lời:*

Theo quy định tại điểm 5 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, quy chuẩn kỹ thuật môi trường là mức giới hạn của các thông số về chất lượng môi trường xung quanh, hàm lượng của các chất gây ô nhiễm có trong chất thải, các yêu cầu kỹ thuật và quản lý được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành dưới dạng văn bản bắt buộc áp dụng để bảo vệ môi trường. Theo đó, các quy chuẩn kỹ thuật môi trường thường được ban hành dưới dạng các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành (ví dụ: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh được ban hành kèm theo Thông tư

số 16/2009/TT-BTNMT ngày 07-10-2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường...).

Hệ thống quy chuẩn kỹ thuật môi trường bao gồm các nhóm quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng môi trường xung quanh, các nhóm quy chuẩn kỹ thuật về chất thải, các nhóm quy chuẩn kỹ thuật môi trường khác. Trong đó:

- Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng môi trường xung quanh gồm: nhóm quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với đất; nhóm quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước mặt và nước dưới đất; nhóm quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước biển; nhóm quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với không khí; nhóm quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với âm thanh, ánh sáng, bức xạ; nhóm quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung.

- Quy chuẩn kỹ thuật về chất thải gồm: nhóm quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp, dịch vụ, nước thải từ chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, nước thải sinh hoạt, phương tiện giao thông và hoạt động khác; nhóm quy chuẩn kỹ thuật về khí thải của các nguồn di động và cố định; nhóm quy chuẩn kỹ thuật về chất thải nguy hại.

- Nhóm quy chuẩn kỹ thuật môi trường khác.

(Theo quy định tại Điều 113 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

**Câu hỏi 118: Việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật môi trường phải bảo đảm những nguyên tắc nào?**

***Trả lời:***

Nguyên tắc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật môi trường được quy định tại Điều 114 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 bao gồm:

- Đáp ứng mục tiêu bảo vệ môi trường; phòng ngừa, khắc phục ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường.

- Có tính khả thi, phù hợp với mức độ phát triển kinh tế - xã hội, trình độ công nghệ của đất nước và đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

- Phù hợp với đặc điểm của khu vực, vùng, ngành sản xuất.

- Quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương phải nghiêm ngặt hơn so với quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia hoặc đáp ứng yêu cầu quản lý môi trường có tính đặc thù.

**Câu hỏi 119: Trách nhiệm xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo Điều 118 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 và Điều 27 Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật năm 2006 quy định thì:

- Trách nhiệm xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được quy định như sau:

+ Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;

+ Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

+ Chính phủ quy định việc xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia mang tính liên ngành và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cho đối tượng của hoạt động trong lĩnh vực quy chuẩn kỹ thuật thuộc trách nhiệm quản lý của cơ quan thuộc Chính phủ.

- Trách nhiệm xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật địa phương được quy định như sau:

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường địa phương phù hợp với đặc điểm về địa lý, khí hậu, thủy văn, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

+ Quy chuẩn kỹ thuật địa phương được ban hành sau khi được sự đồng ý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Câu hỏi 120: Quy chuẩn kỹ thuật môi trường được ký hiệu như thế nào?**

***Trả lời:***

Để phân biệt với các hệ thống quy chuẩn kỹ thuật trong các lĩnh vực khác, Điều 115 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định quy chuẩn kỹ thuật về môi trường được ký hiệu như sau:

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, ký hiệu là QCVN số thứ tự MT: năm ban hành/BTNMT (ví dụ: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh có ký hiệu là: QCVN 05: 2009/BTNMT...).

- Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về môi trường, ký hiệu là QCĐP số thứ tự MT: năm ban hành/tên viết tắt tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

**Câu hỏi 121: Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng môi trường xung quanh phải đáp ứng những yêu cầu gì?**

***Trả lời:***

Điều 116 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng môi trường xung quanh quy định giá trị giới hạn cho phép của các thông số môi trường phù hợp với mục đích sử dụng thành phần môi trường gồm: giá trị tối thiểu của các thông số môi trường bảo đảm sự sống và phát triển bình thường của con người, sinh vật; giá trị tối đa cho phép của các thông số môi trường để không gây ảnh hưởng xấu đến sự sống và phát triển bình thường của con người, sinh vật.

Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng môi trường xung quanh phải chỉ dẫn phương pháp chuẩn về đo đạc, lấy mẫu, phân tích để xác định thông số môi trường.

**Câu hỏi 122: Quy chuẩn kỹ thuật về chất thải phải đáp ứng những yêu cầu gì?**

***Trả lời:***

Điều 117 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, yêu cầu đối với quy chuẩn kỹ thuật về chất thải gồm:

- Quy chuẩn kỹ thuật về chất thải phải quy định cụ thể hàm lượng tối đa của các chất gây ô nhiễm có trong chất thải bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường.

- Hàm lượng chất gây ô nhiễm có trong chất thải được xác định căn cứ vào tính chất độc hại, khối lượng chất thải phát sinh và sức chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.

- Quy chuẩn kỹ thuật về chất thải phải có chỉ dẫn phương pháp chuẩn về lấy mẫu, đo đạc và phân tích để xác định hàm lượng các chất gây ô nhiễm.

**Câu hỏi 123: Tiêu chuẩn môi trường được hiểu như thế nào? Cho biết nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn môi trường?**

***Trả lời:***

Tiêu chuẩn môi trường là mức giới hạn của các thông số về chất lượng môi trường xung quanh, hàm lượng của các chất gây ô nhiễm có trong chất thải, các yêu cầu kỹ thuật và quản lý được các cơ quan nhà nước và các tổ chức công bố dưới dạng

văn bản tự nguyện áp dụng để bảo vệ môi trường (điểm 6 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

Tiêu chuẩn môi trường gồm tiêu chuẩn chất lượng môi trường xung quanh, tiêu chuẩn về chất thải và các tiêu chuẩn môi trường khác (khoản 1 Điều 119 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

Tiêu chuẩn môi trường được áp dụng trên nguyên tắc tự nguyện. Tuy nhiên, toàn bộ hoặc một phần tiêu chuẩn môi trường trở thành bắt buộc áp dụng khi được viện dẫn trong văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường (khoản 2 Điều 119 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

Tiêu chuẩn cơ sở áp dụng trong phạm vi quản lý của tổ chức công bố tiêu chuẩn (tổ chức kinh tế, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp) (khoản 3 Điều 119 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

**Câu hỏi 124: Trách nhiệm xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn môi trường được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Điều 120 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, thẩm quyền, trình tự, thủ tục xây dựng, thẩm định tiêu chuẩn môi trường phải thực hiện theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật:



- Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức xây dựng dự thảo, đề nghị thẩm định tiêu chuẩn quốc gia về môi trường.

- Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định dự thảo tiêu chuẩn quốc gia và công bố tiêu chuẩn quốc gia.

- Cơ quan, tổ chức xây dựng và công bố tiêu chuẩn cơ sở về môi trường theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

### XIII. VỀ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

**Câu hỏi 125: Quan trắc môi trường là gì?  
Những thành phần môi trường và chất thải nào cần được quan trắc?**

***Trả lời:***

Theo điểm 20 Điều 3 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, quan trắc môi trường là quá trình theo dõi có hệ thống về thành phần môi trường, các yếu tố tác động lên môi trường nhằm cung cấp thông tin đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường và các tác động xấu đối với môi trường.

Điều 122 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, thành phần môi trường và chất thải cần được quan trắc bao gồm: môi trường nước gồm nước mặt lục địa, nước dưới đất, nước biển; môi trường không khí gồm không khí trong nhà, không khí ngoài trời; tiếng ồn, độ rung, bức xạ, ánh sáng; môi trường đất,

trầm tích; phóng xạ; nước thải, khí thải, chất thải rắn; hóa chất nguy hại phát thải và tích tụ trong môi trường; đa dạng sinh học.

**Câu hỏi 126: Các mục tiêu cơ bản trong hoạt động quan trắc môi trường nước mặt lục địa bao gồm những mục tiêu nào?**

**Trả lời:**

Điều 4 Thông tư số 29/2011/TT-BTNMT ngày 01-8-2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường mặt nước lục địa quy định, các mục tiêu cơ bản trong quan trắc môi trường nước mặt lục địa bao gồm:

- Đánh giá hiện trạng chất lượng nước mặt khu vực, địa phương;
- Đánh giá mức độ phù hợp các tiêu chuẩn cho phép đối với môi trường nước;
- Đánh giá diễn biến chất lượng nước theo thời gian và không gian;
- Cảnh báo sớm các hiện tượng ô nhiễm nguồn nước;
- Theo các yêu cầu khác của công tác quản lý môi trường quốc gia, khu vực, địa phương.

**Câu hỏi 127: Các mục tiêu cơ bản trong hoạt động quan trắc tiếng ồn bao gồm những mục tiêu nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 8 Thông tư số

28/2011/TT-BTNMT ngày 01-8-2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quy trình kỹ thuật quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn thì các mục tiêu cơ bản trong quan trắc tiếng ồn bao gồm:

- Xác định mức độ ồn ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng theo các tiêu chuẩn cho phép hiện hành;
- Xác định ảnh hưởng của các nguồn gây tiếng ồn riêng biệt hay nhóm các nguồn gây tiếng ồn;
- Cung cấp thông tin giúp cho việc lập kế hoạch kiểm soát tiếng ồn;
- Đánh giá diễn biến ô nhiễm ồn theo thời gian và không gian;
- Cảnh báo về ô nhiễm tiếng ồn;
- Đáp ứng các yêu cầu của công tác quản lý môi trường của Trung ương và địa phương.

**Câu hỏi 128: Chương trình quan trắc môi trường quốc gia, chương trình quan trắc môi trường cấp tỉnh, chương trình quan trắc môi trường của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, làng nghề và cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Điều 123 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định:

- Chương trình quan trắc môi trường quốc gia gồm chương trình quan trắc môi trường lưu

vực sông và hồ liên tỉnh, vùng kinh tế trọng điểm, môi trường xuyên biên giới và môi trường tại các vùng có tính đặc thù.

- Chương trình quan trắc môi trường cấp tỉnh gồm các chương trình quan trắc thành phần môi trường trên địa bàn.

- Chương trình quan trắc môi trường của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, làng nghề và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gồm quan trắc chất phát thải và quan trắc các thành phần môi trường theo quy định của pháp luật.

**Câu hỏi 129: Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong quan trắc môi trường được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Điều 125 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra hoạt động quan trắc môi trường trên phạm vi cả nước; tổ chức thực hiện chương trình quan trắc môi trường quốc gia.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức chương trình quan trắc môi trường trên địa bàn, báo cáo

Hội đồng nhân dân cùng cấp và Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả quan trắc môi trường.

- Khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải thực hiện chương trình quan trắc phát thải và các thành phần môi trường; báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

**Câu hỏi 130: Các tổ chức tham gia hệ thống quan trắc môi trường bao gồm những tổ chức nào? Để thực hiện hoạt động quan trắc môi trường, các tổ chức có cần phải đáp ứng điều kiện, yêu cầu nào không?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 2 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, các tổ chức tham gia hệ thống quan trắc môi trường bao gồm: tổ chức lấy mẫu, đo đạc mẫu môi trường tại hiện trường; phòng thí nghiệm, phân tích mẫu môi trường; tổ chức kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị quan trắc môi trường; tổ chức quản lý, xử lý số liệu và lập báo cáo kết quả quan trắc môi trường.

Điều 126 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, để thực hiện hoạt động quan trắc môi trường, các tổ chức phải có đủ kỹ thuật viên về chuyên ngành quan trắc môi trường và trang bị kỹ thuật cần thiết được tham gia hoạt động quan trắc môi trường.

#### XIV. VỀ THÔNG TIN MÔI TRƯỜNG, CHỈ THỊ MÔI TRƯỜNG, THỐNG KÊ MÔI TRƯỜNG VÀ BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG

**Câu hỏi 131: Thông tin môi trường là gì?  
Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân  
trong việc công bố, cung cấp thông tin môi  
trường được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo khoản 1 Điều 128 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, thông tin môi trường gồm số liệu, dữ liệu về thành phần môi trường, các tác động đối với môi trường, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, hoạt động bảo vệ môi trường.

Trách nhiệm công bố, cung cấp thông tin môi trường của cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 130 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 như sau:

- Tổ chức, cá nhân quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường có trách nhiệm báo cáo thông tin môi trường trong phạm vi quản lý của mình với cơ quan quản lý về môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 130 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 có trách nhiệm cung

cấp thông tin môi trường liên quan đến hoạt động của mình cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã.

- Bộ, ngành hằng năm có trách nhiệm cung cấp thông tin môi trường liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý cho Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Câu hỏi 132: Cơ sở dữ liệu môi trường được hiểu như thế nào? Cơ quan nào có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường?**

***Trả lời:***

Khoản 2 Điều 128 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, cơ sở dữ liệu môi trường là tập hợp thông tin về môi trường được xây dựng, cập nhật và duy trì đáp ứng yêu cầu truy nhập, sử dụng thông tin cho công tác bảo vệ môi trường và phục vụ lợi ích công cộng. Cơ sở dữ liệu môi trường được xây dựng từ hoạt động thu thập thông tin (từ nguồn thông tin được cá nhân, tổ chức công bố, cung cấp theo quy định, từ các nguồn khác ...), quản lý, xử lý và tổng hợp thông tin của các cơ quan có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường.

Khoản 1, 2 Điều 129 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành và địa phương thu thập và quản lý thông tin môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia.

Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thu thập,

quản lý thông tin môi trường, xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường của Bộ, ngành, địa phương và tích hợp với cơ sở dữ liệu môi trường quốc gia.

**Câu hỏi 133: Những thông tin môi trường nào phải được công khai? Việc công khai phải được thực hiện theo hình thức nào?**

***Trả lời:***

Theo khoản 1, 3 Điều 131 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, thông tin môi trường phải được công khai gồm: báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; thông tin về nguồn thải, chất thải, xử lý chất thải; khu vực môi trường bị ô nhiễm, suy thoái ở mức nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; các báo cáo về môi trường; kết quả thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường.

Các thông tin này nếu thuộc danh mục bí mật nhà nước thì không được công khai. Cơ quan công khai thông tin môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin.

Pháp luật không quy định hình thức công khai cụ thể, các bên có thể lựa chọn hình thức công khai phù hợp, tuy nhiên, hình thức công khai phải bảo đảm thuận tiện cho những đối tượng có liên quan tiếp nhận thông tin (khoản 2 Điều 131 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).



**Câu hỏi 134: Chỉ thị môi trường được hiểu như thế nào? Cơ quan nào có trách nhiệm xây dựng và ban hành bộ chỉ thị môi trường?**

***Trả lời:***

Điều 132 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định:

- Chỉ thị môi trường là thông số cơ bản phản ánh các yếu tố đặc trưng của môi trường phục vụ mục đích đánh giá, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập báo cáo hiện trạng môi trường.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng, ban hành, hướng dẫn triển khai thực hiện bộ chỉ thị môi trường quốc gia.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, ban hành, triển khai thực hiện bộ chỉ thị môi trường địa phương trên cơ sở bộ chỉ thị môi trường quốc gia.

**Câu hỏi 135: Thống kê môi trường được hiểu như thế nào? Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong việc tổ chức thực hiện thống kê môi trường được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Điều 133 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định như sau:

- Thống kê môi trường là hoạt động điều tra, báo cáo, tổng hợp, phân tích và công bố các chỉ tiêu cơ bản phản ánh bản chất và diễn biến

của các vấn đề môi trường theo không gian và thời gian. Hoạt động thống kê môi trường đóng vai trò quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường. Hoạt động này không chỉ đưa ra bức tranh toàn cảnh về thực trạng môi trường tại thời điểm hiện tại mà còn là cơ sở để xây dựng các chương trình, kế hoạch bảo vệ môi trường từ việc đánh giá và dự báo diễn biến tình hình môi trường trong tương lai.

Các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây trong việc tổ chức thực hiện thống kê môi trường:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê môi trường, tổ chức thực hiện công tác thống kê môi trường quốc gia; hướng dẫn công tác thống kê môi trường; xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê môi trường quốc gia.

- Bộ, ngành tổ chức thực hiện công tác thống kê môi trường trong phạm vi quản lý; xây dựng cơ sở dữ liệu về thống kê môi trường của ngành, lĩnh vực; hằng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về chỉ tiêu thống kê môi trường.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện công tác thống kê môi trường của địa phương; xây dựng cơ sở dữ liệu về thống kê môi trường của địa phương; hằng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về chỉ tiêu thống kê môi trường.

**Câu hỏi 136: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường bao gồm những nội dung gì? Việc báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm được thực hiện như thế nào?**

***Trả lời:***

Nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường gồm: hiện trạng, diễn biến các thành phần môi trường; quy mô, tính chất và tác động của các nguồn phát thải; tình hình thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường; kết quả thanh tra, kiểm tra; danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và tình hình xử lý; nguồn lực về bảo vệ môi trường; đánh giá công tác quản lý và hoạt động bảo vệ môi trường; phương hướng và giải pháp bảo vệ môi trường (Điều 135 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

Việc báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm được thực hiện theo quy định tại Điều 134 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp huyện về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp và Bộ Tài nguyên và Môi trường về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn.

- Ban quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về công tác bảo vệ môi trường.

- Bộ, ngành báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về công tác bảo vệ môi trường trong lĩnh vực quản lý.

- Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường báo cáo Chính phủ, Quốc hội về công tác bảo vệ môi trường trên phạm vi cả nước.

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường.

**Câu hỏi 137: Báo cáo hiện trạng môi trường bao gồm những nội dung gì? Cơ quan nào có trách nhiệm lập báo cáo hiện trạng môi trường?**

***Trả lời:***

Theo Điều 138 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, báo cáo hiện trạng môi trường bao gồm những nội dung sau: tổng quan về tự nhiên, kinh tế, xã hội; các tác động môi trường; hiện trạng và diễn biến các thành phần môi trường; những vấn đề bức xúc về môi trường và nguyên nhân; tác động của môi trường đối với kinh tế, xã hội; tình hình thực hiện chính sách, pháp luật và các hoạt động bảo vệ môi trường; dự báo thách thức về môi trường; phương hướng và giải pháp bảo vệ môi trường.

Điều 137 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, cơ quan có trách nhiệm lập báo cáo hiện trạng môi trường bao gồm:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường lập báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 05 năm một lần; hằng năm lập báo cáo chuyên đề về môi trường quốc gia.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập báo cáo hiện trạng môi trường của địa phương 05 năm một lần; căn cứ những vấn đề bức xúc về môi trường của địa phương, quyết định lập báo cáo chuyên đề về môi trường.

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn công tác lập báo cáo hiện trạng môi trường.

## XV. VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

**Câu hỏi 138: Quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường bao gồm những nội dung gì? Chính phủ có trách nhiệm như thế nào trong thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường?**

***Trả lời:***

Điều 139 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, nội dung quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường bao gồm:

- Xây dựng, ban hành theo thẩm quyền và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, ban hành hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường.

- Xây dựng, chỉ đạo thực hiện chiến lược, chính sách, chương trình, đề án, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường.

- Tổ chức, xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc; định kỳ đánh giá hiện trạng môi trường, dự báo diễn biến môi trường.

- Xây dựng, thẩm định và phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường; thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và kiểm tra, xác nhận các công trình bảo vệ môi trường; tổ chức xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường.

- Chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học; quản lý chất thải; kiểm soát ô nhiễm; cải thiện và phục hồi môi trường.

- Cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về môi trường.

- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường; thanh tra trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo vệ môi trường; xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Đào tạo nhân lực khoa học và quản lý môi

trường; giáo dục, tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tổ chức nghiên cứu, áp dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và đánh giá việc thực hiện ngân sách nhà nước cho các hoạt động bảo vệ môi trường.

- Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

Điều 140 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong phạm vi cả nước.

**Câu hỏi 139: Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Điều 141 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thống nhất quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và có trách nhiệm sau:

- Chủ trì xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án quốc gia về bảo vệ môi trường.

- Chủ trì xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền, quy chuẩn kỹ

thuật quốc gia về môi trường; ban hành văn bản hướng dẫn kỹ thuật theo thẩm quyền.

- Chủ trì giải quyết hoặc đề xuất Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giải quyết các vấn đề môi trường liên ngành, liên tỉnh.

- Chỉ đạo, hướng dẫn và xây dựng hệ thống quan trắc môi trường quốc gia, thông tin môi trường và báo cáo môi trường; chỉ đạo, tổ chức đánh giá hiện trạng môi trường quốc gia và địa phương.

- Chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền hoạt động xây dựng, thẩm định, phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường; thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường.

- Chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền việc cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về bảo vệ môi trường.

- Chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học, an toàn sinh học; quản lý chất thải; kiểm soát ô nhiễm; cải thiện và phục hồi môi trường.

- Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện chính sách, chương trình, mô hình thử nghiệm về sản xuất và tiêu thụ bền vững, thân thiện với môi trường; hướng dẫn, chứng nhận sản phẩm, cơ sở



thân thiện với môi trường; chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động cải thiện sức khỏe môi trường.

- Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị liên quan đến bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Chỉ đạo và hướng dẫn việc lồng ghép nội dung về bảo vệ môi trường trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia, chiến lược quốc gia về tài nguyên nước và quy hoạch tổng hợp lưu vực sông liên tỉnh; chiến lược tổng thể quốc gia về điều tra cơ bản, thăm dò, khai thác, chế biến tài nguyên khoáng sản.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện hệ thống chỉ tiêu đánh giá, theo dõi tình hình thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường trên phạm vi toàn quốc; truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Trình Chính phủ việc tham gia tổ chức quốc tế, ký kết hoặc gia nhập điều ước quốc tế về môi trường; chủ trì hoạt động hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường.

**Câu hỏi 140: Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm như thế nào trong việc thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường?**

***Trả lời:***

Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi

trường của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ được quy định tại khoản 3 Điều 142 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 như sau:

- Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường trong chiến lược, quy hoạch tổng thể và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, vùng và dự án, công trình thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hoạt động thu hút đầu tư và tổ chức triển khai việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực quản lý;

- Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, nhập khẩu, sử dụng hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, phân bón, chất thải trong nông nghiệp và các hoạt động khác trong lĩnh vực quản lý;

- Bộ trưởng Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xử lý các cơ sở

công nghiệp gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc thẩm quyền quản lý, phát triển ngành công nghiệp môi trường và tổ chức triển khai thực hiện pháp luật bảo vệ môi trường trong lĩnh vực quản lý;

- Bộ trưởng Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng kết cấu hạ tầng về cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn và nước thải tại đô thị, khu sản xuất dịch vụ tập trung, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, làng nghề và khu dân cư nông thôn tập trung và hoạt động khác trong lĩnh vực quản lý;

- Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, quản lý phương tiện giao thông vận tải và hoạt động khác trong lĩnh vực quản lý;

- Bộ trưởng Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện

pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động y tế, an toàn vệ sinh thực phẩm, hoạt động mai táng, hỏa táng; tổ chức việc thống kê nguồn thải, đánh giá mức độ ô nhiễm, xử lý chất thải của bệnh viện, cơ sở y tế và hoạt động khác trong lĩnh vực quản lý;

- Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động văn hóa, lễ hội, thể thao, du lịch và hoạt động khác trong lĩnh vực quản lý;

- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong lĩnh vực quốc phòng theo quy định của pháp luật; huy động lực lượng tham gia hoạt động ứng phó, khắc phục sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường trong lực lượng vũ trang thuộc thẩm quyền quản lý;

- Bộ trưởng Bộ Công an có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động phòng chống tội phạm về môi trường và bảo đảm an ninh trật tự trong lĩnh vực môi trường; huy động lực lượng tham gia hoạt

động ứng phó với sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra công tác bảo vệ môi trường trong lực lượng vũ trang thuộc thẩm quyền quản lý;

- Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Luật bảo vệ môi trường năm 2014 và phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong phạm vi quản lý.

**Câu hỏi 141: Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân các cấp được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân các cấp được quy định tại Điều 143 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 như sau:

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau: xây dựng, ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chương trình, quy hoạch, kế hoạch về bảo vệ môi trường; tổ chức thực hiện pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ về bảo vệ môi trường; xây dựng, quản lý hệ thống quan trắc môi trường của địa phương phù hợp với quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia; tổ chức đánh giá

và lập báo cáo môi trường. Truyền thông, phổ biến, giáo dục chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường; tổ chức thẩm định, phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường, báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường, hướng dẫn và tổ chức kiểm tra xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường theo thẩm quyền; cấp, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền; kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về môi trường theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và quy định của pháp luật có liên quan; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan giải quyết các vấn đề môi trường liên tỉnh; chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc để xảy ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm sau: ban hành theo thẩm quyền quy định, chương trình, kế hoạch về bảo vệ môi trường; tổ chức thực hiện chiến lược, chương trình, kế hoạch và nhiệm vụ về bảo vệ môi trường; xác nhận, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường theo thẩm quyền; hằng năm, tổ chức đánh giá và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường; truyền thông, phổ biến, giáo dục chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường; kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm

pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và quy định của pháp luật có liên quan; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan giải quyết các vấn đề môi trường liên huyện; chỉ đạo công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp xã; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm sau: xây dựng kế hoạch, thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường trên địa bàn; vận động nhân dân xây dựng nội dung bảo vệ môi trường trong hương ước; hướng dẫn việc đưa tiêu chí về bảo vệ môi trường vào đánh giá thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, khu dân cư và gia đình văn hóa; xác nhận, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch bảo vệ môi trường theo ủy quyền; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của hộ gia đình, cá nhân; phát hiện và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường hoặc báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường cấp trên trực tiếp; hòa giải tranh chấp về môi trường phát sinh trên địa bàn theo quy định của pháp luật về hòa giải; quản lý hoạt động của thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố và tổ chức tự quản về giữ gìn vệ

sinh môi trường, bảo vệ môi trường trên địa bàn; hằng năm, tổ chức đánh giá và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường; chủ trì, phối hợp với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tổ chức công khai thông tin về bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với cộng đồng dân cư; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện nếu để xảy ra ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn.

XVI. VỀ TRÁCH NHIỆM  
CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM,  
TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI,  
TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP  
VÀ CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ  
TRONG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

**Câu hỏi 142: Trách nhiệm và quyền của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong bảo vệ môi trường được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Với vị trí là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài (Điều 1 Luật Mặt trận Tổ quốc



Việt Nam năm 1999) Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, vận động các tổ chức thành viên và Nhân dân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện tư vấn, phản biện, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Cơ quan quản lý nhà nước các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia bảo vệ môi trường (Điều 144 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

**Câu hỏi 143: Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có quyền và trách nhiệm như thế nào trong bảo vệ môi trường?**

***Trả lời:***

Điều 145 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định về trách nhiệm và quyền của tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp như sau:

- Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có trách nhiệm: tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường; tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường.

- Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có quyền: được cung cấp và yêu cầu cung cấp thông tin về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật; tham vấn đối với dự án có liên

quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình; tư vấn, phản biện về bảo vệ môi trường với cơ quan quản lý nhà nước và chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan theo quy định của pháp luật; tham gia hoạt động kiểm tra về bảo vệ môi trường tại cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình; kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Cơ quan quản lý môi trường các cấp có trách nhiệm tạo điều kiện cho tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thực hiện các quyền này.

**Câu hỏi 144: Quyền và nghĩa vụ của cộng đồng dân cư trong bảo vệ môi trường được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Điều 146 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, cộng đồng dân cư có các quyền và nghĩa vụ bảo vệ môi trường như sau:

- Đại diện cộng đồng dân cư trên địa bàn chịu tác động môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có quyền yêu cầu chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cung cấp thông tin về bảo vệ môi trường thông qua đối thoại trực tiếp hoặc bằng văn bản; tổ chức tìm hiểu thực tế về

công tác bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; thu thập, cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm về thông tin cung cấp.

- Đại diện cộng đồng dân cư trên địa bàn chịu tác động môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có liên quan cung cấp kết quả thanh tra, kiểm tra, xử lý đối với cơ sở.

- Đại diện cộng đồng dân cư có quyền tham gia đánh giá kết quả bảo vệ môi trường của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; thực hiện các biện pháp để bảo vệ quyền và lợi ích của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật.

- Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải thực hiện các yêu cầu của đại diện cộng đồng dân cư.

**Câu hỏi 145: Cá nhân, tổ chức vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường bị xử lý như thế nào?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại khoản 1 Điều 160 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường, gây thiệt hại cho tổ chức và cá nhân khác, có trách nhiệm khắc phục ô nhiễm, phục hồi môi trường, bồi thường

thiệt hại và xử lý theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2014 và pháp luật có liên quan (xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với cá nhân có hành vi vi phạm nghiêm trọng ...).

Ngoài ra, khoản 2 Điều 160 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 cũng quy định người đứng đầu cơ quan, tổ chức, cán bộ, công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây phiền hà, nhũng nhiễu cho tổ chức, cá nhân, bao che cho người vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường hoặc thiếu trách nhiệm để xảy ra ô nhiễm, sự cố môi trường thì tùy tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

## XVII. MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ NGUỒN LỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

**Câu hỏi 146:** Chi ngân sách nhà nước cho bảo vệ môi trường bao gồm những khoản chi nào?

***Trả lời:***

Điều 147 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, chi ngân sách nhà nước cho bảo vệ môi trường bao gồm:

- Chi hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường gồm: xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, quy trình kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường, chương trình, đề án về bảo vệ môi trường; thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; hoạt động quan trắc môi trường; xây dựng hệ thống thông tin môi trường và báo cáo môi trường; hỗ trợ công tác thanh tra, kiểm tra; kiểm soát ô nhiễm môi trường, xử lý ô nhiễm môi trường, phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường; quản lý chất thải và bảo tồn đa dạng sinh học; đào tạo, truyền thông về bảo vệ môi trường; phổ biến và đánh giá tình hình thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường; hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường; các hoạt động quản lý bảo vệ môi trường khác.

- Chi đầu tư phát triển bảo vệ môi trường gồm chi cho các dự án xây dựng, cải tạo công trình xử lý chất thải, xây dựng và trang bị trạm quan trắc và phân tích môi trường do Nhà nước quản lý; đầu tư phương tiện, trang thiết bị phòng ngừa, ứng phó, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường; ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo tồn đa dạng sinh học; cải tạo nguồn nước bị ô nhiễm, trồng và chăm sóc cây xanh tại nơi công cộng, khu vực công ích.

- Việc xây dựng dự toán và quản lý sử dụng ngân sách nhà nước cho bảo vệ môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

**Câu hỏi 147: Quỹ bảo vệ môi trường được thành lập vì mục đích gì? Quỹ bảo vệ môi trường có phải do nhà nước thành lập và cung cấp vốn hoạt động hay không?**

***Trả lời:***

Theo Điều 149 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 thì, quỹ bảo vệ môi trường là tổ chức tài chính được thành lập ở Trung ương, ngành, lĩnh vực, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường.

Thủ tướng Chính phủ quyết định việc thành lập, tổ chức và hoạt động quỹ bảo vệ môi trường quốc gia, quỹ bảo vệ môi trường của Bộ, cơ quan ngang Bộ, tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thành lập, tổ chức và hoạt động quỹ bảo vệ môi trường của mình. Nguồn vốn hoạt động của quỹ bảo vệ môi trường quốc gia và cấp tỉnh rất phong phú, ngoài nguồn vốn từ ngân sách nhà nước hỗ trợ còn có các nguồn vốn khác, cụ thể: phí bảo vệ môi trường, các khoản bồi thường cho Nhà nước về thiệt hại môi trường, các khoản hỗ trợ, đóng góp, ủy thác đầu tư của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Ngoài ra, Nhà nước khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thành lập quỹ bảo vệ môi trường. Tổ chức, cá nhân được thành lập quỹ bảo vệ môi trường của mình và hoạt động theo điều lệ của quỹ. Việc xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường trong thành lập Quỹ bảo vệ môi trường tạo điều kiện huy động được nguồn lực to lớn từ cộng đồng cho công tác bảo vệ môi trường.

**Câu hỏi 148: Đối tượng nào phải nộp phí bảo vệ môi trường? Mức phí bảo vệ môi trường được xác định trên cơ sở nào? Nguồn thu từ phí bảo vệ môi trường được sử dụng cho mục đích gì?**

***Trả lời:***

Tổ chức, cá nhân xả thải ra môi trường hoặc làm phát sinh tác động xấu đối với môi trường phải nộp phí bảo vệ môi trường (khoản 1 Điều 148 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

- Mức phí bảo vệ môi trường được quy định trên cơ sở sau: khối lượng chất thải ra môi trường, quy mô ảnh hưởng tác động xấu đối với môi trường; mức độ độc hại của chất thải, mức độ gây hại đối với môi trường; sức chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải. Mức phí bảo vệ môi trường được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu bảo vệ môi trường và điều kiện kinh tế - xã hội của đất

nước trong từng giai đoạn (khoản 2, 3 Điều 148 Luật bảo vệ môi trường năm 2014).

- Theo quy định tại khoản 4 Điều 148 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, nguồn thu từ phí bảo vệ môi trường được sử dụng cho hoạt động bảo vệ môi trường. Phí bảo vệ môi trường là một trong những nguồn vốn hoạt động của Quỹ bảo vệ môi trường, bảo đảm cho Quỹ bảo vệ môi trường thực hiện các hoạt động hỗ trợ bảo vệ môi trường.

**Câu hỏi 149: Những hoạt động bảo vệ môi trường nào được Nhà nước ưu đãi, hỗ trợ?**

***Trả lời:***

Khoản 1 Điều 151 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, Nhà nước ưu đãi, hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường sau:

- Xây dựng hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt;
- Xây dựng cơ sở tái chế, xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, khu chôn lấp chất thải;
- Xây dựng trạm quan trắc môi trường;
- Xây dựng cơ sở công nghiệp môi trường, công trình bảo vệ môi trường phục vụ lợi ích công cộng;
- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm thân thiện với môi trường;
- Chuyển đổi hoạt động của khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.



**Câu hỏi 150: Hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, phát triển và ứng dụng công nghệ về bảo vệ môi trường nào được ưu tiên, hỗ trợ?**

***Trả lời:***

Theo quy định tại Điều 152 Luật bảo vệ môi trường năm 2014, tổ chức, cá nhân đầu tư nghiên cứu, chuyển giao, phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ về bảo vệ môi trường được hưởng ưu đãi và hỗ trợ. Cụ thể những hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, phát triển và ứng dụng công nghệ về bảo vệ môi trường được ưu tiên gồm:

- Nghiên cứu, chuyển giao, phát triển và ứng dụng công nghệ tái chế, tái sử dụng chất thải;
- Nghiên cứu, chuyển giao, phát triển và ứng dụng công nghệ thân thiện với môi trường và công nghệ khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tiết kiệm năng lượng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;
- Nghiên cứu, chuyển giao, phát triển và ứng dụng công nghệ xử lý chất thải, phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm; cải tạo, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường;
- Nghiên cứu, chuyển giao, phát triển và ứng dụng công nghệ kiểm soát ô nhiễm, quan trắc, đánh giá chất lượng môi trường và công nghệ dự báo, cảnh báo sớm các biến đổi môi trường;

- Nghiên cứu xây dựng các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Nghiên cứu và ứng dụng các giải pháp cải thiện sức khỏe môi trường, giảm thiểu tác hại của môi trường đối với con người.

**Câu hỏi 151: Hoạt động truyền thông, phổ biến pháp luật về môi trường được quy định như thế nào?**

***Trả lời:***

Hoạt động bảo vệ môi trường chỉ có hiệu quả khi mỗi người dân đều có ý thức bảo vệ môi trường, hiểu và tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường. Do đó, công tác truyền thông, phổ biến pháp luật về môi trường đóng vai trò vô cùng quan trọng. Điều 154 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định về truyền thông, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường, cụ thể:

- Phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường phải được thực hiện thường xuyên và rộng rãi.

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong bảo vệ môi trường được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan thông tin, truyền thông, báo chí có trách nhiệm truyền thông về pháp luật bảo vệ môi trường.

- Bộ, cơ quan ngang Bộ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan thông tin, truyền thông, báo chí có trách nhiệm truyền thông về bảo vệ môi trường thuộc lĩnh vực quản lý.

## **XVIII. VỀ KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, KHỞI KIỆN VỀ MÔI TRƯỜNG**

**Câu hỏi 152. Quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về môi trường của cá nhân, tổ chức được quy định như thế nào?**

### ***Trả lời:***

Điều 162 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định về quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về môi trường của cá nhân, tổ chức như sau:

- Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, khởi kiện về hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật. Thời hiệu khởi kiện về môi trường được tính từ thời điểm tổ chức, cá nhân bị thiệt hại phát hiện được thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật về môi trường của tổ chức, cá nhân khác.

- Cá nhân có quyền tố cáo vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường với cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố cáo.

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Chú dẫn của Nhà xuất bản</i>	5
I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG	7
Câu hỏi 1: Khái niệm môi trường được hiểu như thế nào? Thành phần môi trường bao gồm những yếu tố nào?	7
Câu hỏi 2: Tại sao cần phải bảo vệ môi trường? Hoạt động bảo vệ môi trường bao gồm những hoạt động nào?	8
Câu hỏi 3: Môi trường và phát triển kinh tế - xã hội có quan hệ như thế nào?	10
Câu hỏi 4: Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định về những nội dung gì và áp dụng cho các đối tượng nào?	12
Câu hỏi 5: Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định như thế nào về các nguyên tắc bảo vệ môi trường?	12
Câu hỏi 6: Nhà nước có những chính sách như thế nào về bảo vệ môi trường?	14
Câu hỏi 7: Vấn đề hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường được quy định như thế nào?	16

Câu hỏi 8: Những hoạt động nào là hoạt động bảo vệ môi trường và được khuyến khích thực hiện? Những hành vi nào có thể gây tổn hại đến môi trường và bị nghiêm cấm thực hiện?	17
II. CÁC VẤN ĐỀ VỀ QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC, ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	22
Câu hỏi 9: Quy hoạch bảo vệ môi trường là gì? Nguyên tắc, cấp độ, kỳ quy hoạch bảo vệ môi trường được quy định như thế nào? Quy hoạch bảo vệ môi trường có được thực hiện hằng năm hay không?	22
Câu hỏi 10: Quy hoạch bảo vệ môi trường bao gồm những nội dung cơ bản nào?	24
Câu hỏi 11: Cơ quan nào có trách nhiệm lập, phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường? Trong quá trình lập quy hoạch bảo vệ môi trường, cơ quan lập quy hoạch có phải thực hiện việc tham vấn các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan không?	25
Câu hỏi 12: Hoạt động đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường có sự khác nhau như thế nào?	27
Câu hỏi 13: Cơ quan nào có trách nhiệm thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược? Việc thẩm định báo cáo đánh giá	

môi trường chiến lược được quy định như thế nào?

31

Câu hỏi 14: Khoản c Điều 18 Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định, những dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường phải thực hiện đánh giá tác động môi trường trước khi thực hiện dự án. Vậy, việc đánh giá tác động môi trường được thực hiện như thế nào? Cơ quan nào có thẩm quyền đánh giá và phê duyệt kết quả đánh giá tác động môi trường của chủ dự án?

33

Câu hỏi 15: Dự án của công ty A đã thực hiện đánh giá tác động môi trường và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Tuy nhiên, do phát sinh một số vấn đề nên từ ngày báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt đến nay đã hơn hai năm công ty A mới chuẩn bị xong các điều kiện cần thiết để triển khai dự án. Do đó, cơ quan quản lý yêu cầu công ty A phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án. Vậy, pháp luật quy định như thế nào về việc chủ dự án phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường?

36

Câu hỏi 16: Thế nào là tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường? Đây có phải là hoạt động bắt buộc với các dự án hay không? Việc tham vấn được thực hiện với những đối tượng nào?

38

- Câu hỏi 17: Công ty B đang làm thủ tục để xin cấp giấy phép thực hiện dự án khai thác khoáng sản. Dự án của công ty B thuộc đối tượng phải đánh giá tác động môi trường. Tuy nhiên, trong hồ sơ xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản, công ty B có cần phải xuất trình báo cáo đánh giá tác động môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt hay không? 39
- Câu hỏi 18: Trách nhiệm của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định như thế nào? 41
- Câu hỏi 19: Trách nhiệm của chủ đầu tư dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và trước khi đưa dự án vào vận hành được quy định như thế nào? 41
- Câu hỏi 20: Dự án của công ty C không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường. Vậy, công ty C có nghĩa vụ phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường khi triển khai thực hiện dự án hay không? 43
- Câu hỏi 21: Đối tượng nào phải lập kế hoạch bảo vệ môi trường? Thời điểm đăng ký, xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường được quy định như thế nào? 44
- Câu hỏi 22: Cơ quan nào có thẩm quyền xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của chủ dự án, phương án sản xuất kinh doanh?

Thời hạn cơ quan có thẩm quyền xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường được quy định như thế nào?	44
Câu hỏi 23: Pháp luật quy định như thế nào về trách nhiệm của chủ dự án, chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sau khi kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận?	46
Câu hỏi 24: Trách nhiệm của cơ quan xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường được quy định như thế nào?	47
III. VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN	48
Câu hỏi 25: Bảo vệ môi trường trong điều tra, đánh giá, lập quy hoạch sử dụng tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học được quy định như thế nào?	48
Câu hỏi 26: Tài nguyên rừng có vai trò như thế nào đối với cuộc sống? Việc bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng được quy định như thế nào?	49
Câu hỏi 27: Bảo vệ môi trường trong điều tra cơ bản, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên được quy định như thế nào?	51
Câu hỏi 28: Trách nhiệm bảo vệ môi trường trong hoạt động thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản của cơ quan, tổ chức, cá nhân được quy định như thế nào?	51
Câu hỏi 29: Ký quỹ cải tạo, phục hồi môi	



trường trong hoạt động khai thác khoáng sản là gì? Khi nào phải thực hiện việc ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường và việc ký quỹ được thực hiện như thế nào?	53
<b>IV. VẤN ĐỀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</b>	<b>57</b>
Câu hỏi 30: Ứng phó với biến đổi khí hậu có được hiểu là việc con người tìm cách thích ứng với những biến đổi của khí hậu không?	57
Câu hỏi 31: Việc lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội được quy định như thế nào?	58
Câu hỏi 32: Khí nhà kính được hiểu như thế nào? Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định như thế nào về việc quản lý phát thải khí nhà kính?	59
Câu hỏi 33: Vấn đề quản lý các chất làm suy giảm tầng ôdôn được quy định như thế nào?	60
Câu hỏi 34: Vì sao phát triển năng lượng tái tạo là một trong những biện pháp để bảo vệ môi trường? Nhà nước có định hướng như thế nào trong việc phát triển nguồn năng lượng tái tạo?	61
Câu hỏi 35: Sản phẩm thân thiện với môi trường được pháp luật quy định như thế nào? Có thể căn cứ vào các tiêu chí nào để xác định một sản phẩm là thân thiện với môi trường?	65

Câu hỏi 36: Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thân thiện với môi trường được quy định như thế nào tại Luật bảo vệ môi trường năm 2014?	69
Câu hỏi 37: Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định như thế nào về vấn đề thu hồi năng lượng từ chất thải?	70
Câu hỏi 38: Quyền và trách nhiệm của cộng đồng trong ứng phó với biến đổi khí hậu được quy định như thế nào?	71
Câu hỏi 39: Phát triển khoa học, công nghệ có vai trò quan trọng trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Những hoạt động nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ về ứng phó với biến đổi khí hậu nào được ưu tiên đầu tư phát triển?	72
Câu hỏi 40: Ứng phó với biến đổi khí hậu có phải là vấn đề riêng của từng quốc gia hay không? Vấn đề hợp tác quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu được pháp luật quy định như thế nào?	73
Câu hỏi 41: Ô nhiễm môi trường được hiểu như thế nào?	75
<b>V. VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN VÀ HẢI ĐẢO</b>	76
Câu hỏi 42: Để bảo vệ môi trường biển và hải đảo cần phải bảo đảm những yêu cầu chung nào?	76

Câu hỏi 43: Các nguồn gây ra ô nhiễm môi trường biển bao gồm những nguồn nào? Luật bảo vệ môi trường năm 2014 quy định như thế nào về việc kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường biển và hải đảo?	77
Câu hỏi 44: Việc phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trên biển và hải đảo được quy định như thế nào?	81
<b>VI. VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NƯỚC, ĐẤT VÀ KHÔNG KHÍ</b>	82
Câu hỏi 45: Những yêu cầu chung nào cần được thực hiện để bảo vệ môi trường nước sông?	82
Câu hỏi 46: Hoạt động kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường nước lưu vực sông bao gồm những nội dung gì?	83
Câu hỏi 47: Một số đề án bảo vệ môi trường lưu vực sông đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước đây là những đề án nào? Định hướng chung của từng đề án là gì?	84
Câu hỏi 48: Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với bảo vệ môi trường nước lưu vực sông nội tỉnh được quy định như thế nào?	88
Câu hỏi 49: Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường đối với bảo vệ môi trường nước lưu vực sông nội tỉnh được quy định như thế nào?	88

Câu hỏi 50: Để bảo vệ môi trường nguồn nước hồ, ao, kênh, mương, rạch cần phải bảo đảm những yêu cầu chung nào?	89
Câu hỏi 51: Quan trắc môi trường nước của hồ chứa nước phục vụ mục đích thủy lợi, thủy điện có được thực hiện định kỳ tối thiểu 03 tháng một lần hay không? Cơ quan nào có trách nhiệm thực hiện quan trắc môi trường nước hồ?	90
Câu hỏi 52: Nước dưới đất là gì? Để bảo vệ môi trường nước dưới đất cần phải bảo đảm những yêu cầu nào?	91
Câu hỏi 53: Do có nhu cầu kinh doanh, dịch vụ rửa xe, ông A muốn khoan giếng để lấy nước sinh hoạt và rửa xe. Vậy, gia đình ông A có phải xin cấp giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không?	92
Câu hỏi 54: Các yêu cầu chung về bảo vệ môi trường đất được quy định như thế nào?	94
Câu hỏi 55: Quản lý chất lượng môi trường đất bao gồm những nội dung nào?	95
Câu hỏi 56: Điều tra, đánh giá đất đai bao gồm những hoạt động và nội dung nào? Cơ quan nào có trách nhiệm tổ chức điều tra, đánh giá đất đai?	96
Câu hỏi 57: Thế nào là ô nhiễm môi trường đất? Việc kiểm soát ô nhiễm môi trường đất được quy định như thế nào?	98
Câu hỏi 58: Để bảo vệ môi trường không khí có cần phải đánh giá, kiểm soát các	

nguồn phát thải khí vào môi trường hay không ? Vì sao?	99
Câu hỏi 59: Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phát thải khí tác động xấu tới môi trường được quy định như thế nào?	100
Câu hỏi 60: Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong quản lý chất lượng môi trường không khí chung quanh được quy định như thế nào?	101
Câu hỏi 61: Để kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí phải bảo đảm những yêu cầu nào?	101
<b>VII. VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ</b>	102
Câu hỏi 62: Việc bảo vệ môi trường khu kinh tế được quy định như thế nào?	102
Câu hỏi 63: Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường được hiểu như thế nào?	103
Câu hỏi 64: Trong khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp, diện tích được phủ cây xanh tối thiểu có phải đạt 15% tổng diện tích của khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp hay không?	104
Câu hỏi 65: Vấn đề bảo vệ môi trường khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao được quy định như thế nào?	105
Câu hỏi 66: Trách nhiệm của chủ đầu tư xây	

dụng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp, Ban quản lý khu kinh doanh, dịch vụ tập trung và Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu kinh doanh, dịch vụ tập trung được quy định như thế nào?	106
Câu hỏi 67: Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải đáp ứng những yêu cầu nào về bảo vệ môi trường?	107
Câu hỏi 68: Cơ sở sản xuất, kho tàng thuộc trường hợp nào phải có khoảng cách bảo đảm không có tác động xấu đối với khu dân cư?	108
Câu hỏi 69: Khu chăn nuôi tập trung phải đáp ứng những yêu cầu nào về bảo vệ môi trường?	109
Câu hỏi 70: Thế nào là làng nghề? Làng nghề phải đáp ứng những điều kiện như thế nào về bảo vệ môi trường?	110
Câu hỏi 71: Cơ sở sản xuất trong làng nghề có cần phải đáp ứng những yêu cầu về bảo vệ môi trường không?	111
Câu hỏi 72: Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong bảo vệ môi trường làng nghề được quy định như thế nào?	112
Câu hỏi 73: Trong nuôi trồng thủy sản cần tuân thủ và đáp ứng những yêu cầu nào để bảo vệ môi trường?	114
Câu hỏi 74: Người đứng đầu cơ sở bệnh viện, cơ sở y tế, chủ đầu tư bệnh viện, cơ sở y tế	

có trách nhiệm thực hiện những yêu cầu gì để bảo vệ môi trường đối với bệnh viện và cơ sở y tế?	115
Câu hỏi 75: Việc thi công công trình xây dựng phải bảo đảm các yêu cầu nào để bảo vệ môi trường?	116
Câu hỏi 76: Cần bảo đảm những yêu cầu bảo vệ môi trường nào khi vận chuyển hàng hóa, vật liệu có nguy cơ gây sự cố môi trường?	117
Câu hỏi 77: Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với các phương tiện tham gia giao thông được quy định như thế nào?	118
Câu hỏi 78: Máy móc, thiết bị, phương tiện, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất nào bị cấm nhập khẩu để bảo vệ môi trường?	118
Câu hỏi 79: Phế liệu là gì? Việc nhập khẩu phế liệu vào Việt Nam phải đáp ứng những yêu cầu gì để bảo vệ môi trường?	119
Câu hỏi 80: Để bảo vệ môi trường tại khu di tích, điểm di tích, khu du lịch, điểm du lịch, cơ sở lưu trú và lễ hội cần phải bảo đảm những yêu cầu gì?	121
Câu hỏi 81: Cơ sở nghiên cứu, phòng thử nghiệm phải thực hiện các yêu cầu như thế nào để bảo vệ môi trường?	122
<b>VIII. VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ, KHU DÂN CƯ</b>	123
Câu hỏi 82: Khu mai táng, hỏa táng phải bảo đảm những yêu cầu gì để bảo vệ môi trường?	123

Câu hỏi 83: Chủ đầu tư dự án khu dân cư tập trung, chung cư phải thực hiện các yêu cầu nào để bảo vệ môi trường khu dân cư?	124
Câu hỏi 84: Cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có trách nhiệm như thế nào trong bảo vệ môi trường nơi công cộng? Cá nhân có hành vi vứt, thải, bỏ rác thải sinh hoạt không đúng nơi quy định tại khu chung cư, thương mại, dịch vụ hoặc nơi công cộng thì bị xử lý như thế nào?	125
Câu hỏi 85: Hộ gia đình cần bảo đảm thực hiện những yêu cầu nào để bảo vệ môi trường?	126
Câu hỏi 86: Tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường được thành lập và hoạt động theo nguyên tắc nào? Tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường có nhiệm vụ như thế nào trong công tác bảo vệ môi trường tại cộng đồng dân cư?	127
<b>IX. VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI</b>	128
Câu hỏi 87: Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp trong quản lý chất thải được quy định như thế nào?	128
Câu hỏi 88: Chủ đầu tư khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao có trách nhiệm như thế nào trong quản lý chất thải?	129
Câu hỏi 89: Quản lý chất thải bao gồm những hoạt động nào? Quản lý chất thải phải bảo đảm những yêu cầu nào?	129



- Câu hỏi 90: Chất thải nguy hại là gì? Chủ nguồn chất thải nguy hại phải lập hồ sơ về chất thải và đăng ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền hay không? 130
- Câu hỏi 91: Ông B dự định thành lập cơ sở xử lý chất thải nguy hại. Vậy, ông B cần phải đáp ứng các điều kiện gì và thực hiện những thủ tục nào để được hoạt động xử lý chất thải nguy hại? 131
- Câu hỏi 92: Việc phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển trước khi xử lý chất thải nguy hại được quy định như thế nào? 132
- Câu hỏi 93: Trong quy hoạch bảo vệ môi trường, quản lý chất thải nguy hại bao gồm những nội dung gì? 133
- Câu hỏi 94: Chất thải phóng xạ và nguồn phóng xạ đã qua sử dụng là gì? Nguyên tắc quản lý chất thải phóng xạ, nguồn phóng xạ đã qua sử dụng được quy định như thế nào? 134
- Câu hỏi 95: Chất thải rắn là gì? Chất thải rắn thông thường được phân loại như thế nào? 137
- Câu hỏi 96: Việc thu gom, vận chuyển chất thải rắn thông thường được quy định như thế nào? 140
- Câu hỏi 97: Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có phát sinh chất thải rắn thông thường phải có trách nhiệm tái sử dụng, tái chế, thu hồi năng lượng và xử lý chất thải rắn thông thường hay không? 140

Câu hỏi 98: Nội dung quản lý chất thải rắn thông thường trong quy hoạch bảo vệ môi trường được quy định như thế nào?	141
Câu hỏi 99: Việc thu gom, xử lý nước thải được quy định như thế nào?	141
Câu hỏi 100: Những đối tượng nào phải có hệ thống xử lý nước thải? Hệ thống xử lý nước thải phải bảo đảm các yêu cầu như thế nào? Chủ quản lý hệ thống xử lý nước thải có phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải trước và sau khi xử lý không?	142
Câu hỏi 101: Tổ chức, cá nhân chỉ được xả nước thải vào nguồn nước trong những trường hợp nào?	143
Câu hỏi 102: Việc quản lý và kiểm soát bụi, khí thải được quy định như thế nào?	145
Câu hỏi 103: Việc quản lý và kiểm soát tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bức xạ được quy định như thế nào?	145
<b>X. VỀ XỬ LÝ Ô NHIỄM, PHỤC HỒI VÀ CẢI THIẾN MÔI TRƯỜNG</b>	146
Câu hỏi 104: Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng là gì? Cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng bị áp dụng các biện pháp xử lý như thế nào?	146
Câu hỏi 105: Khắc phục ô nhiễm môi trường và cải tạo phục hồi môi trường là gì? Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường được quy định như thế nào?	147

- Câu hỏi 106: Khu vực môi trường bị ô nhiễm được phân loại theo các cấp độ như thế nào? 148
- Câu hỏi 107: Việc xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm là cơ sở để tiến hành các biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường. Vậy, việc xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm bao gồm những nội dung gì? Cơ quan nào có trách nhiệm thực hiện xác định khu vực môi trường bị ô nhiễm? 149
- Câu hỏi 108: Dự án khai thác mỏ, khoáng sản phải có phương án cải tạo, phục hồi môi trường trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt trước khi hoạt động. Vậy, nội dung chủ yếu của phương án cải tạo, phục hồi môi trường là gì? 150
- Câu hỏi 109: Sự cố môi trường là gì? Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, phương tiện vận tải có nguy cơ gây ra sự cố môi trường có trách nhiệm thực hiện các biện pháp gì để phòng ngừa sự cố môi trường? 151
- Câu hỏi 110: Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong phòng ngừa sự cố môi trường được quy định như thế nào? 152
- Câu hỏi 111: Khi có sự cố môi trường xảy ra, trách nhiệm ứng phó với sự cố môi trường được quy định như thế nào? 152
- Câu hỏi 112: Cơ quan nào có trách nhiệm điều tra, xác định phạm vi ô nhiễm, thiệt

hại do sự cố môi trường gây ra? Việc điều tra, xác định thiệt hại do sự cố môi trường gây ra gồm những nội dung gì?	153
Câu hỏi 113: Trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường được quy định như thế nào?	154
<b>XI. BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VỀ MÔI TRƯỜNG</b>	156
Câu hỏi 114: Thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường bao gồm những thiệt hại gì? Việc xác định thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường được quy định như thế nào?	156
Câu hỏi 115: Nguyên tắc xác định trách nhiệm cá nhân khi tổ chức, cá nhân gây ô nhiễm môi trường được quy định như thế nào?	158
Câu hỏi 116: Giám định thiệt hại do suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường được thực hiện trong trường hợp nào? Căn cứ giám định thiệt hại gồm những gì? Việc lựa chọn tổ chức giám định thiệt hại có phải do cơ quan được giao trách nhiệm giải quyết bồi thường thiệt hại quyết định hay không?	159
<b>XII. VỀ QUY CHUẨN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG, TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG</b>	160
Câu hỏi 117: Quy chuẩn kỹ thuật môi trường được hiểu như thế nào? Hệ thống quy chuẩn kỹ thuật môi trường bao gồm các nhóm quy chuẩn kỹ thuật nào?	160

Câu hỏi 118: Việc xây dựng quy chuẩn kỹ thuật môi trường phải bảo đảm những nguyên tắc nào?	162
Câu hỏi 119: Trách nhiệm xây dựng, thẩm định, ban hành quy chuẩn kỹ thuật môi trường được quy định như thế nào?	162
Câu hỏi 120: Quy chuẩn kỹ thuật môi trường được ký hiệu như thế nào?	163
Câu hỏi 121: Quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng môi trường xung quanh phải đáp ứng những yêu cầu gì?	164
Câu hỏi 122: Quy chuẩn kỹ thuật về chất thải phải đáp ứng những yêu cầu gì?	165
Câu hỏi 123: Tiêu chuẩn môi trường được hiểu như thế nào? Cho biết nguyên tắc áp dụng tiêu chuẩn môi trường?	165
Câu hỏi 124: Trách nhiệm xây dựng, thẩm định, công bố tiêu chuẩn môi trường được quy định như thế nào?	166
<b>XIII. VỀ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG</b>	167
Câu hỏi 125: Quan trắc môi trường là gì? Những thành phần môi trường và chất thải nào cần được quan trắc?	167
Câu hỏi 126: Các mục tiêu cơ bản trong hoạt động quan trắc môi trường nước mặt lục địa bao gồm những mục tiêu nào?	168
Câu hỏi 127: Các mục tiêu cơ bản trong hoạt động quan trắc tiếng ồn bao gồm những mục tiêu nào?	168

- Câu hỏi 128: Chương trình quan trắc môi trường quốc gia, chương trình quan trắc môi trường cấp tỉnh, chương trình quan trắc môi trường của khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, làng nghề và cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ được quy định như thế nào? 169
- Câu hỏi 129: Trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, cụm công nghiệp, làng nghề, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong quan trắc môi trường được quy định như thế nào? 170
- Câu hỏi 130: Các tổ chức tham gia hệ thống quan trắc môi trường bao gồm những tổ chức nào? Để thực hiện hoạt động quan trắc môi trường, các tổ chức có cần phải đáp ứng điều kiện, yêu cầu nào không? 171
- XIV. VỀ THÔNG TIN MÔI TRƯỜNG, CHỈ THỊ MÔI TRƯỜNG, THỐNG KÊ MÔI TRƯỜNG VÀ BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG** 172
- Câu hỏi 131: Thông tin môi trường là gì? Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc công bố, cung cấp thông tin môi trường được quy định như thế nào? 172
- Câu hỏi 132: Cơ sở dữ liệu môi trường được hiểu như thế nào? Cơ quan nào có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường? 173

Câu hỏi 133: Những thông tin môi trường nào phải được công khai? Việc công khai phải được thực hiện theo hình thức nào?	174
Câu hỏi 134: Chỉ thị môi trường được hiểu như thế nào? Cơ quan nào có trách nhiệm xây dựng và ban hành bộ chỉ thị môi trường?	175
Câu hỏi 135: Thống kê môi trường được hiểu như thế nào? Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong việc tổ chức thực hiện thống kê môi trường được quy định như thế nào?	175
Câu hỏi 136: Báo cáo công tác bảo vệ môi trường bao gồm những nội dung gì? Việc báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm được thực hiện như thế nào?	177
Câu hỏi 137: Báo cáo hiện trạng môi trường bao gồm những nội dung gì? Cơ quan nào có trách nhiệm lập báo cáo hiện trạng môi trường?	178
<b>XV. VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b>	179
Câu hỏi 138: Quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường bao gồm những nội dung gì? Chính phủ có trách nhiệm như thế nào trong thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường?	179
Câu hỏi 139: Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của Bộ trưởng Bộ	

Tài nguyên và Môi trường được quy định như thế nào?	181
Câu hỏi 140: Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ có trách nhiệm như thế nào trong việc thực hiện quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường?	183
Câu hỏi 141: Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân các cấp được quy định như thế nào?	187
<b>XVI. VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP VÀ CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ TRONG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b>	190
Câu hỏi 142: Trách nhiệm và quyền của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong bảo vệ môi trường được quy định như thế nào?	190
Câu hỏi 143: Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có quyền và trách nhiệm như thế nào trong bảo vệ môi trường?	191
Câu hỏi 144: Quyền và nghĩa vụ của cộng đồng dân cư trong bảo vệ môi trường được quy định như thế nào?	192
Câu hỏi 145: Cá nhân, tổ chức vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường bị xử lý như thế nào?	193



<b>XVII. MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ NGUỒN LỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</b>	<b>194</b>
Câu hỏi 146: Chi ngân sách nhà nước cho bảo vệ môi trường bao gồm những khoản chi nào?	194
Câu hỏi 147: Quỹ bảo vệ môi trường được thành lập vì mục đích gì? Quỹ bảo vệ môi trường có phải do nhà nước thành lập và cung cấp vốn hoạt động hay không?	196
Câu hỏi 148: Đối tượng nào phải nộp phí bảo vệ môi trường? Mức phí bảo vệ môi trường được xác định trên cơ sở nào? Nguồn thu từ phí bảo vệ môi trường được sử dụng cho mục đích gì?	197
Câu hỏi 149: Những hoạt động bảo vệ môi trường nào được Nhà nước ưu đãi, hỗ trợ?	198
Câu hỏi 150: Hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, phát triển và ứng dụng công nghệ về bảo vệ môi trường nào được ưu tiên, hỗ trợ?	199
Câu hỏi 151: Hoạt động truyền thông, phổ biến pháp luật về môi trường được quy định như thế nào?	200
<b>XVIII. VỀ KHIẾU NẠI, TỔ CÁO, KHỞI KIẾN VỀ MÔI TRƯỜNG</b>	<b>201</b>
Câu hỏi 152. Quyền khiếu nại, tố cáo, khởi kiện về môi trường của cá nhân, tổ chức được quy định như thế nào?	201

Chịu trách nhiệm xuất bản  
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP  
TS. HOÀNG PHONG HÀ  
Chịu trách nhiệm nội dung  
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN  
PHẠM VIỆT

Biên tập nội dung:	NGUYỄN THỊ THẢO
Trình bày bìa:	
Chế bản vi tính:	NGUYỄN THU THẢO
Sửa bản in:	NGUYỄN SƠN LÂM
Đọc sách mẫu:	NGUYỄN THỊ THẢO



**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT, 12/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội**  
**ĐT: 080.49221 Fax: 080.49222 Email: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn**

## **TÌM ĐỌC**

- **HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
- **LUẬT KHOÁNG SẢN**
- **LUẬT TÀI NGUYÊN NƯỚC**



**SÁCH KHÔNG BẢN**